

Wason
AP 95
Vb P57

PHỔ THÔNG

Giám-đọc, Chiu-bút : Nguyễn. Vỹ



tap-chi văn-hóa việt-nam và quốc-tế

NEUROTONIC

Từ thôn quê đến thị thành
ST. Nông. Công, Thương chng dành NEURO



C
UNIVERS
JUL 22 1957
LIBRARY

NEUROTONIC

★ BỒI BỔ ÓC
★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

đọc

Thằng

bờm

đề biết giá trị của cái



quạt mo

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT NAM
PHO BIÊN VĂN HOA LONG TÂY KIM CÔ

Giám-đọc, Chỉ-bút ; Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-nữ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 243 — 15-4 1970

1 — Giới cầm bút chuyên nghiệp	Nguyễn-Vỹ	6 — 10
2 — Đối thoại trong im lặng	Nguyễn-Si	11 — 16
3 — Ả Phù-Dung	Nguyễn-quang-Tô	17 — 24
4 — Thập nguyệt (thơ)	Trương-Phổ	25 —
5 — Osaka	Hoàng-Tú	26 — 31
6 — Bà Chúa Chè	Phạm-văn-Sơn	32 — 36
7 — Rong biển	Vị-Lang	37 — 39
8 — Cù Võ-Liêm-Sơn	Xuân-Bồng	40 — 42
9 — Chuyển xe định mệnh	Thành-Vũ	43 — 48
10 — Nhủ thầm (thơ)	Thương-Truyền	49 —
11 — Căn phòng bí mật (t.t.)	Giang-Tân	50 — 55
12 — Màu sắc độc quyền (Trung)	Ái-Lan	56 — 61
13 — Nhận diện (thơ)	Nguyễn-trường-Văn	62 —
14 — Hoàng-đế Nội-kinh	Nguyễn-dồng-Dị	63 — 68
15 — Trường niệm cụ Phan-văn-Hy	Lệ-Thủy	69 — 75

16 — Lê Thanh-Minh (Bắc)	Nguyễn-quang-Tô	76 — 79
17 — Trường ca huyền sử quê hương	Lệ-Chủ	80 — 86
18 — Những đêm cầu cơ	Hải-Linh	87 — 99
19 — Khóc chị Song Thu	Phạm-Phú Hoài-Mai	100 —
20 — Tâm hồn Thi sĩ	Nhất-Tâm	101 — 106
21 — Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	107 — 113
22 — Binh đội, binh chế	Tín-Khanh	114 — 118
23 — Chiều trong mây bay	Hoài-Thi	119 —
24 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	120 — 123
25 — Bận đọc viết		124 — 127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

Giới Cầm Bút Chuyên-nghiệp

*nên
đoàn
kết nhau*

ĐOÀN-kết nhau, trước hết, để bảo-vệ uy-tín của nhà Văn, nhà Báo.

Uy-tín và Danh-dự. Vì hình như dư-luận quần chúng lâu nay không mấy có thiện-cảm với làng Văn làng Báo. Chính đa số người làm nghề cầm-bút cũng mặc-nhiên nhận-thức rằng sinh-hoạt Văn-nghệ và Báo-chí của chúng ta rất là bẽ-bối, triệu chứng những chia rẽ trầm-trọng vì nhiều nguyên-nhân. Không những chia rẽ ngầm-ngấm trong nội-bộ, mà lắm lúc còn thổ-lộ công-khai ngay trên các cột báo, tiết-lộ cho mọi người ở ngoài cuộc, — Đồng-bào, chính quyền, và ngoại-quốc, — thấy rõ nhiều xấu-xé cá nhân và cạnh tranh lợi-quyền của nghề-nghiệp.

Chúng ta cứ trung-trực mà nhìn nhận chúng ta không thoát khỏi tình trạng phân qua nát-bảy của khắp các lãnh vực Xã-hội, và chính điều đó đã làm thương tổn rất nhiều uy-tín của con người Văn-nghệ.

Cá-nhân được coi nặng quá, và dĩ-nhiên, sự đụng chạm càng quyết-liệt một khi những quyền lợi tinh thần và vật chất riêng tư càng bị đe-dọa lẫn

nhau, dù là trong khuôn khổ chật-hẹp của nghề nghiệp.

Danh-dự của tập-thể chỉ còn là một nguyên tắc vàng-son, một huyền-thoại nhân-danh nó ai cũng tự cho mình có quyền chà-đạp trên danh-dự của kẻ khác.

Hậu-quả thực-tế rõ-rệt nhất là chính tập thể bị mất uy-tin, rất trầm-trọng, — trước dư-luận Nhân-dân, và trước Lịch-sử. Cá-nhân, được tăng cường hay bị đè bẹp, cũng sẽ dần dần bị thời-gian xóa-nhòa. Tranh-chấp cá nhân dù sôi nổi đến đâu cũng chỉ còn là một ký-ức không mấy tốt đẹp thường bị chôn vùi trong dĩ-vãng.

Nhiệm-vụ của nghề cầm-bút, — nhà Văn, nhà Thơ, nhà Báo, Kỹ-giả chuyên nghiệp, — chỉ trở nên cao-quý, và hăng say phục vụ Dân-tộc khi nào nhiệm-vụ được thực-hành trong danh-dự, và uy-tin cá-nhân.

Đó là nhiệm-vụ chung của tất cả chúng ta, và trách-nhiệm mà, dù muốn dù không, chúng ta cũng phải nhận lãnh trước Lịch-Sử và dân-tộc. Cầm bút viết Văn, mỗi người trong chúng ta đã phải ý-thức

rằng công-tác văn-nghệ không phải một việc làm cá-nhân, một phương tiện duy-nhất kiếm tiền để nuôi sống thân mình. Trái lại, văn-nghệ là một phương tiện sống nghèo-nàn nhất, khổ nhất, lắm khi hạn nhất. Luôn luôn, tài hoa vẫn là cái lụy nghìn đời.

Tự nhận lãnh công việc viết Văn, làm Thơ, chúng ta đã phải hy-sinh nhiều những gì thuộc về thân thể của ta, vì chúng ta không thể phủ-nhận sự liên hệ mật thiết của nét bút câu văn đối với cả một dân tộc, một xã-hội loài người, một và nhiều thế-hệ.

Cái cao quý của Văn-chương, chính là ở điểm đó. Trọng trách và Vinh-dự của nhà-Văn, nhà-Thơ, chính là ở điểm đó.

Vì thế, chúng ta không thể nào phủ-nhận được sự liên-hệ tinh-thần rất lớn lao, rất sâu-rộng, giữa nhà Văn, nhà Thơ, giữa mỗi bài Thơ, bài Văn, với tập-thể quần chúng đông-đảo trong quốc-gia, xã-hội.

Ý-thức trách-nhiệm vĩ-đại buộc tất cả các nhà Văn nhà Thơ phải đoàn kết nhau chặt-chẽ, để cùng

nhau nâng-đỡ, góp-sức, bảo-vệ uy tín của Văn-
nghệ, và thực hành Nhiệm vụ xây-dựng của Văn-
nghệ.



Cựu học sinh trường Qui-Nhơn.

Một số đồng anh em Cựu Học sinh Trường Trung
Học Qui-Nhơn đề nghị thành lập một Hội Ái
hữu. Vậy tất cả anh em nào Cựu Học Sinh Trường
Trung Học Qui-Nhơn từ 1924 đến nay, hiện có
mặt ở Saigon, và muốn gia-nhập Hội, xin ghi tên
tại Tòa Soạn Phổ-Thông, số 231 Phạm-ngũ-Lão,
Đ.T. 25.861, buổi sáng từ 9 giờ 30 đến 12 giờ.

MỘT CÂU CHUYỆN THIÊN

ĐỐI THOẠI

TRONG IM LẶNG

TẠI một ngôi chùa kia, có
hai sư huynh đệ trụ trì,
Người anh thì thông minh
uyên bác, nhưng người em thì
đã dốt đặc cán mai, lại chỉ còn
có một con mắt.

Một hôm, có một nhà sư đi
ngang qua chùa và xin cho ở
đậu. Tục lệ thời bấy giờ
là muốn được đón nhận vào
chùa, người khách phải toàn
thắng người chủ trong một
cuộc so tài về giáo lý. Nhà sư
khách xin được so tài về
giáo lý.

Người anh mệt mỏi vì học
kinh kiền suốt ngày, nên nhờ
người em ra thay mặt mình.
Ông quá biết rõ sự ngu dốt
của em mình, nên dạn dò rất
kỹ lưỡng :

— «Đề nhớ cứ giữ im lặng
là hơn cả».

Người em vâng lời, và bước
ra ngồi đối diện với người
khách. Chẳng bao lâu, người
khách chạy đến tìm người anh,
mà tròn xoe, và nói :

— «Xin thán phục ! Sư đệ
ngài quả là một cây giáo lý !
Anh ta thắng tôi rồi».

— «Vì sao vậy ?», người
anh đưa mắt hỏi.

— «Đây, đề tôi kể cho ngài
nghe cuộc đối thoại bất hủ này !
Đầu tiên, tôi giơ một ngón
tay lên, đề chỉ Đức Phật, đấng
Từ bi Giác ngộ. Sư đệ ngài
liền giơ lên hai ngón tay ý nói
Đức Phật và Giáo lý của Ngài
không thể nào tách rời nhau
được. Tôi liền giơ lên ba ngón

tay, tượng trưng cho Tam Bảo là Phật Pháp Tăng. Thì tuyệt diệu thay ! Anh ta liền xòe bàn tay phóng lên không trung, để phá tan tất cả và thu Chân Không vào một mối ! Giáo lý của các ngài đã đạt tới mức Thượng thừa ! Tôi xin vô cùng bái phục, và cũng xin hẹn ngày sau tái ngộ.

Người khách bỏ đi rồi, thì chỉ một lát sau người em hùng hồ chạy tới :

— «Đâu ? Hẳn đâu rồi ?»

— «Hình như đệ đã thắng

hẳn rồi phải không ?», người anh hỏi.

— «Thắng cái khí khô ! Đệ sắp cho hẳn một trận bảy giờ đây này...»

Người anh ngạc nhiên hỏi nguyên do.

Người em trả lời, giọng ầm ừc :

— «Huynh có thể nào tưởng tượng, hẳn hẳn xược đến thế này là cùng. Đầu tiên, hẳn

mim cười chế riều đệ, và giờ một ngón tay lên chế đệ chỉ có một mắt. Đệ cố nén giận, vì nghĩ dù sao mình là chủ, hẳn là khách, cũng nên giữ lễ với hẳn một chút. Nên đệ giờ hai ngón tay lên mừng cho hẳn còn đủ hai mắt. Nhưng quá quần thay ! Hẳn lại giờ lên ba ngón tay, ý nói cả hai người cộng lại cũng chỉ có được ba con mắt ! Tới đó, đệ không còn chịu nổi nữa, liền vung tay lên định ban cho hẳn một chưởng thì hẳn vùng bỏ chạy mất...»

Nguyên Si dịch thoát theo quyền «101 chuyện thiền» («zen flesh, zen bones») do Paul reps soạn.

● **Lời bàn của Nguyên-Si**

Tục ngữ ta có câu : «ông nói gà, bà nói vịt», thiết tưởng rất thích hợp với câu chuyện trên đây. Nhưng gà với vịt còn nấu nướng như nhau, chứ Phật Pháp Tăng và con mắt chột của nhà sư thì làm sao mà bỏ chung vào một lò

được ? Cũng vì vậy mà trong chùa nọ suýt xảy ra một trận đấu chưởng kinh hồn !

Nguyên Si tôi le lưỡi, lắc đầu, gãi tai, mà than thở : Ôi ! Cuộc đối thoại giữa hai nhà sư đi tìm Chân Lý, rốt cục cũng chỉ là hai cuộc độc thoại của hai tâm hồn bị ám ? Sự oàm thông giữa những con người mới thật là khó khăn thay ! Cũng như mỗi khi bàn chuyện Thiền, Nguyên Si muốn nói bao nhiêu điều với độc giả. Nhưng nặn óc ra đời rồi, mà ngòi bút những ngập ngừng trên giấy trắng, chẳng hiểu rồi đây độc giả có cảm thông cho hay chăng ?

Thở than vong, thì lại trộm nghĩ : phạm ở đời, muốn cảm thông nhau, thì chỉ có hai cách là nói và không nói (theo nghĩa rộng.)

Nói tức là dùng một phương pháp biểu tượng để diễn đạt tư tưởng của mình. Thường tình, người ta dùng lời nói (ngôn ngữ), chữ viết (văn tự), hoặc nếu không nói không viết được (hay lười nói lười viết),

thì dùng dấu hiệu (hiệu ngữ). Nhưng trong trường hợp nào cũng dùng một cái này để chỉ định một cái kia. Do đó, thật là một phương pháp vô cùng thiếu sót, một chiếc cầu thông cảm mỏng manh và tạm bợ.

Xin kể một câu chuyện vui xảy ra tại một trạm xe lửa bên Anh. Một bà già nghênh ngang hỏi người xếp ga :

— «Xe lửa đi Luân đôn mấy giờ mới tới và ngừng ở đây bao lâu, thưa ông ?»

— «Thưa bà, từ hai giờ kém hai phút tới hai giờ hai phút (from two to two to two two)».

— «Chèng đéc ơi ! Ông này nghênh ngang thiệt. Tôi có hỏi ông còi xe lửa kêu ra sao đâu mà ông cứ tu-tu hoài vậy».

Câu chuyện này nói rõ được sự thiếu sót của ngôn ngữ.

Nhưng dù mỏng manh, thiếu sót, tạm bợ đến đâu chẳng nữa, từ ngữ cũng là một phương tiện cần thiết để lại gần Chân Lý, là gây cảm thông

giữa những con người. Đã «nhập thế cực» thì «bất khả vô văn tự»; ngày xưa Đức Phật cũng đã do dự nhiều trước khi thuyết pháp, nhưng rốt cực Ngài cũng đã phải dùng đến ngôn ngữ. Đối với người Phật tử, ngôn tay của Ngài tuy không phải là mặt trăng, song phải lần theo mới thấy được mặt trăng; đến khi tới đầu ngón tay rồi, mới có thể từ bỏ ngón tay mà nháy qua mặt trăng. Đó mới là giai đoạn phá bỏ mọi chấp trước vào văn tự, cũng như mọi phương pháp giả lập. Như vậy, tu Phật là cả một công trình lâu dài, lần bước từ giai đoạn này tới giai đoạn khác, từ «hữu luận» qua tới «vô luận» rồi mới tới «duyên giác», đâu có phải một sớm một chiều mà đã thấu được lẽ Chân Không!

Riêng về các phương tiện diễn đạt tư tưởng hay tình cảm, thì phải công nhận rằng lời nói và chữ viết đích xác, tinh vi hơn câu hiệu thay từ ngữ, tức là muốn trở lui về thời kỳ thượng cổ! Thật vậy,

mỗi lời mỗi chữ chỉ có thể chỉ định một vài khái niệm, trong khi đó mỗi cử chỉ có thể chế theo hàng trăm ngàn ý nghĩa, tùy theo trí tưởng tượng của con người, nhất là những con người bệnh hoạn, mê sáng, bị ám, như hai nhà sư trong câu chuyện trên. Nhà sư chợt mất mang nặng mặc cảm về sự chợt mất của mình, nên nhìn đâu cũng chê bai, chế riếu; dù là giờ ngón tay hay vẩy ngón chân, vỗ bụng hay rung đùi, tất cả sẽ được thấu vào con mắt chợt oái oăm. Nhà sư kia thì lại bị ám ảnh bởi những giáo điều, nên nhìn đâu cũng ra giáo lý «cao siêu»: một là Phật, hai là Pháp, ba là Tam Bảo, bốn là Tứ Đế, năm là Ngũ Minh, sáu là Lục Nhập, bảy là Thất Bồ Đề Phần, tám là Bát Chánh Đạo, v.v... (cứ như thế cho đến tận tám vạn bốn ngàn là Bát vạn tứ thiên Pháp Môn).

Như vậy, theo ý Nguyên Sĩ, nếu có nói, thì hãy tránh dấu hiệu, dùng ngôn ngữ, cho đích xác, cho hợp lý, cho thông

thông, tránh những từ ngữ mơ hồ — chỉ định rất nhiều mà thật ra không chỉ định gì cả. Nhất là cố gắng cởi bỏ mặc cảm, thành kiến trong khi đối thoại. Mới nói như vậy thì cảm thấy dễ, nhưng thực hành mới thấy là khó vô cùng.

Còn nếu không nói? Nếu không nói, thì tức là giữ im lặng. Im lặng cũng có thể cảm thông được. Hơn nữa, im lặng, nếu tuyệt đối, vì không còn thuộc vào thế giới hiện tượng mà đi sâu vào bản thể, nên sẽ có thể dẫn tới Chân Lý tuyệt đối.

Nhưng phải kể đến những loại im lặng giả hiệu.

Diễn hình cho loại im lặng giả hiệu đầu tiên là câu chuyện «đối thoại trong im lặng» trên. Các nhà sư trong câu chuyện đều hiểu sai chữ «tĩnh». Thật tình, họ không im lặng chút nào vì chính tâm hồn họ còn bị xáo trộn bởi những mặc cảm, sự giận hờn, lòng tranh chấp.

Loại im lặng giả hiệu thứ hai là loại lợi dụng cái im lặng trong sáng, để che đậy một cái im lặng vẩn đục. Ta nhớ tới người xưa đã có câu: «Kẻ cực hiền giống như kẻ cực ngu» hay «Người biết thì không nói»... Thật vậy: kẻ cực ngu không biết gì hết nên dĩ nhiên phải im lặng rồi, còn người cực hiền thì đâu thấy gì đáng nói nên giữ im lặng. Ở giữa hai thái cực, ngu và hiền đều lên tiếng nói. Nhưng ngu nói ngu, và hiền nói hiền, tương đối dễ nhận ra, chứ trong cái im lặng thì làm sao mà phân biệt được người cực hiền với kẻ cực ngu? Có lẽ vì vậy cho nên mới có lắm kẻ lợi dụng sự im lặng đó, như lợi dụng tinh thần «bất lập văn tự» (không dựa lên chữ nghĩa) của Thiền tông, để che đậy cái rỗng tuếch, ngu xuẩn của mình! Than ôi! Nếu có phải than về Thiền tông, thì Nguyên Sĩ tôi sẽ than như vậy: Ôi! Thiền quả là một nơi lẫn lộn vàng thau; một nơi mà lắm kẻ bịt bọm tha hồ dựa lên tinh thần «vô

ĐỐI THOẠI

niệm», «phá chấp» mà tung hoành, lấn áp lên những tâm hồn thanh tịnh, cao minh. Họ thẳng tay dán nhãn hiệu «Thiền» vào những lời nói những hành động phi lý nhất và dần dần «Thiền» sẽ có thể bị đồng hóa với «lẩn thân», «điên rồ»...

Nhưng còn im lặng thật sự ? Im lặng thật sự, thì còn gì đáng nói nữa...

Xin mượn, đề kết luận, một bài thơ của Điều Ngự Giác Hoàng, sư tổ Thiền phái Trúc lâm Yên tử, đời Trần, tả một cuộc «đối thoại trong im lặng, đầy thi vị và giải thoát :

Dương liễu hoa thâm điều ngữ
trì,
Hoa đường thiêm ánh mộ vân
phi.
Khách lai, bất vấn nhângian sự
Chỉ bạng lan can khán thúy
vi.

(Bông liễu nở đầy, chim hót chậm rãi. Trước bóng thềm nhà trồng hoa, mây chiều bay lơ lửng. Khách đến thăm,

không hỏi đến việc đời, việc người. Mà chỉ lựa tan can, ngắm bầu trời xanh biếc).



Dịch thơ :

Chim hót dề dề, liễu tả tôi,
Thềm hoa mây phủ bóng nhà dài.
Khách vào, chẳng hỏi niềm
nhân sự,
Tựa bức lan can, chỉ ngắm
trời

(Ngô tất Tố)

NGUYỄN-SI (t)

Trong ban biên tập của tạp chí Gió Nội, tiếng nói của sinh viên Phật tử VN tại Pháp.

Ả PHÙ-DUNG

TRONG LỊCH-SỬ CHÍNH TRỊ

□ NGUYỄN-QUANG-TÔ

sao cô ả phù dung lại biết làm chính trị ?

Ả PHÙ-DUNG là biệt danh của thuốc phiện. Tại sao Thuốc phiện lại có biệt danh Ả Phù-Dung ? Vì thuốc phiện ngoài công dụng chữa bệnh có một chất ma túy, ai mà bị phải nghiện nó, thì đừng nói chuyện cai chữa.

Vì tính chất cá biệt của giống thực vật này như thế, cho nên mấy bọm còm đen mới đặt ra cho nó câu chuyện sau đây : đời xưa có một mỹ nữ bị bạc tình lang ruồng bỏ, nàng đau khổ vì mối tình tuyệt vọng cho nên sau khi chết đi hóa ra cây thuốc phiện để báo hại bọn đàn ông chơi, Không ngờ bọn đàn bà cũng ngấm ấy tế bào như thế, nên chỉ cô nàng cũng báo hại luôn cả bạn cùng giới mình.

Câu chuyện chỉ có thể, tại

Không, trong lịch-sử chính trị cô nàng đóng một vai khá quan trọng chứ không phải tầm thường. Nhất là nước Trung-Hoa, cô ả này đã làm cho nghiêng nước nghiêng thành, thất điên bát đảo, đến nỗi đã có lúc người Tàu bị người ngoại quốc cho đứng ngang hàng với loài chó.

Sao mà ghê gớm thế nhỉ ? Đề giải đáp câu hỏi trên, chúng ta hãy tìm do lai của Ả :

Thuốc phiện chữ Hán là «Cù-túc», được phát hiện từ đời thịnh Đường, nhưng chỉ để dùng chữa bệnh. Còn thứ thuốc nữa rất nguy hiểm cho con người thì hầu hết do người Ả-Rập (Arabe) đem vào bán cho người Tàu trước nhất.

Tới trung điệp triều đại nhà Minh, Đế quốc Bồ-đào-Nha mới chở vào nước Tàu bán, lột bạc bộn.

Tới triều Càn-Long và Mãn-Thanh, sau khi nhà chính trị con buôn Anh-Cát-Lợi. Chúng tôi nhà chính trị con buôn, vì lịch-sử mở rộng thuộc địa của Anh bao giờ và ở đâu cũng đều là những thương hội.

Sau khi hát chân Bồ-đào-Nha và Pháp ra khỏi Ấn-độ, Anh độc chiếm nước này làm thuộc địa, đồng thời dành luôn cả mỗi lợi bán thuốc phiện trên đất Tàu. Món hàng này Công ty Đông Ấn-độ của Anh hàng năm kết đầy ăm-ấp.

Vua quan nhà Mãn-Thanh từ đời Ung chính và Càn-Long nhận rõ nguy cơ thuốc phiện đối với dân tộc họ, tức tốc xuống lệnh cấm. Tới triều Gia Khánh lại cấm càng gắt gao hơn. Nhưng bọn thương gia Anh tìm cách hối lộ cho quan Tàu, cho nên cứ nhập cảng vào đất Tàu ngày càng nhiều,

từ 34.000 thùng mỗi năm lên 180.000 thùng mỗi năm, làm cho dân tộc Trung-Hoa ngày càng khô héo, kiệt quệ cả tài lẫn lực.

Tới năm thứ 18 vua Đạo-Quang nhà Mãn-Thanh, trong một buổi hội trào đề thảo luận đổi sách đề chống lại tai họa thuốc phiện do bàn tay người Anh gây ra cho dân tộc Trung-Hoa.

Hồng-Lộ tự Khang Hoàng Tước tâu : Tiền bạc trong nước cứ đội nón đi ngoại quốc, số người Trung-hoa bại hoại thành phế nhân ngày càng nhiều, nguyên nhân chỉ vì thuốc phiện.

Tổng-Đốc Hồng-Quảng là Lâm-tác-Từ tâu «Nước ta ngày càng nghèo, dân trí ngày càng ngu, dân lực ngày càng kiệt quệ chỉ vì thuốc phiện, nếu không trừ khử được thuốc phiện kịp thời, thì nước mất đến nơi. Sau buổi hội trào ấy, vua Mãn thanh lập tức ban chỉ vụ cấm thuốc phiện.

Kế hoạch thực hiện của triều đình là : Hẹp 10 người làm một «bào», phải kiểm soát và nhân nhủ lẫn nhau. Nếu bắt được một người trong «bào» hút thuốc phiện thì 9 người kia phải liên đới chịu tội. Kẻ hút cũng như người bán đều bị tội tử hình. Lúc đó đã có một vài vụ án như thế xảy ra trên đất Tàu mà các báo chí ở bên Anh quốc làm rùm beng lên. Chúng ta chớ vội tin rằng, người Anh vì nhân đạo hay công lý... thực ra chỉ vì thuốc phiện của họ ế mà thôi. Cái nghề con buôn là vậy, họ chỉ cần biết bán cho được hàng, chứ chẳng cần danh giá, sĩ diện gì hết.

Người ta chưa ai quên câu chuyện, khi lục địa Trung-hoa còn nằm trong tay nhà Mãn-Thanh và Quốc-dân đảng, những công viên Anh ở trên đất Tàu trước cửa đề yết bảng : «Cấm chó và người Tàu không được vào», thì năm 1949, Mao-Trạch-Đông chiếm Hoa lục, trong khi cả thế giới đang hoảng hốt, đứng đầu là Hoa-Kỳ đang

sợ chủ nghĩa cộng tràn lan xuống vùng Đông-Nam Á Châu phải tìm đủ mọi biện pháp để bao vây ngăn chặn, thì Anh quốc đương nhiên công-nhận chính phủ nhân dân Trung-Hoa và ký thương ước Hoa trung đề độc chiếm thị trường Hoa-Lục. Năm 1959, người ta tính ra, 10 năm người Anh buôn bán với Bắc-Kinh lợi tức bằng một trăm năm mà trước đây họ phải cạnh tranh thương mại với các liệt cường khác trên đất Trung-Hoa. Cũng như năm 1958, khi Nga-Xô đưa 2 con chó lên không gian, thì hội bảo vệ súc vật Anh quốc tuyên bố phản đối âm ỹ, mà tới khi cả Hoa-Kỳ lẫn Nga thiệt làm 5 nhân mạng trên không gian thì người ta lại câm miệng hến. Chó vội bảo người Anh coi chó trọng hơn người, nhưng cái nghề con buôn là như vậy đó, buôn chi thì cũng là buôn.

Nha phiến Chiến tranh hay là câu chuyện cô À-Phù-Dung phun khói

Như trên đã nói qua, khi

triều đình nhà Mãn-Thanh, nhận thấy cái nguy hại của thuốc phiện đang giết dần dân tộc họ, họ phải thẳng tay ngăn chặn, vua Thanh mới ủy giao Lâm-Tác-Từ làm Tổng đốc Lương-Quảng để thi hành việc đó.

Là một người tích cực và cương quyết, vừa tới nhậm chức, họ Lâm dùng lực lượng cảnh sát tịch thu một lần được 20.283 rương thuốc phiện. Mỗi rương nặng 20 kylô. Tổng cộng số tiền là 5600 vạn đồng tiền Trung-Hoa lúc đó.

Họ Lâm thân hành đôn đốc mọi việc, ông đem số thuốc phiện ấy đốt cháy đống mun xuống biển, đồng thời bố cáo cho các nhà buôn ngoại quốc biết những quyết định mới về thuốc phiện của triều đình nhà Thanh như sau đây :

«Từ nay nếu còn có người dám chở thuốc phiện tới đất Tàu bán nữa, khi những hàng hóa bị tịch thu mà người chở tới còn tử tội nữa».

Các thương gia Hoa-Kỳ và Bồ-đào-Nha đều tuân theo. Chỉ riêng các thương gia Anh quốc tỏ thái độ khinh khi, cho nên không chở thuốc phiện vào Quảng-đông, Hương-Cảng được thì họ lại lên lút chở vào Áo-Môn tổ chức gian thương tiêu thụ lên lút, nhưng vẫn bị Lâm-tác-Từ theo tới đập tan ngay.

Chở thuốc phiện tới không được, người Anh liền chở súng đạn binh lính tới. Khởi lửa chiến tranh bắt đầu.

Năm hiệu Đạo-Quang năm thứ 20 (1840) người Anh phái tới 15.000 thủy lục quân tới Hải-Vọng-Giác và Ấn-độ, cùng với 26 chiến thuyền, 100 khẩu đại bác do 2 tướng George Elliot và Bremea chỉ huy, đánh thẳng vào Quảng-Đông. Nhưng Lâm-tác-Từ đã biết trước sự việc nhất định phải xảy ra, nên ông đã chuẩn bị sẵn sàng, cho nên số quân này không đổ bộ lên được.

Nhưng rồi cái mồm đĩa thực dân, không bám vào Quảng-

đông được, thì họ lại bỏ Quảng-đông kéo tới Hạ-môn, cũng như binh thuyền Pháp không hạ nôi Đà-Nẵng (1858) thì họ lại bỏ Đà-Nẵng kéo vào Gia-Định thành (1859) vậy.

Nhưng ở Áo-môn quân Anh lại một lần nữa bị đẩy lùi. Gây chiến tranh bộ phận không giải quyết nổi vấn đề thuốc phiện, người Anh xoay sang gây đại chiến, nghĩa là sau đó họ đem thêm binh lính và súng đạn đổ bộ lên nhiều nơi : Chiết-Giang, Đinh-Hải, Thiên-Tân và nhiều nơi khác.

Vì khí giới thô sơ hơn, chiến lược chiến thuật quân sự non yếu hơn, lúc đó lại chưa biết «Du-Kích-Chiến» và chiến tranh nhân dân nên quân Mãn-Thanh bị thua liên tiếp mấy trận. Thế là người Anh đã dùng cái lý của kẻ mạnh do súng đạn bắt nạt nhà Mãn-Thanh ký một hiệp ước tại Nam-Kinh ngày 29-8-1842 ; duy định mấy vấn đề sau đây :

A) Trong sự giao dịch giữa

Anh và Trung-Hoa về việc thương mại, người Anh được quyền đặt một đại diện tại Quảng-Châu để giao thiệp trực tiếp với chính quyền Trung-Hoa. Như thế làm đổi hẳn thái độ của nhà Mãn-Thanh, chống việc giao thương với Anh nhất là vấn đề thuốc phiện.

B) Các nhà thương mại Anh có quyền mua bán trực tiếp với người Trung-hoa ở các hải cảng Quảng-Châu, Hạ-môn, Thượng-Hải, Phước châu và Ninh-Ba, và cũng có quyền lưu trú và đặt lãnh sự ở những nơi đó.

C) Thuế thương chánh chính quyền Trung-Hoa không được phép thu quá 5 phần trăm giá hàng hóa,

D) Nhưng quan trọng nhất là phụ ước ký năm 1843. cho người Anh được tổ tụng trước tòa án lãnh sự về mặt hình, khi nào họ có việc kiện cáo với người Trung-Hoa : khoản này đã trước đoạt mất chủ quyền Trung-Hoa một cách trắng trợn.

Đ) Chính phủ Trung Hoa phải thừa nhận cho người Anh lấy Hương cảng làm nhượng địa một thời hạn là 99 năm (Một con số 99 này đã làm nhà cách mạng Trung hoa Nhậm-công Lương khải Siêu khóc sụt sụt trong những tác phẩm của ông).

Ảnh hưởng của giặc thuốc phiện và hiệp ước Nam-kinh (1842) một điểm nhục ở Trung-Hoa được bắt đầu. Người Anh đã đặt chân lên đất này nhờ những điều kiện thương mại và pháp luật. Hiệp ước Nam Kinh là hành động của tên tướng cướp vào trói chủ nhà bắt ký vào văn khế bán nhà, cũng là khai mào cho các liệt cường khác Âu-Mỹ kế tiếp tới ăn hiếp Trung hoa bắt ký những hiệp ước tương tự.

Ví dụ Hiệp ước Vong-Hạ, ký tháng 7-1844 giữa Mỹ và Trung-Hoa buộc Trung-Hoa phải để cho Mỹ được mua sách Trung-Hoa và thuê giáo sư để dạy.

Hiệp ước Hoàng-Phổ, giữa

Pháp và Trung-Hoa ký tháng 10 năm 1844 tương tự với Hiệp ước Anh-Hoa nói trên, chỉ khác một khoản buộc người Trung-hoa phải để cho người Pháp tự-do truyền bá đạo Thiên-Chúa. (Khi nào và với ai người Pháp luôn luôn có khoản này).

Chúng ta có thể kết luận một câu mà không sợ sai lầm rằng Trận giặc thuốc phiện Anh-Hoa là bước đầu tiên của bọn tư bản đế-quốc Âu-Mỹ xâm lược Á châu làm thị trường thuộc địa hay bán thuộc địa.

Ả PHÙ-DUNG trên chiến trường Đông dương thuộc Pháp

80 năm cai trị Đông-dương, ngoài những nguồn lợi kinh tế khác, ngoài những nguyên liệu khác Ả Phù-Dung này cũng đã cung cấp cho sở Thương chánh Pháp ở Đông-dương hàng năm những số tiền kèch sù, và tài lực người dân bản xứ cũng đã hao mòn với cô gái điểm này không ít.

Năm 1926, Ông N.A.Q. trên tờ báo Thanh niên của ông xuất-bản ở Quảng châu (Thị xã Quảng Đông) trên bài Văn. Văn nhan đề «Hoán tình quốc dân» khi lý giải về cái tai hại của thuốc phiện ông viết :

«
 «Kia thuốc phiện ấy là rất độc,
 «Mắc nghiện rồi thối róc xương mòn.
 «Nếu như ta muốn sinh tồn
 «Tuyệt đối phải cấm ai còn dùng đầu
 «Thế nhưng Pháp hiềm sâu khôn xiết
 «Cho dân ta hút biết bao nhiêu (?)
 «Hỡi ôi ! thuốc hút càng nhiều
 «Dân ta tài lực tiêu hao còn gì !

« :

Không chỉ những người cách mạng Việt-như Cụ N.A.Q. đã lên án Thực dân Pháp trong các sách thuốc phiện, mà cho tới chính những người

Pháp dân chủ Văn minh như bà Andrée Viollis một nữ ký giả có dịp sang Đông-dương khảo sát, khi trở về Pháp bà viết cuốn bút ký nhan đề «Đông-dương kêu cứu» (Indo-chine S.O.S.) ở trang 60, 61 sách trên khi mô tả về cái tai hại của thuốc phiện cũng như giả tâm của Thực dân Pháp trong các sách dùng thuốc phiện ở Đông-dương, bà đã viết như sau :

«... Ở khu vực Chợ-Lớn, một nơi có thể gọi là một Thành phố của người Tàu, 11 giờ đêm, chúng tôi ra khỏi một tiệm cơm Tàu..., bỏ đại lộ rồi đi tạt vào một ngõ hẻm, mục đích để tìm hiểu những cái gì mà trong bản điều tra sơ khởi đã được ghi. Chúng tôi đi vào một tiệm hút thuốc phiện.

«Một cánh cửa mở rộng để đi vào hàng hiên, bên trái lối ra vào có một gít-sê bán thuốc phiện, 5 các một hộp 5 gam. Từ ngoài cửa đã ngửi thấy cái

mùi lợm mửa nhện lên cổ họng.

«Vừa vào lọt cửa tôi đưa mắt nhìn cùng cái phòng dài, thật là cả một mê hồn trận... tường ám khói, lờn vờn lên những vết nhơ kinh tởm. Mỗi người nằm một xó, không ai động đậy khi chúng tôi đi qua, cũng không ai thêm nhìn chúng tôi. Người ta đang hút, chỉ khi ho hen hay hắt hơi mới có tiếng động. Có người nằm im bất động như một cái thây ma. Lại có người chân duỗi thẳng ra tay giơ lên như người bị sét đánh, hay như bị hơi ngạt ở trận địa.

«Chúng tôi có một cảm giác lạnh xương sống khi đi qua cái đám tử thi chưa dứt hơi thở này»

Sau khi trình bày hết những việc được chứng kiến, bà nữ ký giả Pháp so sánh :

«Ở bên Pháp chúng ta, nếu có một tiệm hút thuốc phiện như kiểu này sẽ bị coi như là phạm quốc cấm. Nhưng ở

Đông - dương lãnh thổ hải ngoại của nước pháp, thuốc phiện lại được hút và bán công khai như kia. Và theo sự tìm hiểu được của chúng tôi thì mỗi năm sở thương chánh Đông-Dương thu được một số bạc khá lớn.»

Cuối cùng bà kết luận :
«Tại sao mình tự cho mình sang Đông-dương để Văn-minh khai hóa cho họ, mà lại còn ăn làm như thế, phải chăng người ta chỉ biết có đồng tiền rồi đang tay bôi lọ lên danh dự nước Pháp»

Tháng 8-1945, khi chính quyền Pháp được cáo chung trên đất nước Việt-Nam, thì thảm họa thuốc phiện cũng được chấm giứt luôn.

Năm 1946, Pháp trở lại gây chiến hòng tái chiếm V.N. thì những vùng bị Pháp tạm chiếm, thuốc phiện lại có mỗi tái sinh. Nhưng rồi cuối cùng A Phù. Dung lại cũng phải cuốn gói đi theo ông chủ cũ sau chiến dịch Điện-Biên-Phủ.



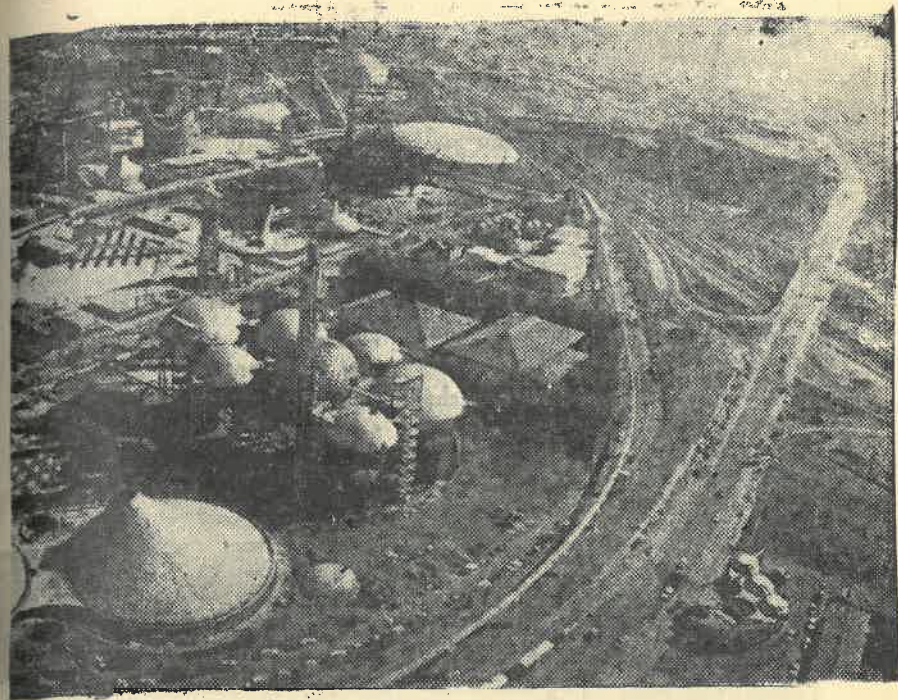
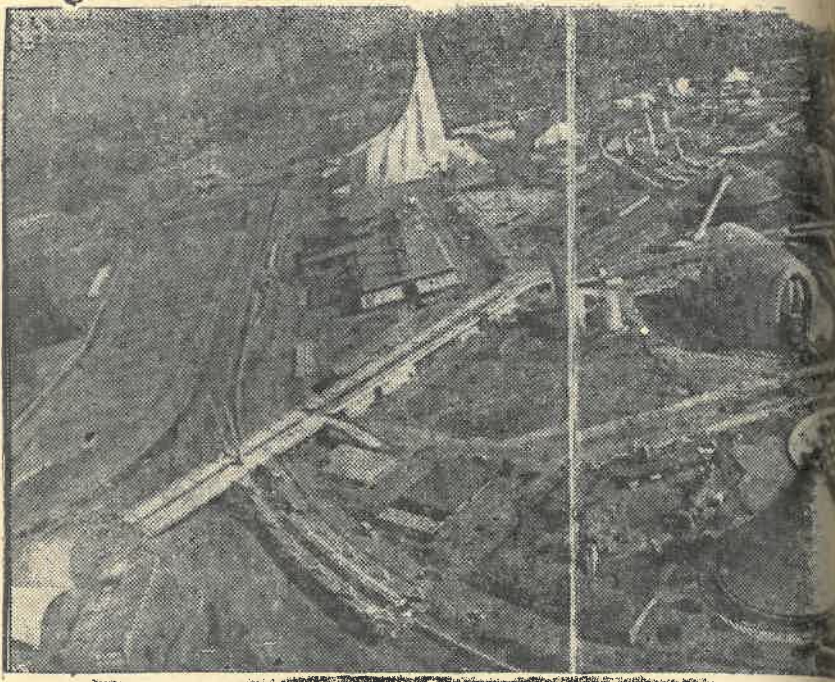
Thập nguyện



- 1 - Nguyện những ngày thanh bình tươi đẹp
Lại trở về nước Việt thân yêu !
- 2 - Bốn phương bao cảnh tiêu điều.
Nguyện xin ngọn nước thủy triều cuốn đi !
- 3 - Người đời những lật gì kèm cối.
Nguyện trời thương sửa đổi hay cho
- 4 - Dân nghèo thiếu cảnh ấm no.
Nguyện xin lân tuất giúp cho mạnh giàu !
- 5 - Nhân loại quá mệt, sầu chinh chiến
Nguyện cầu mong thực hiện Hòa Bình !
- 6 - Đời khoa học quá văn minh.
Nguyện cầu cấp cứu, ôi, tinh thần nghèo !
- 7 - Phong hóa suy, bao nhiêu đời bại.
Nguyện tuổi xanh hăng hái cao siêu !
- 8 - Dung, công, tứ đức bỗng thêu.
Nguyện trang phụ nữ yêu kiều thiết tha... !
- 9 - Cảnh Bắc Nam một nhà chia rẽ.
Nguyện anh em ngày sẽ đoàn viên !
- 10 - Cùng nhau con cháu Rồng Tiên
Nguyện đồng tâm xứng con Tiên, cháu Rồng !

TUONG-PHỐ

Đà Lạt 20-3-70



OSAKA EXPO 70 Hội Chợ VĨ ĐẠI NHẤT

Từ trước
tới nay

●●● HOÀNG TỬ

BẠN phải biết ngay từ khi mới có tin Hội Chợ Triền Lâm quốc tế Osaka 1970 ra đời thôi. Ban Tổ chức đã gặp phải không biết bao nhiêu là trở ngại. Cả ngàn trở ngại lớn nhỏ...

Trước hết là trở ngại thiên nhiên: cái nước Nhật bản vốn sẵn mực động đất lắm! «Rùng» một phát dăm tệ hơn hồi 1923 nhiều... mà năm ấy có tới 143

Quang cảnh Hội chợ

ngàn mạng lia đời chó đầu phải ít? Lại còn cái nạn kẹt xe kinh khủng, biết đầu mà ngựa trước cho khỏi chết người? lại còn nạn biểu tình đập phá nữa. Bọn ta phải chằng thành lập sẵn cả một cái Ủy ban Liên minh Phá hoại Hội chợ Quốc tế Osaka 1970 và lo «màn ăn» trước cả mấy tháng sao?

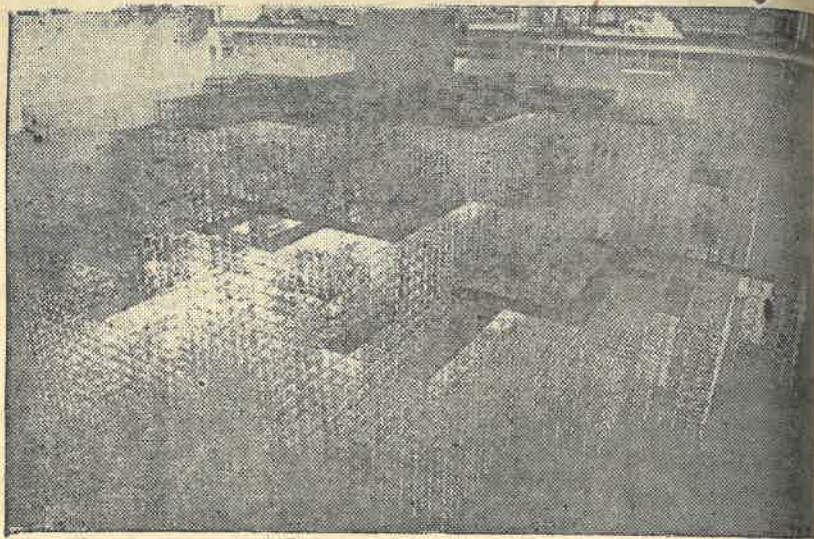
Vậy mà Ban Tổ chức Hội chợ

cứ...đạp lên trở ngại để làm việc không hăng say sao được, khi họ đã đặt nền móng cho «vụ này» cả 5 năm về trước?

Đề rồi vào một ngày đẹp trời ngày 14 tháng 3 năm 70 trên khu đất mênh mông trên 400 mẫu tây cách thị trấn Osaka 16 s, hội chợ quốc tế 1970 đã mở màn, đề trình dện với đời nay... tượng hình của tương lai, nhưng vẫn

không quên mấy cái mẫu chốt của quá khứ.

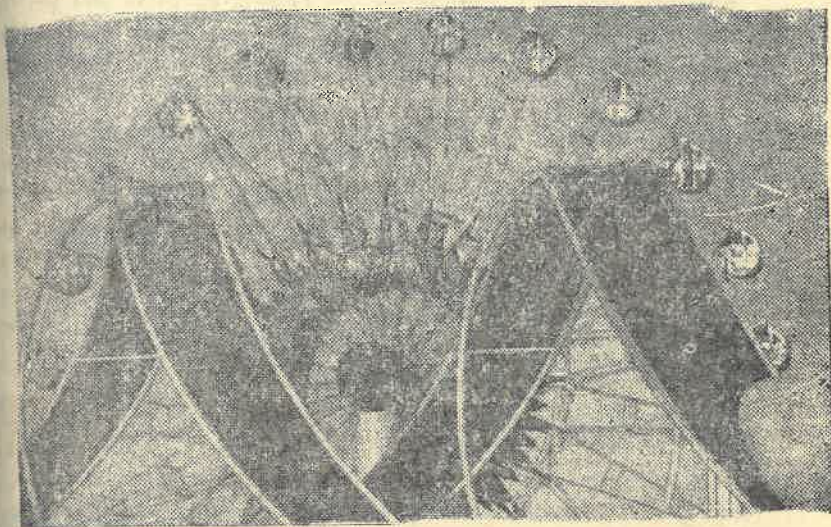
Buổi lễ khai trương tổ chức cũng hách. Ít nhất cũng phải có Nhật Hoàng Hirohito và hoàng hậu Nagako đến khánh thành trước 12 ngàn quan khách «thứ dữ» ! Do đó cũng phải có chút gì huy hoàng chứ ? Không nhiều, chỉ có 5 khẩu ca nông nổ rền trời



(Cây thép) của Thụy-sĩ

đất, bao nhiêu vòi nước phụt lên không trang đủ màu sắc và 77 là cờ của 77 quốc gia tham dự được kéo lên vi vút..

Trò đặc biệt của Hội chợ : đứng 11 giờ 41 phút một người máy 50 tấn trọng lượng, chiều cao 15m... lừng khùng tiến vào quảng trường, miệng phì phà hơi nước trắng xóa ! Đoạn từ một góc nào



(Xích đu vòng) của Nhật

đó, cả một ban nhạc nhi đồng nhịp nhàng tiến ra, dẫn đầu cả một rừng «minh tinh» màn bạc vào sân khấu. «Bản đồng ca» «Hội chợ Osaka» vang lên : «Tương lai, tương lai trước mặt chúng ta.. Tiến lên, tiến lên giờ tay lên đón chào tương lai !».

Đúng vào lúc đó, 11 giờ 57 phút... ánh điện chói lòa.. giới

thiệu khẩu hiệu chủ đề của Hội chợ Osaka 1970 : «Tiến bộ và hòa hợp cho cả Nhân loại !»

Tại sao lại Tiến bộ... và Hòa hợp ?

Xếp sòng quảng cáo Hội chợ Kazuo Akiyama giải thích : «Còn gì nữa ? Tây phương có Tiến bộ... mà Đông phương là Hòa hợp: Hội chợ chúng tôi

phải tổng hợp cả 2 quan niệm đó... mới mong làm cây cầu bắc ngang Đông-Tây?»

Cái chủ đề «hòa hợp Đông Tây» đó đã được 2 tỷ 300 triệu Mỹ kim, ca ngợi trong Hội chợ quốc tế Osaka. Cũng cái chủ đề đó giới thiệu với du khách: «Nhật bản không hẳn chỉ có núi Phú Sĩ, hoa anh đào và các vàng nghệ giả. Còn nhiều nữa chứ?» Nhưng với người bản xứ, gồm 95 phần 100 những người sẽ viếng Hội chợ, ban tổ chức muốn xác nhận: «Truyền thống bao giờ cũng là truyền thống. Bao giờ cũng quý hết!»

Chính vì sự hòa hợp cũ mới này mà hội chợ Osaka có nhiều của lạ: có những pha trình diễn thật *psychedelic*, mà cũng có «máy tắm» dùng bọt nước siêu âm để kỳ cọ con người cho đã! Có cả một một khu rừng của thời cổ để du khách nghỉ ngơi... trong khi gian hàng Fuji giới thiệu năm bày chú robot biết chào mừng quan khách, biết chụp hình và biết ca chơi mấy bài ca nổi tiếng!

Gian hàng chính phủ gọi lại cả một thảm cảnh Quý Đán. Trường kỳ dưới ảnh hưởng bom nguyên tử trong khi bán nhiều gian hàng khác chỉ có một mục: TÌNH YẾU! Có những lễ đường biết đi đã đưa du khách viếng hội chợ, thăm khu vườn đúng 30 mẫu. Có cả Sammy Davis lần hoạt kịch Kabuki, có cả mẫu đá Nguyệt cầu và hàng trăm thức lạ của Quý.

Đối với dân Osaka, Hội chợ 1970 là giấc mộng 30 năm cũ. Năm 1940 Osaka đã tính tổ chức cả Hội chợ quốc tế lần thế vận nhưng rút cục phải buông hết chỉ vì Đệ nhị thế chiến.

Năm 1964 Đông kinh tổ chức thế vận thành công làm Osaka càng nôn nả dữ Osaka nhất định đền bù cho 700 người đã mua giấy hội chợ năm 1940 mà đã bị hụi coi. Cái đó dễ, đâu có ăn chung gì với số người khổng lồ là 50 triệu người mua Ban Tổ chức tiên đoán sẽ ghé thăm Hội chợ 1970?

Trong ngày khai mạc, 12.000 quan khách từ khắp nơi trên thế giới đã được coi hoàng tử Akihito nhón vào một cái nút đề thả lên không trung; hàng trăm con chim giấy cũng hàng ngàn trái bóng trong lúc đã có nhạc điện tử và pháo bông.

77 quốc gia cùng với một số tổ chức quốc tế đã có những tòa nhà tạo Hội chợ quốc tế Expo 70.

Hội chợ sẽ mở cửa trong 6 tháng liền và người ta hy vọng là vào khoảng 50 triệu người rủ đến thăm trong khoảng thời gian đó.

ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN : TRẬN GIẶC ĐỒ MÁU VÀ TỐN KÉM NHẤT :

— 22.060.000 người chết, 34.300.000 bị thương. Riêng Nga-Xô, đã mất đi 25 triệu người so với dân số 200.200.000 người.

— Về vật chất, có lẽ sự hao tổn của tất cả trận giặc về trước cộng lại chưa chắc đã bằng.

Riêng về Pháp, con số hao tổn lên đến 73 tỷ 200 triệu quan mới, còn kể chung cả thế giới, đến con số khổng lồ là 5 ngàn tỷ quan mới.

BÀ CHÚA CHÈ VÀ NHỮNG RỐI LOẠN CHÍNH TRỊ ĐỜI LÊ MẠT

● PHẠM-VĂN-SƠN

(Tiếp theo P.T 242)

VỚI bài khảo trước chúng ta đã thấy chúa Trịnh Sâm quá mê Đặng-thị-Huệ nên nàng muốn làm gì chúa cũng phải chiều. Thật chẳng khác vua Trụ, vua Kiệt xưa kia, ngót ba chục thế-kỷ trước, đã quá mê say nàng Đả-Kỷ và Bao-tự đến nỗi quên rằng những hành động, cuồng loạn ở chốn đền vàng sẽ gây nên nhiều sự bất bình trong đại-chúng. Nghĩa là cuộc sống của Hoàng-cung vẫn bị tiết lộ ra ngoài để dân chúng đánh giá thái-độ của vua chúa trên lãnh vực chánh trị một cách nghiêm khắc.

Xưa nay ở xã-hội Việt-Nam cũng như ở khắp Đông-phương đã có tục dòng đích tôn nghĩa

là con trưởng mới đủ giá-trị để quản-trị dòng họ và gìn giữ việc khói hương. Đó là trong dân chúng, và trong hoàng-gia thì con trưởng mới được kế tiếp ngự trên ngai vàng để trị dân trị nước. Từ muôn đời đã vậy do đó mà việc *phê trưởng lập thứ*, âm mưu chánh trị của bà chúa Chè cho con trai của mình là con thứ lên đóng vai thế-ử đã gây nên nhiều sự bất bình giữa đám quan triều cũng như ngoài trăm họ.

Người xúc tiến âm mưu chánh trị này là Huy quận công Hoàng-tổ-Lý bấy giờ đang có nhiều thế lực bên cạnh chúa Tĩnh-đô-Vương (Trịnh Sâm). Họ Hoàng thật ra chỉ

là kẻ thừa bành ý chúa bởi chúa đã nghe lời Đặng-thị mà cho Trịnh Cán lên làm thế-tử rồi một ngày kia y sẽ là công thần số một bên ông chúa tí-hon kia, tha hồ mà danh cao vị lớn, quyền buynh thiên hạ.

Ngoài ra chúa Sâm đã già rồi. Nàng Đặng-thị những khi vắng chúa và gần gũi Quận Huy đã thường nhìn Quận Huy bằng con mắt khác thường. Không phải là Thái-phi nhìn một kẻ cận thân, mà là người đàn bà đang khao khát tình yêu và tình yêu đang thiếu thốn từ lâu bên cạnh một người đàn ông tràn đầy sinh lực.

Còn Quận Huy dĩ-nhiên cũng khó mà tránh được sự lôi cuốn của nhan sắc. Quả vậy Đặng Tuyên-phi có cái đẹp mê hồn của một người đàn bà đang phát triển sinh lý trên mọi phương diện. Nàng có cái nhìn rất lạnh, rất tình tứ mà người ta nói rằng đến Bụt cũng không thể làm ngờ. Chẳng vậy Nguyễn-công-Trứ sau này ngoài 70 tuổi đi chơi chùa thấy nhiều gái đẹp đến lễ Phật đã phải thốt ra câu dưới đây :

Mặt trần son phấn thường
qua lại
Mắt Phật từ bi cũng dấp
đim.

Quận Huy không khỏi nghĩ rằng ông ta đã may mắn hết sức trong vụ thay trò đổi cánh trong phủ chúa.

1) Ông ta sẽ được mọi ân sủng của chúa Sâm.

2) Ông ta sẽ được cảm tình đặc biệt của Tuyên phi.

3) Ông ta sẽ là người có công dựng lên chúa mới.

Trịnh-Cán lên nắm, nhưng từ khi ra đời đã bị nhiều sài đẹn. Ớm đau quặt quẹo liên miên do đó Đặng thị đã cầu cúng quanh năm nay, lên đồng mai, lên bóng, van xin Trời, Phật giúp cho Cán chóng lớn, chóng mạnh để lên thay chúa.

Cáo lên thay chúa Sâm, Đặng thị sẽ là Thái-phi là mẫu nghi thiên hạ rồi còn gì vì thuở đó vua Lê chỉ là một thứ bù nhìn, một cái bóng mờ mà thôi. Cô gái hái Chè ở chân đồi Lum tỉnh Bắc

ninh ngày nào nay là mẫu-nghi thiên hạ, còn gì cao quý hơn ?

Rồi lòng ham danh vị và cũng do lòng mẹ thương con Đặng-phi đã đi dần từ thói hư tật xấu đến những hành động tai hại cho quốc gia không thể tưởng-tượng được. Vì nàng mà chúa Sâm ghét bỏ con trưởng là Trịnh-Khải con vợ cả. Vì sự bất công này, chúa mất uy tín trước thần dân và từ đó mầm loạn nảy sinh ra ngay từ ngoài triều đường ra tới dân thứ.

Và một biến cố quan trọng đã xảy ra :

Lúc này Tĩnh-dô-vương một nặng. Trịnh-Khải xin vào thăm nhưng Huy-quận đã ra lệnh cho nội-giám không cho ai đến gần chúa. Khải buồn lắm bước ra và mang sự phẫn-uất ấy và nói với bọn gia-thần là Thế-Vũ, Đàm-xuân-Vực, Thẩm-Thọ v.v... Bọn này dĩ-nhiên tán thành sự phẫn-uất của ông thế-tử bị loại-trừ lại còn làm cả việc lửa đang cháy đổ thêm dầu. Chúng xúi Khải sắm vũ-khí, mộ một số dũng sĩ để chực sẵn trong nhà đợi khi Tĩnh vương mất sẽ tấn công vào dinh của Huy quận, hạ ngục Đặng

Thị-Huệ và Trịnh Cán rồi tự lập làm chúa, Còn đối với các Trấn, chúng tính rằng việc nổi loạn này phải được sự đồng ý của các tướng lãnh nên khuyên Trịnh-Khải mật ước với thầy cũ là Nguyễn-Khản đang giữ chức Đốc-Đờng Sơn-tây và Nguyễn-khắc-Tuân, Đốc trấn Kinh Bắc hẹn mang quân về kinh thành tiếp tay cho cuộc đảo chính bên trong. Xin nhớ rằng nếu được sự giúp đỡ của quân đội ở Sơn tây và Bắc ninh là những lực lượng gần gũi thủ đô nhất, cuộc bạo hành nhất định phải có kết quả như ý muốn.

Trịnh Khải cho lời bàn của bọn Xuân-Vực là phải nên đã nhất thi hành kế hoạch và cho người mang một ngàn lạng bạc lên Lạng-Sơn mua ngựa, chờ ngày khởi sự.

Không may âm mưu này có kẻ cáo tố với Đặng-thị-Huệ, Tĩnh-dô-Vương lại được gièm bệnh nên vừa nghe tin Khải mưu toan dấy loạn tức khắc cho đội Nguyễn-Khản, Nguyễn-khắc-Tuân và tất cả bọn dư mưu ra trị tội — vụ án này được Lịch sử ghi là

vụ án năm Canh-Tý.

Bọn Đàm-xuân-Vực và tám chín kẻ khác phải tử hình. Nguyễn-khắc-Tuân tự tử trong ngục. Trịnh-Khải vì là con của Chúa nên được miễn tội chết nhưng bị giáng xuống làm quý tử nghĩa là nay không còn hy vọng gì về sự nối ngôi. Liên sau đó, theo lời yêu cầu của Tuyên phi, chúa chính thức lập Trịnh Cán lên làm Thế tử.

Mộng của Đặng thị vậy đã thành, nhưng việc tính toán từ bao lâu không còn là lý-thuyết nữa.

Được ít lâu bệnh của Chúa lại tái phát và lần này thì nặng hơn bao giờ hết. Chúa gọi Huy quận vào bên long sàng căn dặn việc đưa thế-tử Cán lên ngôi vàng ngay sau khi Chúa quy tiên.

Huy-quận khôn ngoan lắm.

Ông ta sợ phải gánh hết trách nhiệm về một sự việc lớn lao bên trong đã có nhiều điều lúng củng nên xin ngay với chúa lập hẳn một Hội đồng phụ chính gồm 7 người trong đó Phan-Lê-Phiên, Trịnh-Kiều, Nguyễn Hoàn v.v... là

những đại thần có uy tín trước nhân dân.

Xong việc này Chúa mất. Bọn Huy theo di-chức lập Cán lên làm Chúa tức là Điện-dô-Vương.

Trịnh-Khải từ vụ án năm Canh-tý đã bị giáng mà còn bị giam trong ngục rất ngặt nay vì chúa mất nên được tạm thả tự do để về chịu tang. Nhân cơ hội này Khải nổi lại sự liên lạc với bọn thủ hạ. Bọn này thương Khải là con trưởng mà bị phế truất, đã vậy còn bị hạ ngục khổ cực nhiều năm, ngoài ra chúng vốn rất ghét Quận Huy và Đặng-thị đã lộng quyền từ ngày chúa Cán được lập lại còn làm nhiều dâm-ô, như nhớp khiến dân chúng đã đặt câu về xi và bọn quan to quan nhỏ đương thời bắt lực trước tội lỗi của Đặng-thị và Huy-quận :

«Trăm quan có mắt như mờ,
«Đề cho Huy quận vào sờ
thái-phi...»

Rồi việc phải đến đã đến. Bọn này liền họp ngay tất cả năm ngàn lính canh gác hoàng thành lại (Ta gọi bọn này là lính Tam phủ hay Kiêu binh. Họ xuất thân ở Thanh Nghệ được vua

Lê, chúa Trịnh liệt vào loại thân quân, cấp cho lương cao bổng hậu. Họ cậy mình cùng gốc gác với vua chúa nên hay lộng hành, đánh phá cả nhà các quan đại thần, lại thường áp bức dân chúng cướp bóc, hăm hiếp khắp chợ cùng quê không coi luật pháp ra gì hết..)

Bọn này thành một sức mạnh vô song vì chúng là lực lượng duy nhất ở kinh-kỳ bấy giờ, quân các Trấn thì ở xa. Chúng kéo bắt Đặng-thị-Huệ và chúa Cán hạ ngục, giết ngay Quận Huy, lập Trịnh-Khai lên thay, tức là Đao-nam-Vương. Thế là một trang sử đã được lật.

Từ giai đoạn này trở đi bọn Kiều-binh trở thành đại-họa cho quốc gia tiếp theo cái nạn là chúa Chè và Quận Huy. Vì sao?

— Vì Đao-Nam-Vương được lên làm chúa dĩ-nhiên ông là kẻ chịu ơn kiều binh nên phải cung chịu chúng. Từ lâu đời kiều binh đã quen tác loạn, bây giờ chúng càng gần dơ hơn bao giờ hết. Chúng tự cho chúng có đủ mọi quyền trong tay, một thứ quyền hạn vô đối, Vua chúa cũng không bằng. Thế là chánh quyền của hai họ Lê, Trịnh đến bây giờ là cuối

thế kỷ 18, sau ba trăm năm không còn thế thống chút nào nữa. Xã-hội Bắc-hà lúc này là một Xã-hội hỗn quân hỗn quan, vô kỷ cương vô kỷ luật, mỗi giờ loạ xa. Sự-kiện này đã dọn đường cho quân đội của Tây-sơn vào Bắc-hà và lực lượng miền Nam một thời đã được người dân xứ Bắc coi là đoàn quân cứu tinh của họ.

Bắc-hà thay thầy, đổi chủ là một sự-kiện tất nhiên theo quy luật của Lịch-sử. Chúng tôi muốn đề kết ở đây rằng dưới chế-độ phong kiến người đàn bà đã chen vào chánh-sự là một nguy cơ cho quốc-gia, ông vua, ông chúa đã yếu mềm trước các bà vợ đẹp rồi thúc thủ cho họ hoành hành thì ông vua, ông chúa nào cũng phải tiêu tan sự nghiệp,

Có nên trách các người đàn bà đẹp đã làm hư việc nước chăng?

Thiết tưởng không, vì quy trách nhiệm vào người đàn bà thì người đàn ông bù nhìn, là tượng gỗ sao?

Chuyện Đắc-Kỷ, Bao-tự, Đặng-thị-Huệ đến ngày nay còn đáng là những bài học nhiều kinh nghiệm cho các vị phương diện quốc gia khắp bốn phương trời đây!

PHẠM-VĂN-SƠN

RONG BIỂN :

món ăn căn bản trong tương lai ?

CÁC NHÀ BÁC HỌC TÂY ĐỨC ĐÃ CÂY ĐƯỢC MỘT LOẠI RONG BIỂN RẤT GIÀU CHẤT ĐẢN BẠCH VÀ NẤY NỞ RẤT NHANH CHÓNG

● VI LANG

(Bonn — Tây Đức)

TRONG bảy mươi năm nữa, vào năm 2040, một phần nửa nhân loại sẽ sống hoàn toàn nhờ những loại thực phẩm nhân tạo. Đây là lời tiên đoán hầu như được tất cả những nhà tương lai học nổi tiếng nhất hiện nay trên thế giới đồng thanh chấp nhận. Các nhà tương lai học đó, trong số có giáo sư. Robert Jungk người Đức, lại còn cho biết rằng các loại rong biển sẽ chiếm phần cấu tạo quan trọng của các loại thực phẩm nhân tạo tương lai.

Đối với nước Đức, «thời đại rong biển và thực phẩm nhân tạo» có lẽ sẽ đến sớm

hơn tại các nơi khác trên thế giới. Thật vậy, các nhà bác học người Đức làm việc tại Viện Nghiên cứu Sinh Vật Học về chất các-bon ở thành phố Dortmund gần đây đã thành công trong việc cấu tạo ra một loại rong biển chỉ có một tế bào gọi là «scenedesmus obliquus» chứa rất nhiều chất đản bạch và nầy nở rất nhanh chóng. Loại rong biển này đã được đem dùng làm thức ăn cho những người bị bệnh thiếu chất al-bu-min và đã tỏ ra vô cùng công hiệu. Những thức ăn làm bằng bột của rong biển này cũng đã được thấy xuất hiện trong nhiều buổi tiếp tân

giới thiệu các thức ăn nhân tạo ở Đức.

Rong biển «scenedesmus obliquus» hoàn toàn không có mùi vị nên có thể trộn vào bất cứ món ăn nào mà người ta muốn làm gia tăng thêm chất đạm bạch. Rong biển này có thể dùng dưới cả ba hình thức đặc, lỏng hoặc bột nghiền. Người ta có thể trộn vào loại rong biển này thành những món ăn rất ngon với những thứ rau cỏ như dưa, bí, su hào, cà dè, ớt tây, cải bông; người ta có thể chế nước rong biển vào các loại súp, canh, mì, phở mà không làm cho chúng mất hương vị và người ta cũng có thể trộn bột rong biển này để làm các loại bánh ngọt, bánh mì, hoặc những loại bánh mặn khác.

Nhiều hãng kỹ nghệ chế tạo thực phẩm tại Cộng-Hòa Liên-Bang Đức đã đánh giá rất cao tương lai phát triển của rong biển «scenedesmus obliquus» và chuẩn bị công cuộc sản xuất đại qui mô loại rong

biển này. Hãng sản xuất rong biển đầu tiên tại Tây-Đức hiện đang được xúc tiến hoàn thành tại thành phố Castrop-Rauxel ở tiểu bang Nordrhein-Westfalen. Không phải chỉ riêng gì các giới thương mại Đức mới chú ý đặc biệt đến loại thực phẩm mới này và đang mở chiến dịch quảng cáo rầm rộ cho thứ thực phẩm đó, mà ngay cả đến chính phủ Liên-Bang Đức cũng tận tình nâng đỡ việc bành trướng kỹ nghệ sản xuất rong biển. Bộ Hợp tác kinh tế liên bang Đức dưới sự điều khiển của ông Erhard Eppler đã cho công bố một chương trình phổ biến rộng rãi rong biển như một thức ăn giàu chất đạm bạch tại các quốc gia chậm tiến trên thế giới, tức là tại các quốc gia mà thức ăn thiếu rất nhiều chất đạm bạch (được biết trung bình mỗi ngày một người dân ở các nước kỹ nghệ tiên tiến ăn đến 44 gờ-ram chất đạm bạch, trong khi đó một người ở tại các quốc gia đang phát triển chỉ có nhiều nhất là 9 gờ-ram chất đạm bạch trong các

thức ăn hàng ngày của họ). Trong chương trình của bộ Hợp tác Kinh Tế Liên-Bang Đức, người ta thấy có dự án thiết lập mười trung tâm cấy và nuôi rong biển dưới hình thức hợp tác kỹ thuật giữa Cộng-Hòa Liên-Bang Đức và các quốc gia liên hệ. Trung tâm đầu tiên sẽ được khởi sự thực hiện vào tháng Tám dương

lich tới tại thành phố Mysore ở Ấn-Độ. Không thấy có Việt-Nam trong danh sách những nước đầu tiên sẽ có trung tâm nuôi rong biển, nhưng bộ hợp tác liên bang Đức đã cho biết, nếu đạt được kết quả tốt đẹp, nhiều trung tâm mới sẽ được thực hiện thêm tại nhiều quốc gia khác trong tương lai gần.



CUỘC ĐỔ BỘ LỚN NHẤT VỀ THỦY BINH

Đó là trận đổ bộ lên bờ biển Normandie (Pháp) ngày 6-6-1944.

Cuộc động binh trong 3 ngày đầu gồm 38 Đoàn, tập trung 745 chiến hạm, hộ tống có 4066 tàu đổ bộ và 347 tàu dò mìn. Số quân đổ bộ được 42 sư đoàn được 13175 phi cơ yểm trợ.

Chỉ không đầy một tháng đã đổ bộ được 1.100.000 người, 200.000 cỗ xe và 750.000 tấn quân dụng.

Riêng ngày đầu, quân đồng minh đã thiệt mạng hết 2132 người.

CỤ VÔ-LIÊM-SƠN

★ XUÂN-BÔNG sao lục

CỤ Vô-Liêm-Sơn, một nhà chí Sĩ Cách-mạng cận đại, quê ở Huyện Thạch-Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Trong truyền CỤ có một sức thông minh cường kỳ phi thường. 17 tuổi thi đậu Cử nhân trường Nghệ Tĩnh. Vào học trường hậu bổ tại Huế, ở trường hậu bổ lúc bấy giờ đã bắt đầu dạy chữ pháp.

Nhưng với những ông Cử khác, Sau 2 năm học trường hậu bổ ra làm quan, thì môn chữ pháp cũng chỉ lỏm bõm, như chúng ta đã thấy nhiều ở những vị quan lại cận đại.

Riêng CỤ Vô-Liêm Sơn vừa học Sĩ hoạn hậu bổ.. CỤ vừa theo chương trình ban Cao Đẳng Tiểu học của Trường Quốc-học Huế lúc này mới bắt đầu thiết lập

Tới năm thứ tư, CỤ đi thi bằng Cao-Đẳng Tiểu-học đậu hạng bính. Việc này đã gây một sự ngạc nhiên không ít ở triều đình Huế lúc đó.

Trong khi CỤ đang làm quan tại Bộ Học của Triều đình Huế Vì liên can tới cuộc khởi-nghĩa của Vua Duy-Tân (1916) nên bị Pháp bắt và đày ra Côn-Đảo.

Trong truyền rằng, cái hôm cuộc khởi nghĩa bị thất bại, CỤ bị Pháp truy nã, phải dùng thuyền đi trốn trên thượng lưu Sông Hương. Hôm đó nhân ngày rằm âm lịch, vừa chập choạng tối bị trời mưa bão. CỤ cảm tác bài Thơ sau đây :

*Di gió ghen chi mây ch
hằng
Mà đem mây trắng lấp cung
trăng (1)*

*Giang sơn khôn thoát cơn
mê mộng,
Sóng gió như khêu nổi bất
bằng.*

*Lánh bão bay dài, chim mới
cánh.*

(1) Trắng : Các cụ ám chỉ : «bach chủng» tức là Tây trắng

VÔ LIÊM SƠN

*Giàu trời nghiêng mãi, cóc
mòn rặng.*

*Ai ơi vì nước ta lo liệu ;
Kéo đến chân rồi hết nói
năng !*

Sau 10 năm đi đày ở Côn Đảo hết hạn về, bọn pháp thấy CỤ giỏi cả hai thứ chữ (Hán-Pháp) mới làm giáo sư dạy chữ Hán ở tại các trường Quốc-Học. CỤ chỉ gắng làm được một năm, xin cáo thối về quê hương ở vùng Nghệ-Tĩnh, nơi núi Hồng Sông Lam.

Sau đây là bài thơ «Ngắm non Hồng» của CỤ :

*Non-Hồng chín mươi chín
ngọn.*

*Ngọn cao nhất ở trước nhà
tôi.*

*Năm tuổi tôi đã biết đứng
ngắm.*

*Cách đây năm chục ngoài
năm rồi.*

*Thuở bé vì sao tôi yêu núi ?
Yêu vì có cái đáng sợ hãi,
Lần lần tôi biết cái đáng
yêu,*

*Nghe gió thông reo lòng
mát rọi.*

*Năm 12 tuổi tôi tên chùa
Hương.*

*Mây đưa suối dắt, dốc đưa
đường,*

*Một cảnh thanh u trên cao
rộng.*

*Lòng thơ lay động giữa
mênh mang.*

*Hải hoa ăn quả uống nước
suối,*

*Ngược mặt lòng tôi càng
đắm đuối,*

*Nguyện đời ở lại với non
Hồng*

*Trong đám chăn bò cùng
đốn củi*

*Ông thầy áo thụng ngồi
giường cao,*

*Sân Trình cửa không đã ra
vao;*

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE- G

Bảo tôi trong chồng sách cũ,
Thiếu gì non nước để tiêu dao.
Non Hồng từ đó càng xa cách,
Tối ngày chôn đầu trong đống sách.
Bức tranh sơn thủy trong đầu tôi,
Khuyên đêm ông Đồ đã xóa sạch.
Đường đời kẻ đó vạch tung ra,
Thách tôi ném thử bước sơn hà,
Non Hồng ở lại không thay đổi,
Tôi cứ đi, đi mãi tới già.
Phen này trở lại vì việc nước,
Ngắm lại non Hồng không khác trước.
Ngọn ngang trăm mối chắt bên lòng,
Muốn tỏ cùng non không tỏ được.
Đầu non mây bạc bóng từ mờ,

Đầu tôi lúc bạc đã bỏ phờ.
Ngọn gì cao nhất trên non đồ ?
Có phải mờ tôi đang chờ đợi,
Chờ có một ngày tôi trở bước,
Sang cõi vô sinh như kiếp trước,
Hình hài, khu xác có tan ra,
Tôi vẫn định nhìn lời nguyện ước.
Bên mờ có mọc một cây thông,
Đề xương, thịt, máu tôi vun trồng,
Theo gió reo lên một khúc nhạc
Kêu vang thông khoái ngọn «Non Hồng».

V.L.S.

ANACINE
TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

CHUYỆN XE ĐINH MỆNH

● THÀNH-VŨ

(Kính dâng hương-hồn
chị S-L)

THÁNG chạp năm 1945, gia đình tôi chuẩn bị tản cư vào miền cận sơn Thăng-Bình. Cha tôi con người khác-khò, cần-cù và nhiều suy-tư đã lo thu dọn nhà cửa từ một tháng trước. Sợ đói, lúa gặt xong tích trữ từ lâu, người đem xay để nguyên cả trấu cho vào bao di chuyển trước bằng những chuyến xe bò thuê mướn suốt bảy ngày liền. Từng sống ở miệt Quế-Sơn, Việt-An, Thăng-Bình vào thời tiền-chiến

dân nghèo đất sỏi, cha tôi đã hiểu rõ giá trị của hạt gạo nên người không kẻ khó nhọc tốn kém cho vận chuyển theo hết lúa gạo tài sản, hy vọng nơi đất lạ quê người kéo dài cuộc sống trong chiến tranh trường kỳ đang độ phát khởi. Ý-định của thân phụ tôi là tạm cư tại Thăng-Bình chờ tình hình biến mạnh sẽ xuôi lên mạn Rừ-Rì, Chợ Được nơi núi non trùng điệp, những cánh đồng mía khoai bát ngát, con sông Rừ-rì nước trong và cạn, cá từng đàn từ nguồn đổ về óng ánh trong dòng nước chảy.

Chiếc xe đồ cũ-kỹ đưa gia đình tôi: cha mẹ tôi, hai chị và đứa cháu gái lên hai cùng tôi lên đường khoảng 4 giờ vào một chiều cuối đông năm Ất-Dậu. Nắng chiều yếu-ớt nghiêng ngã qua hai hàng cây bên đường. Ruộng vườn một màu xanh thăm thăm dưới tiết trời ẩm ướt tháng chạp.

Vượt đoạn đường dài, chậm rãi i-ạch qua cây nhỏ, chiếc xe đang ngon trơn, bỗng dừng đứng vội bên đường. Tôi nghe trong xe tiếng la thất-thành

máy-bay, máy bay Tây... Trong cơn hỗn loạn ấy, cha mẹ tôi không còn đủ bình tĩnh dắt dẫn chúng tôi, người chạy một nơi chúng tôi một ngả. Tôi và chị tôi, (người chị kế) dắt nhau về hướng ngôi đình cách mặt lộ 100 thước. Hai chị em không ai bảo ai nằm sát vào bình phong xây trước cổng. Máy bay quần lại, gầm thét lao mình xuống. Những lần đạn kể tiếp nổ dồn cày nát mặt đường bên chiếc xe nằm thềm thiếp bất-động. Hai chị em tôi còn nhỏ quá, chị tôi mười hai hơn tôi hai tuổi, chưa nếm mùi lửa đạn song chúng tôi bình tĩnh dẫn dắt tìm nơi ẩn trốn. Như có một sức mạnh vô hình nào đó, một sự hồi thúc nào đó đã xô đẩy hai chị em tôi rời bỏ chỗ cũ chạy vào trong đình. Ngôi đình cách bình-phong bằng cái sân gạch nhỏ nhưng sao tôi thấy rộng bao la với vợ. Tiếng khóc la tiếng cầu nguyện của đám học trò trong đình tăng thêm nỗi sợ hãi khủng khiếp. Chúng tôi vào tận phía sau bàn thờ,

nằm sát mặt đất nhìn ra ngoài lộ. Ngoài sân chiếc bình phong bỗng sụp đổ trong tiếng gầm thét của phi cơ. May quá: tôi nhủ thầm trong sợ hãi. Đạn tiếp tục cày nát sân gạch, bụi mù tung toé. Có một điều lạ, tôi nhận thấy như vậy, một sự rủi may nào đó không rõ mà ngôi đình không một viên đạn nào lọt vào, tuy rằng từ thêm vào trong đình chỉ cách gang tấc.

Sau 15 phút tung hoành bán phá, máy bay biến dạng. Chị em tôi lần mò tìm kiếm cha mẹ tôi. Chiếc xe còn nằm đó, đạn đâm thủng thủng xe, đạn cày nát mặt đường. Tôi nghe thấy tiếng la cầu cứu, tiếng khóc than của cha mẹ tôi trong xe. Thôi rồi chị tôi đã chết. Vì con dại, chị tôi còn kẹt lại trong xe.

Tôi chứng kiến cái giây phút đau đớn hãi hùng tột độ đó. Đạn xuyên từ ngực ra sau lưng chị khoét thành một mảng lớn. Sức người đâu có chịu nổi viên đạn 27 ly công phá đó của giặc

Pháp. Cháu tôi còn nằm trong lòng, áo quần ướt đầm máu của chị. Tôi nức nở trong tiếng khóc. Tiếng khóc thơ ngây của cháu tôi bóp chết tim tôi, xoáy lốc ruột gan buốt đau tê dại. Thảm trạng xảy ra trong nếp sống yên lành và an-phận của gia đình tôi đã khắc sâu vào trí óc non trẻ hình ảnh ghê tởm của chiến tranh, đã ám ảnh tôi suốt thời thơ ấu. Cái chết của chị tôi, đau đớn thay lại là cái thảm trạng đầu tiên mở màn cho những cảnh thê-lương tang tóc khác tiếp nối tại miền Trung nước Việt.

Tôi nhớ đến chị, những ngày sống gần chị nơi nhà chồng trong dịp nhớ chị ra thăm, tôi đã khám phá ra đời chị không yên vui như tôi nghĩ. Đời chị đang gặp cảnh trở trêu ngang trái của cảnh lứa đôi. Anh Thọ chồng chị mê chơi bạn bè không ngó tưởng đến vợ con. Tuổi đời hai mươi hai lận đận trong cuộc sống chồng-vợ, chị buồn bồng con về xin tá túc với cha mẹ tôi, chị đã chọn nhưng chuỗi ngày còn lại của

cuộc sống ngắn ngủi để gần gũi hôm sớm với gia đình trước khi ra đi vĩnh biệt. Định mệnh đã an bài như vậy. Tôi nhớ buổi chiều hôm đó trong khung cảnh đợi chờ tại bến, trí óc minh mẫn của người sắp lìa cõi trần đã nhắc nhở chị trở về nhà cũ mang theo áo ấm (Pardessus) dày và nặng nề của cha tôi để người mặc cho ấm trong lúc đi đường. Chị ôm đi trong dáng dấp nặng nề buồn bã. Nét mặt đượm buồn, linh tính đã báo trước cho chị một sự chẳng lành sắp xảy ra hay là chị đang luyện tiệp, giờ đây chị và con phải ra đi, xa cách anh Thọ không một lời từ biệt, không một tiếng thở than. Tôi không sao đoán nổi. Mái tóc chị buông xuôi trên đôi

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨT, CẢM CỨM

vai rộng, gương mặt suy tư trầm lặng.

Đêm và gió lạnh, hình ảnh ma quái từ khu vườn sau nhà hiện về quanh tôi ám ảnh đe dọa. Tôi thiêm thiếp bên cạnh mẹ tôi trong giấc ngủ chập chờn ghê rợn. Tiếng khóc của cháu tôi thỉnh thoảng lại thét lên. Tiếng khóc khát sữa tìm mẹ. Tiếng hát hò hơi ngọt ngào quyến rũ của mẹ tôi ngày nào sao đêm nay náo nùng và bi ai đến thế. Tiếng ru hờn thương luyện tiếc. Cha tôi người luôn luôn bình tĩnh, đến độ như không còn biết cảm xúc nữa. Trước cảnh đau buồn cha tôi chỉ rướm rướm nước mắt, người thâm lặng và ưu tư nhiều hơn là hốt hoảng than tiếc. Vì người còn phải lo cho gia-đình, lo cho đứa cháu bất hạnh, sau một đêm đắn đo suy tính, cha mẹ tôi quyết-định trao cháu về với cha nó để trông nom dạy dỗ.

Tối hôm sau gia đình vội vã lên đường tiếp tục cuộc hành-trình dang dở sau khi

chôn cất chị xong. Ra đi bỏ lại đằng sau dãy nhà gạch hôm sớm có nhau. Dòng sông bên nước trước mặt thần thờ còn đó. Đâu còn nghe tiếng sóng vỗ đêm khuya, tiếng mái chèo khuấy nước, câu chuyện ma quái đêm đêm hiện về ngồi đợi khách bên sông. Luyện tiếc thừa vườn rộng đầy hoa lợi, mít xoài sum sê những quả. Ra đi, ra đi mang theo bên mình nỗi buồn đau luyện nhớ bất tận.

Hai năm lánh cư với nhiều biến cố dồn dập. Anh tôi bị thủ tiêu không biết thân xác lấp vùi nơi đâu. Chị dâu tôi vợ anh từ trần vào một đêm hè gió mát lạnh trong lúc sinh nở. Chiều chiều trên gò cao trước nhà trọ, tôi thả hồn về quê hương chốn cũ, buồn thương tăm tức mỗi khi tiếng phi cơ âm vang từ không trung vờn vợ vọng lại, tiếng kêu như từ tê rên rĩ xoáy lốc tận tim gan.

Hai năm dài chạy giặc. Máy chục bao lúa lần hồi gần hết. Gia tài chỉ còn lại những bộ

đồ đồng quý giá, cha tôi đã bòn mót mua được những năm làm ăn thịnh vượng, những lư sành chén bát cổ xưa cha tôi đem vào tận miền núi xa bán lại cho các nhà giàu thay đổi lúa gạo.

Tôi lớn lên trong khung cảnh sa sút và bi ai đó của những gia đình di cư, trong cái bối cảnh lịch sử quật cường của Dân-tộc. Tôi đã chứng kiến từng lớp thanh niên theo tiếng gọi Tổ-Quốc đồ xô về đây tinh nguyện đầu quân cứu nước. Có những chàng trai kém sức khỏe bị loại buồn rầu uất ức như không còn có dịp may nào nữa để trả thù giặc Pháp.

Cuối năm 1947, cha tôi quyết-định cho gia-đình hồi cư. Trở lại quê nhà, cảnh vật hoang sơ. Pháp chiếm đóng hai bên dãy phố, về đây hàng ngày chúng tôi lại phải chứng kiến những cảnh bi thảm kể tiếp. Khu vườn sau nhà đã biến thành bãi tha ma xử trảm. Tiếng đạn vang rền xoáy sâu vào lòng đất mẹ. Thi-thê co quắp dập vùi dưới

hố sâu. Tiếng xẻng khuấy trong đá sỏi, tiếng xì xầm to nhỏ của bọn Pháp thúc hối tù nhân đào hố chuẩn bị pháp trường... Cảnh ấy lâu ngày chúng tôi quen đi, mỗi lần những âm vang dội lại như báo trước một sự chẳng lành, những hình hài đồ nát...

Cuộc tàn sát tiếp diễn cho đến khi thừa vườn không còn chỗ để chôn lấp thi thể nạn nhân, bọn Pháp mới chịu đi tìm khu đất khác. Xác của những liệt sĩ vô danh yên nghỉ đây đó tràn lan trong cảnh hờn tủi của núi sông đất nước.

Tôi lại nhớ đến chị tôi, tôi nhớ đứa cháu gái năm nào sống sót trao vợ cho bên nội nuôi nấng dạy dỗ. Tôi ước ao một ngày nào đó nhìn thấy cháu, ôm cháu vào lòng trong nỗi

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

niềm nhớ thương xưa cũ.

Tôi tìm ra Đà-Thành thăm cháu vào một buổi sáng nắng trời chủ nhật. Tôi đứng ngẩn ngơ giây lát trước ngôi nhà bên Sông Hàn. Tôi mạnh dạn bước vào. Trong nhà chẳng ai nhận ra tôi, Anh Thọ, cha nó đi lính Pháp ở miệt xa Cầm-lệ, Tôi nhận ra cháu tôi đang nép mình bên bà-nội. Nó nhìn tôi như dò hỏi. Hình dáng chị tôi hiện rõ về trên gương mặt nó, vết thương toe toét, tấm áo hoen đỏ những máu. Hai năm xa cách, bây giờ nó lớn hơn nhiều, gương mặt tròn



TRẦN THỦY KHÔNG QUÂN LỚN NHẤT :

Trận xảy ra tại vịnh Leyte gần Phi-Luật-Tân từ 29 đến 27-10-1944. 166 chiến hạm Hoa-kỳ giao tranh với 65 chiến hạm Nhật. Kết cuộc 26 chiến hạm Nhật và 6 của Mỹ bị chìm. Trong lúc đó trên không, 1280 phi cơ Mỹ giao chiến với 716 phi-cơ Nhật.

trịa giống chị, nhất là đôi mắt, đôi mắt tròn đen như hai mũi kim nhọn đâm ngập vào tim tôi. Tôi thần thờ tê dại. Nước mắt tự dưng trào ra không sao ngăn lại nổi. Tôi thôn thừ trong tiếng khóc nức nở, mặc cho mọi người ngỡ ngác. Nước mắt của người cậu 12 tuổi, đời đã chứng kiến nhiều cảnh tang tóc vì chiến cuộc. Nước mắt của những cậu bé VN thơ ngây đã sớm là nạn nhân của thời cuộc.

THÀNH-VŨ

Đà-Thành tháng Giêng Canh-Tuất



Nhũ thâm

Mây giăng song cửa nghe hờn gió
Mưa lạnh bên song mưa lạnh về
Chừng như rét mướt vào chần ấm
Chờ nhớ thương tim những bước đi
Mưa gió nghe giăng nhịp thở dài
Buồn như trông ngóng một ngày mai
Gió mưa lùa cả vào tâm sự
Thương nhớ về ai, anh nhớ ai ?
Không trách men lòng kẻ thư sinh
Mà quên đi cả chuyện ân tình
Nước non còn hẹn ngày chung thủy
Còn cả mùa xuân chuyện chúng mình
Quê cũ vẫn buồn nghe lá rơi
Trăng xưa quên chuyện lẻ loi rồi
Dù cho năm tháng, đời binh lửa
Vẫn đợi xuân về kết lứa đôi...

THƯƠNG-TRUYỀN

CĂN PHÒNG

BÍ MẬT

- HOWARD P. LOVECRAFT
và AUGUST DERLETH
- GIANG-TÂN dịch

(Tiếp theo P.T 242)

— CÓ mặt căn phòng bí mật ?

— Có lẽ một nơi dấu các tu sĩ

— Tôi chưa bao giờ thấy.

— Tôi cũng vậy. Nhưng hãy nhìn lên kia...

Mở bản đồ ra, anh thợ chỉ tay vào một nơi trống nằm dọc theo vách phía Bắc, ở ngay tầng trên, vào nơi cồ xưa nhất của ngôi nhà. Chắc chắn đây không phải là

«nơi dấu các tu sĩ» vì trong giòng họ Peabody không có mặt vị tu sĩ nào cả. Và đây cũng không phải là nơi trú ngụ của các tên nô lệ vì ở vào thời kỳ đó, không có nô lệ.

Tôi lại hỏi :

— Thế thì có căn phòng bí mật nào không ?

— Chắc chắn là có.

Anh ta quả quyết như vậy.

Nhận xét của người thợ

CĂN PHÒNG

quả không lầm. Nơi đó có một căn phòng nhưng căn phòng không có cửa sổ, nằm về phía Bắc phòng ngủ. Phòng có một cánh cửa lớn. Cánh cửa được che dấu một cách khéo léo giữa những bức chạm trổ rất khéo léo bao phủ cả mặt tường. Cánh cửa không có tay nắm. Muốn mở cửa, chỉ cần bấm vào một cái nút. Tôi quan sát kỹ lưỡng cánh cửa trước khi bước vào phòng.

Căn phòng cũng khá rộng. Một người đứng thẳng có thể đi lại được, nhưng chỉ theo bề dài mà thôi. Có vài dấu hiệu chứng tỏ rằng căn phòng xưa kia có người ở. Tôi nhận thấy một ít sách vở, giấy tờ vung vãi khắp nơi, một vài cái ghế và một cái bàn nhỏ. Căn phòng mang một cảnh tượng hết sức kỳ lạ. Nơi nào tôi cũng thấy những góc cạnh. Nền nhà được tô điểm bằng những hình vẽ quái đản. Có những hình vẽ được khắc vào mặt gỗ. Cái bàn viết khoát lên một màu đen trông như mặt gỗ bị cháy.

Dường như công dụng của chiếc bàn khác với những chiếc bàn thường. Trên bàn có một chồng sách cũ, gáy bằng da, đặc biệt có một cuốn viết tay cũng được đóng lại cẩn thận.

Nhưng tôi không đủ thì giờ quan sát lâu hơn vì trong khi đó thì anh thợ bỏ đi.

— Thế thì ông có muốn chúng tôi phá căn phòng này không hay cứ để cho chúng tôi làm thêm vài cánh cửa sổ.

Tôi chưa kịp trả lời thì anh chàng nói tiếp :

— Nhưng tôi nghĩ rằng, tốt hơn hết là ông không nên giữ căn phòng này lại làm gì !

Tôi trả lời :

— Tôi cũng chưa biết tính sao. Thử xem, căn phòng này được xây cất từ lúc nào.

Nếu như căn phòng quá xưa cũ thì tôi nhất quyết phá đi. Nhưng tôi còn muốn lục lại trong căn phòng này thêm một lần nữa, thứ nhất là muốn đọc qua mấy cuốn sách kia. Hơn nữa, chúng mình cũng không

có gì phải vội vàng cả. Còn rất nhiều việc khác phải làm trong ngôi nhà này.

Tôi nảy ra ý nghĩ sẽ trở lại căn phòng này trong ngày mai. Nhưng vài việc vặt ngăn cản tôi làm việc ấy.

Đầu tiên, đêm đó, tôi ngủ không yên giấc. Những cơn ác mộng lần lượt đến với tôi làm cho tôi không thể nào giải thích được. Tôi nằm mơ thấy hình bóng tổ tiên tôi hiện về đặc biệt trong đó có một cụ già mang râu dài, đội nón khá kỳ lạ. Tôi không còn nhớ khuôn mặt cụ già đó nhưng tôi đinh ninh đó là ông cố tôi. Sáng hôm sau, tôi đem hết những bức ảnh lưu niệm trong gia đình xem rất kỹ, cố nhận diện những khuôn mặt đã thấy trong giấc mơ. Tôi có cảm giác như ông cố tôi có năng khiếu bay bổng trên không, ông có thể bay xuyên qua các bức tường, di chuyển dễ dàng trong không khí, xuất hiện trên các ngọn cây.

Một con mèo đen luôn luôn đi theo ông cố tôi. Con vật

cũng đủ các phép thần thông như ông cố tôi, bay trên không, vượt xuyên qua những bức tường. Giấc mơ hiện ra rõ ràng với hình bóng ông cố tôi, hình bóng con mèo đen, hình dáng ngôi nhà cũ...

Cơn ác mộng đó đã kéo dài cho đến lúc trời rạng đông mới chấm dứt. Tôi định gặp người thợ sửa nhà để nói với anh ta hoãn lại công việc trùng tu căn phòng. Đến khi gặp anh đã nghe anh cho biết là tất cả những người thợ do anh tuyển chọn sáng nay đều từ chối nhận việc. Anh ta nói tiếp là nếu tôi chịu khó chờ đợi, anh ta sẽ kiếm thợ từ Boston tới, họ vừa lấy rẻ tiền, tất cả đều là thợ khéo. Tôi không có ý kiến gì trong việc chọn lựa vì thâm tâm tôi đã đổi ý rồi. Tôi chỉ muốn trùng tu lại ngôi nhà mà không có ý đập phá bất kỳ một bộ phận nào cả. Tôi ngờ ý với người thợ để tôi có thì giờ suy nghĩ rồi sẽ quyết định sau. Lúc này tôi bận vài công việc gấp.

Cũng từ ngày ấy tôi nhận thấy những người dân quanh vùng Wilbraham có một thái độ không mấy thiện cảm với tôi. Những người không hề quen biết thì chẳng chú ý gì đến tôi còn những kẻ biết tôi lại tỏ ra một sự cung kính giả dối. Rồi mọi người không muốn nói chuyện với tôi hoặc nghe tôi nói chuyện với họ. Lớp người buôn bán quanh vùng tỏ ra thật sự chống nghịch với tôi. Họ muốn tôi đi đâu cho khuất mặt họ. Lý do chính có lẽ họ không muốn mất ngôi nhà cũ (?)

Tôi bắt đầu tìm hiểu lại thái độ của viên Chưởng khế Ahab Hopkins. Ông này với giọng ngọt ngào khuyên bảo tôi.

— Ông Peabody ạ! Nếu tôi ở địa vị ông thì tôi không quan trọng hóa vấn đề làm gì. Ông nên nhớ rằng những con người đó có tính rất dị đoan. Tôi nhớ rõ là họ vẫn giữ tính ấy từ lâu.

Giọng nói của viên Chưởng khế có vẻ nghiêm nghị lại làm

cho tôi suy nghĩ thêm.

Tôi hỏi :

— À! Vừa rồi, ông có bảo rằng những người đó vừa bị cảm xúc mạnh — Vậy, xin lỗi ông, đã có việc gì không hay xảy ra cho họ ?

Viên Trưởng khế nhìn tôi như có ý dò xét, đoạn chậm rãi :

— Một biến cố vừa xảy đến cho gia đình ông George Taylor... Gia đình này ở cách ngôi nhà cũ của ông lối 2 dặm. Tôi quen biết với gia đình này khá nhiều. Gia đình Taylor có mười đứa trẻ. Đêm vừa rồi, em bé thứ chín, lên 2 tuổi đã bị bắt cóc khi còn nằm trên võng... Người ta cố tìm kiếm mà chẳng thấy dấu vết em bé ở đâu.

— Tôi cũng rất buồn khi nghe tin này. Nhưng tôi thấy rằng riêng tôi có liên hệ gì đến cái tin không hay đó đâu.

— Tôi biết rõ ông. Nhưng có điều, đối với dân trong

vàng, ông còn làm lạ mặt với họ, hơn nữa, xin nói rõ ông hay đa số dân ở đây không thích ghét là đằng khác những ai mang tên giòng họ Peabody.

Tôi hơi sửng sốt nên hỏi ngay.

— Tại sao vậy ?

— Vì nhiều người vẫn còn tin những tin quá buồn cười. Ông đã đến tuổi biết rõ điều ấy dù ông không biết về phong tục tập quán dân ở đây. Lúc tôi còn nhỏ, chính tôi đã nghe nhiều tin đồn về ông cố của ông. Hơn nữa, trong thời kỳ ông ấy còn sống thì lại xảy đến những vụ trẻ em bị bắt cóc mà không thể nào tìm ra dấu vết. Dường như dự luận đặt ra một nghi vấn là có sự liên hệ giữa hai sự việc sau đây: Một người trong giòng họ Peabody đến lập nghiệp trong ngôi nhà cò và sự mất tích bí mật các trẻ em.

Tôi phải la lên:

— Quái lạ thật !

Viên Chương Khế hạ thấp giọng :

— Sự thể nó là như vậy :

Tôi cảm thấy thật là khó hiểu, nhưng viên chương khế vẫn tỏ ra bình tĩnh. Ông ta tiếp lời :

— Ông Peabody ạ ! Ông có biết rằng thiên hạ cho ông cố của ông là một thầy phù thủy không ?

Tôi không nói gì thêm, từ giã viên chương khế, tâm trí xao động. Mặc dù bị cảm xúc mạnh khi hay tin trên, mặc dù bị dân trong vùng khinh khi và sợ hãi, ôn lại những sự việc đã qua, tôi nhận thấy có nhiều điểm trùng phùng. Tôi đã nằm mơ thấy ông cố tôi hiện về, bây tôi lại nghe thiên hạ nói đến ông và toàn kể những chuyện xấu về ông. Lúc này tôi phải tìm biết là ông cố tôi quả thật là một thầy phù thủy không ? Tôi cũng không cần tỏ phản ứng gì, đối với những người dân trong vùng đã ngoảnh mặt lúc gặp tôi, tôi chỉ nhìn về phía trước, lái xe chạy thẳng về nhà. Vừa về đến cổng ngôi nhà lại một sự

việc khác xảy đến thử thách lòng kiên nhẫn của tôi. Nổi cánh cửa có dán miếng giấy trên có những giòng chữ :

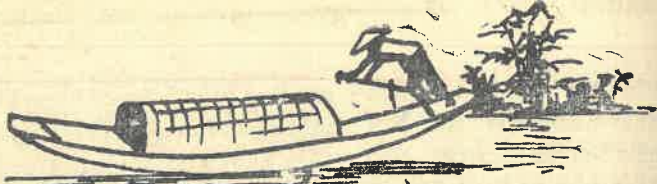
— Hãy rút đi ! Đừng ở trong ngôi nhà này nữa !

Đêm ấy, tôi lại nằm mơ, mơ nhiều hơn đêm trước và cả đêm trước kia nữa. Nhưng giấc mơ đêm đó mang một sắc thái khác. Tôi lại thấy ông cố tôi xuất hiện đi sau vẫn là con mèo đen. Trông mặt ông buồn thảm tột độ. Con vật trông dữ tợn hơn: lông cò dựng lên, đuôi dựng đứng, hai tai hướng về phía trước. Ông cố tôi mang trên vai một bó nặng, màu trắng hay màu hường gì đó mà tôi không phân biệt được. Ông cố tôi bước qua những đồng ruộng, thoăn thoắt qua các khu rừng, có khi lượn qua những hành lang nhỏ hẹp. Có một lần, tôi thấy rõ, ông bước vào một ngôi mộ hoặc một cái hầm gì đó, mà tôi biết chắc nơi đó ở trong ngôi nhà cò. Nhưng không phải chỉ có một mình ông đâu ! Phía

sau ông luôn luôn có bóng hình một người mặc đồ đen bám sát. Con người đó đen từ đầu đến chún, đen hơn cả bóng đêm, còn đôi mắt này lửa trông như hai cục than hồng. Xung quanh ông cố tôi lại có một số con vật nhỏ con trông rất dị kỳ, nào chuột, dơi, có con hình thù nửa dơi, nửa người... Mắt tôi đã thấy rõ cảnh ấy, còn tai lại được nghe những âm thanh kỳ lạ như tiếng trẻ khóc, tiếng cười rú lên, cả những tiếng khấn liên hồi «Asaph sống lại !» «Asaph sống lại !» Con ác mộng chấm dứt vừa lúc những tia nắng ấm đầu tiên chiếu lên cảnh vật, và tôi thề rằng là tai tôi vẫn còn nghe văng vẳng lời khóc than của một em bé vô tội, tiếng khóc ấy như phát xuất từ ở những bức tường trong phòng tôi.

Tôi không thể nào ngủ lại được nữa nhưng tôi vẫn nằm dài trên giường, mắt vẫn mở to, rồi tự hỏi những chuyện gì sẽ xảy đến cho tôi trong những đêm kể tiếp...

(còn nữa)



PHONG-HOA miền TRUNG

Màu sắc độc quyền dưới thời quân chủ chuyên chế

Bách tính dùng màu của vua chúa, có thể
phạm tội tử hình

●●● AI-LAN

NGHAY xưa, thời quân chủ chuyên chế ở miền Trung, màu sắc của lụa là gấm vóc chẳng hạn, đã qui định rành rẽ nghiêm khắc như một đạo luật hẳn hoi : Màu vàng là màu của vua. Màu đỏ là màu của hoàng phái và các quan đại thần, các bà chúa, ông hoàng và các bà hoàng thái hậu, hoàng hậu, thần dân

bách tính phải tối kỵ, tuyệt đối, không được dùng hai màu này, nhứt là màu vàng.

Các ông vua, ngoài ra long bào mặc những lúc đại lễ hay lâm triều có việc quan trọng, còn thường thì mặc áo vàng, bịt khăn vàng. Từ thời vua Thành Thái về sau đến Bảo Đại, đã ít mặc long bào ngọc

MÀU SẮC

đái mào cửu long, mà thường mặc áo dài màu vàng, khăn đóng màu vàng. Tôi còn nhớ vua Khải-Định, thỉnh thoảng ngồi xe hơi đi dạo trên phố ở Huế đô, và ngự lên Nam Giao để tế Trời Đất, cũng mặc áo vàng bịt khăn vàng như thế, rồi khi làm chủ tế, mới mặc đại triều phục.

Vì màu vàng là màu biểu hiệu của nhà vua nên chẳng những thần dân bách tính không dám dùng đã đành, mà các vị hoàng thân quốc thích, quan đại thần cũng không dám vi phạm, vì vi phạm đến màu vàng là bị khép vào tội khi quân phạm thượng, đó là tội nhẹ nhất. được may mắn nhứt do một thể lực nào đó, hay một trường hợp giảm khinh nào đó mà thôi. Còn thì nếu dùng màu vàng mà mặc áo như vua, thì tội đáng chém đầu ! Tội đó là tội có ý muốn soán nghịch ngai vàng, có tư tưởng và hành động phản loạn, soán ngôi thiên tử !

Thường các buổi đại lễ trong triều như lễ thánh thọ, vạn

thọ, Tết nhứt, các quan đều mặc triều phục theo cấp bậc, cũng như các bà từ Hoàng thái hậu (mẹ vua) đến Hoàng hậu (vợ vua) và tam cung lục



viện (thứ phi và các giai phi). Kể đó là các bà chúa bà Hoàng, rồi các bà mạng-phụ phu-nhân vào châu Thái hậu hay vua, đều nhứt loạt không ai mặc màu đen. Các bà mặc áo màu gì thì mặc, nhưng kỵ màu vàng, màu đỏ thì chỉ có Thái hậu và Hoàng hậu mặc áo mà thôi, còn thì không được mặc áo đỏ mà được mặc quần đỏ thay cho quần đen, cũng có bà mặc quần trắng, nhưng rất ít. Vì chỉ từ thời vua sau này, mới

cho giảm ít nhiều về sự gắt gao là cho các bà được mặc quần trắng thay vì quần hồng. Nhưng họ cũng ít mặc quần trắng. Vì lúc bấy giờ, xã-hội trưởng-già, quý phái, cho rằng mặc quần trắng, để răng trắng (không nhuộm đen) là me Tây, là phường buôn hương bán phấn. Do đó, các bà chỉ mặc quần hồng. Quần hồng tất quần đỏ, mà ngày xưa phụ nữ khue các dùng thường ngày, vì thế mới có thành ngữ «quần hồng» hay «hồng quần» để chỉ về người phụ nữ.

Áo dài của các bà thì đa số là màu «ngại» tức màu xanh đọt chuối, hay màu hoa lý, màu lục, tùy theo mỗi người quen gọi. Kế đó là màu kiếng sen, tức màu cánh hoa sen, và màu tím.

Những bà Thái hậu, Hoàng hậu, cho đến nhất nhị phẩm phu nhân, mới chít khăn vành lớn, có chen nhiều màu. Còn tam tứ phẩm sắp xuống thì bịt khăn một màu «ngại» và chỉ một vành thôi, hay bới

tóc hoặc vấn tóc trần, đường ngôi rẽ ngay chính giữa. (rẽ tóc lệch một bên là tân thời, không đúng đắn).

Những cuộc lệ lớn, Thái hậu và Hoàng hậu cũng mặc đại triều, áo gấm thêu phụng, tay rộng, mào miện cũng chạm trổ phụng hoàng. Hồi Nam Phương Hoàng hậu từ Saigon được triều đình Huế vào rước ra Huế để làm lễ tiến cung, (tức lễ thành hôn với vua Bảo Đại), khi bà được phong là Hoàng hậu, bà mặc y phục đội mào Hoàng hậu. Khi vua và triều đình tấn phong là Nam Phương Hoàng hậu và lên ngôi trên ngai mình, cho triều thần làm lễ ra mắt. (lúc ấy chúng tôi có chụp hình bà (nhơn danh phái đoàn báo chí miền Nam) nhưng rất tiếc, đã lạc mất).

Trở lại câu chuyện màu sắc cấm kỵ của nhà vua đã «ban» thần dân bạch tính lúc bấy giờ nó tai hại như thế? Sau đây là một giai thoại điển hình cho việc dùng màu vàng

của một cụ già, thần dân của vua Minh Mạng đã phải xuyết đứt đầu vì cụ mặc chiếc áo màu vàng, bị những cường hào ác bá bảo hoàng hơn vua, tìm tâm hại cụ, đề mong được nhà vua cho thăng quan tấn chức, ban danh lợi!

Có một cụ già nông dân nọ, hồi còn trai trẻ, làm ăn siêng năng cần kiệm, sau về già, có được một sự nghiệp khá giả trong làng. Cụ tánh tình thật thà chất phác, làng mời cụ ra làm chức việc gì, cụ đều từ chối, chỉ muốn an phận thủ thường, Tuy đã lớn tuổi, nhưng cụ còn quắc thước mạnh khỏe, hàng ngày, cụ vẫn trông nom làm lụng với con cháu ngoài đồng áng, mặc dầu gia tư có sung túc dồi dào, cụ cũng vẫn tay lấm chân bùn, chỉ là một lão nông trơn, chẳng ham chức phận gì cả.

Do đó mà những cường hào trong làng đem lòng khinh khi, lại vì có làm tiền cụ không được, nên chúng thù vơ oán chạ, rắp tâm tìm cách gấp lửa

bỏ tay.

Vì quanh năm, lúc nào cụ cũng lo làm lụng nên ít khi được nhàn rỗi, và lúc nào cụ cũng ăn mặc quần nâu áo vải, tiện tặn để dành của cải do mồ hôi của cụ, cho con cháu về sau, Nên cụ không chịu mua sắm áo lụa quần hàng bao giờ.

Đến năm cụ được 60 tuổi, theo lệ làng, cụ được dự vào hạng lão niên. Thỉnh thoảng, người ta mời cụ đi dự việc làng ở đình chùa và ăn uống ở các tư gia mỗi khi có kỵ giỗ, lễ lộc chi đó, họ mở tiệc mời làng. Nghĩ rằng những việc giao tế bên ngoài như thế, cụ thấy cũng cần ăn mặc cho có sạch sẽ trang nghiêm một chút, vì thế, cụ mới cho con cháu may một cái áo dài lụa thường để mặc đi đó đi đây trong làng.

Áo may vừa xong, thì gặp ngày đình có lễ tế thần, cụ mặc áo quần chững chặc rồi chống gậy ra đình.

Sau khi đã lễ thần xong,

vừa theo thứ tự chiếu chiếu dưới do ngời thứ và tuổi tác cụ vào ngời ở bàn bô lão, thì ông chánh Tổng bồng gọi cụ lại bảo rằng :

— Có lệnh quan trên truyền bắt ông, giải lên quan, vì có người tố cáo rằng ông lộng hành, phạm thượng, dám mặc áo màu vàng, là màu chỉ riêng có đức Hoàng Thượng dùng mà thôi. Sắc chỉ vua ban ra phổ biến trong dân dã, đã rành rành, sao ông, dám phạm pháp như vậy hĩ ?

Cụ già cũng biết dư sắc lệnh cấm mặc áo vàng của triều đình lắm, Nhưng cụ hiểu rằng cấm là cấm sắc vàng da đồng sẫm, chứ màu vàng nhạt của áo cụ mặc thì đâu có phải màu vua cấm đâu. Nhưng ông Chánh Tổng có cho thể là có tội, ông cứ nhắc đi nhắc lại cái câu trong sắc lệnh : «Hoàng sắc cấm dụng» mà nhứt định bảo đây là nghiêm luật, rồi sai tuần trối ông cụ mà giải lên quan.

Lên tới quan, quan cũng một mực căn cứ ở chữ «Hoàng sắc cấm dụng» mà chiếu luật nghiêm trị. Lão nông chất phác quê mùa, thấp cổ bé họng, không thể phản trần gì được, nên bị tổng giam vào trại.

Tuổi già sức yếu, không chịu nổi sự hành hạ của bọn sai nha, cụ già phải nhả con đem tiền lên đút lót cho quan để ông đỡ khổ. Sự đời, «tốt lẽ dè van» sau khi đã đem năm chục nén bạc làm vật thế mạng rồi, ông cụ tha về, còn chiếc áo lục vàng của ông cụ thì bị lưu lại làm tang vật ở nhà quan huyện.

Từ đấy, tuy cụ được tha về, nhưng thỉnh thoảng, ông Chánh Tổng lại đến kiểm chuyện hăm dọa để làm tiền cụ già. Ông ấy bảo : «Quan huyện tha cho là vì thương hại cụ tuổi già, chứ tội của cụ mà quan cứ chiếu luật, không che chở cho, mà giải cụ lên triều đình thì cụ chạy đường trời cũng không khỏi bị tử hình.

Tội trọng như thế mà chỉ có năm chục lượng bạc thì đáng chi đó, cái áo tang vật quan còn giữ ở tư dinh, nếu cụ không biết ơn trọng hậu thì quan sẽ tái xét tội toan soán nghịch của cụ mà đưa nội vụ lên triều đình...» Thế là ông cụ lão nông lại phải lòi vàng bạc ra lo lót cho Chánh Tổng và quan huyện. Lần hồi, cụ già hết của nôi, đến bán của chìm do cụ đã đồ mồ hôi sôi nước mắt cả đời người mới có, gần tiêu tan hết vì chiếc áo này : chiếc áo màu độc quyền của nhà vua !

Thấy cụ già chỉ vì cái áo lụa vàng mà xuýt đứt đầu, và hết cả sự sản, những người dân trong làng đều thương hại ông cụ, và họ đặt ra những câu ca dao vừa có ý dặn nhau để nhớ mà tránh tai họa như ông cụ, vừa mỉa mai thật cay chua như sau :

Mấy lời dặn bảo dân đen :
Luật vua phép nước phận hèn
phải tuân.

Áo quần chỉ cốt che thân,

Lụa là gấm vóc hoa văn cấm
dùng.

Vải bô nhuộm vẽ nâu sồng,
Hai màu hoàng, lục đều không
được mà !

Còn như về việc cửa nhà,
Gỗ, tre, tranh, lá gọi là có thôi!
Nếu làm nhà ngói phải coi
Đốc, đao cấm ngặt, gác chòi
cũng không.

Chữ «Môn» cho chỉ chữ «Cộng»
Phạm vào phép nước ắt không
dung hoài.

Đép giày nhận kỹ chớ sai
Hai quai : thầy Tú, một quai :
thầy đồ.

Giày da, Nghè, Cừ mới cho,
Dân đen chỉ được cặp giò kéo
không !



REGAST . T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa.Lan



Nhận diện

Niềm bất hạnh ngập tràn trong tim óc
 Đạn bom nào khơi ý thức mù tăm
 Xin quay về nguyện cầu thôi tang tóc
 Hồi Phật hồi Chúa, hơn hai mươi năm
 Chúa cứu thế cho ta đường chân lý
 Mang tình thương trang trải mọi tim người
 Đức Từ bi cho ta niềm vô úy
 Đề tự hào và bất khuất muôn đời
 Anh đệ-tử... Tôi tin đờ Thiên Giáo
 Ngồi sát gần và Đối-diện nhau hơn
 Nhìn cho kỹ, A ! Chúng ta người Việt
 Khắp cả Nhị hà — Đông-Tháp — Trường sơn

NGUYỄN-TUÔNG-VĂN

Học Thuyết

HOÀNG-ĐẾ NỘI KINH

Chính là biện chứng pháp

★ NGUYỄN-ĐỒNG-DI
 Đông-y-Sĩ

HOÀNG ĐẾ NỘI KINH là loại sách lý luận Đông Y Dược Học của thời Thượng Cổ, ra đời sớm nhất thế giới. Đặc điểm của sách này là **ÂM DƯƠNG BỐN MÙA** làm đối tượng, để thuyết minh **SINH LÝ, BỆNH LÝ**, chỉ thị cách bảo dưỡng mạng sống giúp cho con người lâu già, và khỏi nhân gây ra các loại tật bệnh, tìm hiểu tật bệnh... chú trọng tinh thuần về nguyên tắc trị liệu, mà không đề cập đến phương pháp trị liệu, thế nên muốn tìm hiểu chân lý của Đông Y-Dược, trước tiên phải từ nguyên tắc học, dẫn đến phương pháp học, nghĩa là học lý thiết trước, học thực hành sau chuyên khoa thực hành phải hướng theo tiêu chuẩn lý thuyết

mà tuân tự học tập, thì sở học mới có hệ thống nhứt trí, và mới hy vọng thấu triệt phần nào chân lý của Đông Y Dược.

Người ta gán cho Đông Y Dược là một môn học gia truyền không có văn hóa học thuật gì ráo, một khi trường Đông Y Học Hiệu được thành lập, thì giới Đông Y cũng bắt quá đẽm những môn thuốc gia truyền kia, truyền thọ lại người khác mà thôi... Nói thế, là vì họ chưa thấu triệt được Đông Y, hoặc không muốn tìm hiểu Đông-Y theo thực tế. Nhưng cả thế giới thì không nghĩ thế, các nước văn minh tột bực như MỸ, ANH, PHÁP, ĐỨC ... vẫn tin tưởng và theo học Đông Y. nhà Y Sĩ Học Nước MỸ là ông Lâm-Đỗ Jacob

Lindau phiên dịch Sách. **HOÀNG ĐẾ NỘI KINH TỐ VẤN**. Y gia Nước MỸ là Ông Hứa Mè Hume trước tác quyền **TRUNC QUỐC Y HỌC CHI ĐẠO** The Chineseway in Medicine. Y Học Bác Sĩ Nước Anh là Ông Sừ -Đất Phổ Malcolm Henry Stemp đến Trung quốc học tập Châm Cứu với Ông Ngô Huệ-Bình. Các nhà Y Học ở Pháp Đức theo học Đông Y nhưt là Khoa Châm Cứu khá đông, và được phép dùng khoa này chữa trị cho người bốn xứ, để bổ cứu chỗ vị bị của tây Y.

Vậy thử đề ra sau đây một vài đoạn khảo luận về Sách **HOÀNG ĐẾ NỘI KINH**, xem ngành Đông Y Dược có phải là một môn học gia - truyền hay là nó đã có sẵn một nền **HỌC THUẬT VĂN HÓA** trên năm ngàn năm, có giá trị rất thiết thực và quý báu, cần được phát huy sâu rộng.

Ông Dương-Tác-Dân nói : bất luận một loại học thuyết nào thành lập, tất nhiên phải nhờ có sẵn tư tưởng và phương pháp

nhứt quán, thì mới có thể tổ chức hoàn bị cho học thuyết, ấy là công lệ nhứt định. Cho nên có phương pháp «**CHÁNH DANH**» mà sau mới có Thuyết Luận Lý Triết Học của Đức **KHỔNG PHU TỬ**. Có phương pháp «**VÔ DANH**» mà sau mới có Chủ Nghĩa «**VÔ VI**» của Đức Lão-Tử. Có «**TAM BIỂU PHÁP**» mà sau mới có Thuyết Triết Học của Ông Mặc Tử. Có «**Đốn Ngộ Pháp**» mà sau mới có Thuyết **MINH LÝ HỌC** của Thời Nhà Tống. Chỉ như Chủ Nghĩa Thực Nghiệm của Ông Đổ-Uy (dịch âm) là nhờ khoa Thực Nghiệm Luận Lý Học mà thành tựu. Thuyết Sanh Mạng Triết Học của Ông Bá Cách Sanh (dịch âm) là do «**trực giác**» mà thành tựu. Do phương pháp «**Cơ Giới Luận**» mà thành lập **TỰ NHIÊN KHOA HỌC**. Có Thuyết «**Duy Vật Luận**» của Biện Chứng pháp mà sau mới có Thuyết **XÃ HỘI KHOA HỌC** làm cho phong mỹ cả thế giới.

Cho nên Nhà Triết Học Nước Anh là Ông La Tố (dịch âm)

nói : «**tất cả học thuyết của các Triết Học Gia, trải qua sự phân tích chọn lọc, chỉ còn có vấn đề Luận Lý Học mà thôi.**»

Sách **HOÀNG ĐẾ NỘI KINH** là lời nói của một Y Gia, là Kinh Điển của Đông Y Dược, sự hoàn thành sách này, với tư tưởng nhứt quán và phương pháp đặc biệt. Nếu có người hỏi : tư tưởng nhứt quán và phương pháp đặc biệt ở chỗ nào ? Tôi xin trả lời cách quả quyết rằng : «**BIỆN CHỨNG PHÁP**». Đây là **BIỆN CHỨNG PHÁP** của Sách **HOÀNG ĐẾ NỘI KINH** chứ không phải **BIỆN CHỨNG PHÁP** của cận đại làm cho phong mỹ cả thế giới. Nguyên văn của Sách **HOÀNG ĐẾ NỘI KINH** đã chứng thực cho câu trả lời của tôi trên đây.

Biện Chứng Pháp, cũng có thể gọi là «**Hồ Biện Luận**», vì tư tưởng tiến bộ của nhưn loại, đến một thời kỳ tương đương thì tất nhiên phải phát hiện, là việc rất tương, phạm quan sát hiện tượng tự nhiên, mà không chấp

trước thành kiến, thì ai cũng có thể xét biết được. Cho nên Ông Ngang Khắc Nhĩ (dịch âm) nói : «**Tự nhiên là minh chứng của Biện Chứng Pháp, «đương khi nhưn loại biết được thế nào là Biện Chứng Pháp, thì trên tư tưởng đã là Biện (chứng-Pháp rõ)».** Như Dịch Lý Học của Nho Gia ; Lão Tử, Trang Tử của Đạo Gia, trên căn bản tư tưởng của mấy ông ấy, đều là **Biện Chứng Pháp** (xem Sách Cổ Đại Nghiệm Cứu của Ông Quach Mạc Nhược, bản dịch Trung Quốc Triết Học Khái Luận của Ông Lưu Khán Ngươn, và bản dịch Hiện Đại Thế Giới Quan của Lý Đạt. Nội dung Biện Chứng Pháp của Sách Nội Kinh nên chia ra làm ba giai đoạn như sau :

1) Tất cả hiện tượng của giới tự nhiên đều tiến triển không ngừng, cho nên tất cả sự vật trong vũ trụ, đều phải trải qua những quá trình : **SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN** và **HỦY DIỆT**, Biện Chứng Pháp thì chủ trương ở trên

động thể, của quá trình ấy, mà quan sát sự vật.

2) Tất cả sự thành nhân của động thể, là do vật tương đối ở bên trong thúc đẩy, mà bên ngoài bị thúc đẩy theo, Cho nên có lên, có xuống, có bằng phẳng, có chênh- lệch, có thành tựu, có hủy diệt, có tiêu, có trưởng, là do ở một mặt phần, một mặt chánh tương đối nhau mà sanh biến hóa, Biến hóa tức là tiến triển vậy. Biện Chứng Pháp thì chú trọng trên sự tiến triển của sự vật, để thẩm định sự mâu thuẫn ở bên trong sự vật,

3) Tất cả sự vật hoàn toàn liên quan lẫn nhau, như sự hoạt động của điện ảnh, nên quan sát toàn thể, mà không thể chia cắt ra từng miếng, từng đoạn. Nếu chia cắt ra từ miếng, từng đoạn, thì trở thành tử thái, mà không còn là động thái nữa. Bởi thế Biện Chứng Pháp chủ trương, tất cả sự vật đều phải quan sát trên toàn thể.

Trên đây là phương thức của Biện Chứng Pháp. Mặc dầu thời đại bất đồng, người đời Thượng

Cổ và người hiện tại, cách quan sát giới tự nhiên, hoặc tinh tường, hoặc sơ lược có sai biệt nhau. Vì vậy mà nội dung của biện chứng pháp có siển, có thâm, đó là tùy theo sự tiến triển của thời đại mà tiến triển. Không nên cố kỵ mà không dám nói cách thẳng thắn rằng : Bện Chứng Pháp của Sách Hoàng Đế Nội Kinh không được tinh mật bằng hiện đại. Song cũng là Biện-Chứng-Pháp, không có gì phải nghi ngờ.

Sách Hoàng Đế Nội Kinh có những bộ phận luận về Âm Dương, Ngũ Hành, có người lòi ra phải báng một cách bướng bỉnh, là vì họ không biết đây chính là điểm quan sát của Biện Chứng Pháp. Âm Dương là tượng trưng cho việc đối lập của sự vật.

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE- G

vật đối lập thì tự phát khởi mâu thuẫn, mà sanh biến hóa, ở trong thân thể con người cũng thế. Khí Âm hòa bình, khí Dương bất hòa thì tinh thần yên ổn. (Âm bình Dương bất hòa thì thần nài trị). Nếu khí Âm khí Dương xung đột nhau, thì sanh ra tật bệnh (Nhược Âm Dương quai lệ, tất tật bệnh nài khởi). Sách Nội Kinh luận về Thuyết Đối Lập như : Bô Tả, Cương Nhu, Biểu Lý, Hàn Nhiệt, Ôn Thanh, Hư Thực, I hạnh Suy, Tả Chánh, Tồn Ích, Tam Âm, Tam Dương... không thể kể xiết, nhứt thiết đều lấy hai khí Âm và Dương để thuyết minh sự đối lập và mâu thuẫn lẫn nhau. Cho nên Thiên Âm Dương Ứng Tượng Đại Luận nói : Âm thắng thì Dương bệnh, Dương thắng thì Âm bệnh. Âm bằng thì bệnh lạnh, Dương bằng thì bệnh nóng. Trùng hàn thì biến nhiệt, trùng nhiệt thì biến hàn.

Song sự biến hóa của sinh lý, trong thân thể con người vô cùng vô tận. Tác giả Sách Nội Kinh hậu thấy chỉ lấy hai khí Âm và

Dương làm tượng trưng, thì không đủ sức lột hết cái lý biến hóa của nó cách rớt ráo, nên mới dẫn chứng thêm thuyết Tương Sinh, Tương Tiêu của Ngũ Hành, để thuyết minh cho rõ ràng hơn.

Bởi vì, tất cả quá trình tiến triển ngoài giới tự nhiên, đều không ngoài sự Sinh Trưởng, Phát Triển, và Hủy Diệt. Cho nên nói : Bốn Mùa, Âm, Dương ấy là căn bản của muôn vật (từ thời âm dương giả vạn vật chỉ căn bản). Tượng trưng cho sự Sinh, Trưởng, Thu. Tàn của bốn mùa, là qui tắc thông thường giúp cho Bện Chứng Pháp được tiến triển, như : Khoa Sinh Lý Học thì chia làm Thai Sanh, Ấu Niên, Thành Niên và Lão Niên bốn thời kỳ. Khoa Bệnh Lý Học thì chia làm Tiềm Phục, Tiền Khu, Tiến Hành và Khôi Phục bốn thời kỳ, là đều nương theo ý nghĩa của bốn mùa vậy.

Và lại Sách Nội Kinh nói : Quá sức lạnh thì trở lại nóng, quá sức nóng thì trở lại lạnh ; bệnh trùng âm tất biến dương,

bệnh trùng dương tất biến âm-Phong khí thắng thì bệnh động, Nhiệt khí thắng thì bệnh thủng, Táo khí thắng thì bệnh khô, Hàn khí thắng thì bệnh phù, (hàn cực sanh nhiệt, nhiệt cực sanh hàn, trùng âm tất dương, trùng dương tất âm ; phong thắng tắc động, nhiệt cực tắc thủng, táo thắng tắc cao, hàn thắng tắc phù). Vì nhận cho các nguyên-nhân gây ra tất bệnh, là do vật đối lập bên trong thân thể con người chênh lệch, nếu biết ức chế chỗ thiên thắng kia trở lại bình thường, khí âm khí dương điều hòa, thì bệnh tự nhiên khỏi. Vì vậy mà phát minh ra lý luận Điều Tiết. Cho nên nói : Người khéo sử dụng Phép Châm, thì Châm ở phần âm, dẫn thân bệnh ở phần dương Châm ở phần dương, dẫn thân bệnh ở phần âm. Châm bên phải chữa khỏi bệnh bên trái, Châm bên trái chữa khỏi bệnh bên phải; (thiện dụng châm giả, tòng âm dẫn dương, tòng dương dẫn âm ; dĩ hữu trị tả, dĩ tả trị hữu...) để quan sát do cái lý thái quá, bất cập mà sanh ra bệnh.

Cho thấy luận thuyết Điều Tiết, là điểm đặc sắc của Sách Nội Kinh. Song Biện Chứng Pháp thì lấy sự Phát Triển, Tiến Triển làm chủ đích, mà trái lại Sách Nội Kinh thì lấy Điều Tiết làm lập luận, đây chính là điểm chuyên biến của Biện Chứng Pháp. Cho nên toàn Bộ Sách Nội Kinh đối với Biện Chứng Pháp đương thành hành ở đời gần đây không giống nhau, chính là điểm này, và chỗ sáng tạo ra một luận lý độc đáo của Sách Nội Kinh, lại cũng ở điểm này vậy.

NGUYỄN-ĐỒNG-DI

Đông Y-Sĩ

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

TU' Ờ'NG NIỆM

CỤ PHAN-VĂN-HY

Một thi-sĩ tài ba lỗi lạc của vùng
Ngũ-Quảng

● LỆ-THỦY

Cụ sinh năm 1890 tại làng Phan-Biêu phủ Triệu Phong, Quảng-trị (Trung-Việt), hiệu Kinh-Chi.

Năm 1915, đỗ Y-sĩ Đông-Trung (sau đổi Y-khoa Bác-

Năm 1953, Tổng-trưởng Bộ Chiến-binh Chánh-phủ Nguyễn-văn-Tâm.

Mất ngày 14-3-1970 tại thôn, thọ 81 tuổi.

là một thi-sĩ có lối thơ nhẹ nhàng, bay bướm, tình-tứ dồi dào, có những tư tưởng phóng khoáng, cao-siêu.

Cụ làm rất nhiều thi-phẩm, nhưng thất-lạc gần hết. Cụ ở trong Hương-bình thi-xã, bạn với các Cụ Thúc-Dạ, Thảo-Am, vào Nam ở trong Tao-đàn Điều-tri do hai vợ chồng Bác-sĩ Trần-ngọc-Án, bút hiệu Diên-Hương và bà Song-Thanh chủ-trương.

Nay tôi tìm kiếm được một mớ thi-văn của Cụ đem ra đây đề tri-kỷ bốn phương mấy lâu nay ngưỡng mộ Cụ, có dịp thưởng-thức thi-văn Cụ.

Tả một đầu-đề khô-khan và không thi-vị chút nào (nạn xe hơi) Cụ vẫn viết được như thế này :

Bụi hồng vút vút chiếc xe
bay

Nạn xảy ra khi mới tới ngày.
Chết ngất thâm-thương

người bạn rui

Sống thừa mới biết phận
mình may

Điếu Ô. Ngô-Đại, bút hiệu
Xuân-Sơn ở Nha-Trang, Cụ
có câu này :

Hồng trần trung, nan mịch
Xuân sơn, hoài-vọng Nha-
thành trường thng khốc,
Huỳnh tuyền hạ, dĩ phùng

Thúc dạ, ký ngôn kinh quốc
thậm tiêu điều.

Tả cảnh tiền đưa, ly-biệt
hay tình-tự, Cụ mặc sức nhà
ngọc phun châu :

Rượu rót vài chung muôn
giọt lệ
Đờn hòa một khúc bốn giây
sầu.

Hay là :
Muốn lấy giây tình giăng
mặt nước

Tình dài vẫn-vặc nước voi-
voi

Hay là :

Yêu em niu áo dăng em lại
Chợ có trưa thời mặc chợ
trưa.

Hay là :
(Trích bài Khóc Thúc-Gia)
Nội lách xuân về Oanh gọi
nhớ,

Non tùng sương bũa quốc
kêu sầu

Đường Tây-Thượng cũ rêu
phong dấu

Đình Lộc-Miêu xưa cũ lọt
màu.

Nhưng cái vinh-quang rực-
rỡ của Kinh-Chi có lẽ chúng
ta tìm trong bài này :

VỊNH CỬA TÙNG
(Quảng-tri)

Ra Cửa Tùng chơi bóng xế
chiều

Cảnh thừa lương trước ngõ
buồn thiu.

Năm xưa Bến Ngự đôi gành
đá

Dấu cũ sân châu mấy cụm
rêu.

Quyên gọi lưỡng đầu lòng
cổ-quốc

Tùng reo như nhắc chuyện
tiền triều.

Cuộc đời dâu bể nhìn thêm
ngán

Nhớ chúa thương ai ruột
chín chiu

Gần đây năm 1962, Cụ làm
bài Thu Cảm, nguyên xướng
như thế này :

THU CẢM

Mây tảo vờn xoay quả địa-
cầu

Một trời mưa gió tiết sơ thu
Sân ngõ lá rụng vàng tó mắt

Ngân lách hoa phơi bạc
nhuộm đầu

Giờn sóng bầy le đà lại đó.
Xông sương chiếc nhận sẽ về
đầu

Cùng trong bức vẽ màn thu
ấy

Chỗ thấy vui vui chỗ thấy
sầu

Các thi-hữu có nhiều bài
hoạ vịnh như sau :

CỬA BÀ THANH LIÊN
(trong Tao-đàn Diêu-tri)

Én liệng ve ngâm quạ bắt cầu
Vui thu chưa nếm đã buồn
thu

Ngô đầy lá úa hung hung sắc
Sương nhuộm dần đen bạc
bạc đầu

Gió dãi mưa dầu non nước
đó

Thuyền con bề cả bến bờ đầu
Ngân phương thế sự bao
nhiều nặng

Một gánh riêng chung một
bánh sầu.

CỬA CÔ CHIM HOÀNG
(trong tao-đàn Diêu-tri)

Thượng giới trần-gian cũng
nhịp cầu

Chừ đây xác lá ngập lòng
thu

Nửa nguồn trăng đổ thêm
nhoe ớ

Mấy độ vàng rơi sứt bạc
đầu

Cánh nhận muôn trùng non
nước hồi

Sóng ngân đôi nẻo thiệp
chàng đầu.

Phải chăng con tạo thày-lày,
cứ
Vẽ mãi cho thu một nét sâu

THU NÔNG - NỤC CỦA
TUẦN LÝ

(trong tao-đàn Diêu-trì)
(mượn vận bài thơ Thu-cảm
trên của Kinh-chí)

Mưa ngâu đọng vũng ngập
trên cầu

Bức-bội lòng người giận
tiết thu

Tám hương mây ðề chim lạc
giọng

Bốn phương gió bất tứ điên
đầu

Ngó buông lá thúi cành tro
đỏ

Liễu ngậm sương mờ nước
chảy đầu

Quạt mãi không qua cơn
nóng bức

Lạ thay cái nực cũng gieo
sâu.

CỦA LỆ-THỦY

(trong tao-đàn Diêu-trì)

Khói mây bao phủ khắp

Cảnh cúc toi-bời nặng

Trong hạ khó tìm vẫn

Sang thu chạnh nhớ

Nước non đôi ngã về

Tâm-sự riêng mình

Đôi ngọn đèn khuya

Mực hòa gươm báu

Thơ văn Cự còn nhiều

tác, ngặt vì một phần

chưa sưu-tâm kịp và

hơn nửa khuôn khổ

tờ tạp chí Phê-
Thông không cho dài

giờng. Sau đây các bài

thơ hoặc câu đối

điều cụ của các thi

sĩ gần ái mộ Cự :

KHÓC ANH KINH CHÍ

Hiền huynh Kinh Chí

Than chẳng thành câu, nghẹn
khúc nôi... !

Bỏ lại đàn em trên mặt
đất !

Tim đâu chiếc bóng dưới
lưng trời ?

Tinh thêm cơn cháu sâu
thương mãi...

Gánh nặng non sông trút
nhẹ rồi !

Nhịn khóc, mừng Anh chừ
giác mộng...

Cười đau ruột thắt, lạt đầy
vôi !

Thanh-Liên kính bái
16-3-70

CÂU ĐỐI

Mấy chục năm dư nổi tiếng
kỳ hoàn.

đáng toại chi, ả rừng hạnh,
tiêu dao một cõi,

Tám mươi tuổi lẻ, đầy sân
hòe quế,

bông day lưng, trúc nọ trần,
an giấc ngàn thu

Bà Thanh-Liên

KHÓC KINH-CHÍ

Kinh-Chí đâu còn các bạn
oi !

Mỉm cười anh đã tách xa
khơi.

Nhớ khi chỉ dạy vài câu hát
Thương lúc riêng than

những bợn tôi.

Tở quốc không người, đâu
đất nước

Thi đàn vắng đó, hận chia
phôi

Cho hay sớm muộn ta cùng
tới

Tranh đấu chi rồi cũng thế
thôi !

TUẦN-LÝ
17-3-70

KHÓC CHỮ

Tám mươi tiệc thọ mới năm
rồi,

Mệnh số ngờ đâu tám mốt
thôi !

Chú vôi về chi cho lạc
quốc,

Đề con thương nhớ lệ đầy
vôi...

Khóc mãi không người được
nổi sâu,

Thần thờ, ngọc-ngân suốt
canh thâu.

Cuộc đời ngấm lại càng
ngao ngán,

Mời đó... mà nay chẳng thấy
đâu ! !
Bao nhiêu kỷ-niệm, dạ hằng
ghi,
Khóc chừ, nay con biết viết
gì
Một nén hương lòng xin kính
điếu
Niềm thương gửi trọn mấy
vần thi.

TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG

THƯƠNG TIẾT ANH KINH
CHỈ

Hỡi Anh Kinh-Chỉ ! Anh về
đâu ?
Đề tiếc, đề thương, đề bạn
sâu.
Hay nợ phong trần toan trả
sớm,
Kéo thuyền bát nhã đợi chờ
lâu.
Còn ai thổ-thẻ tình non
nước,
Xui tố mơ màng chuyện bề
đâu.
Thêm nỗi câu thơ cùng tiếng
hát,
Kiếm sao ra được khách
tâm đầu.

Thân Văn 16-3.70

CÂU ĐỐI CỦA MỘT QUÂN
NHÂN :

Thúc Dạ Xuân Sơn chèo
Kính-Chỉ
Tao đàn hạ giới vắng Phan
quân.

Phan.đình-Thứ
bút hiệu Thúc-Cử

KHỐC KINH-CHỈ

Tôi ở Trường-An, anh phủ
Triệu,
Tình cờ gặp gỡ kết to
duyên
Tuy tuổi hơn tôi hai chục
lẽ
Tình thơ anh trẻ như hoa
niên.
Năm xưa tôi tế Anh tại
Huế
Anh chiến khu về cười giữa
nghiêng.
Bạn Hữu Hương Bình miêng
tiệc rượu,
Thu-nương ca mấy điệu thần
tiên,
Quên cả giang sơn đây tang
tóc
Bình đao tràn ngập khắp hai
miền.

Vào Nam gặp lại nơi Diêu
điện (1)

Thi nhạc vui vầy giữa các
tiên (2)

Thi đẹp như tình trai Thôn
vỹ

Nhạc trong như nước suối
lâm tuyền.

Anh bực hào hoa ai cũng
mến.

Lòng đượm hương nồng
chốn Ngự-viên

Chiếc nón bài thơ cô gái
Huế,

Vì anh, như đã đã nghiêng
nghiêng

Nay anh vội tách miền xa
lạ,

Đề lại trần gian lắm ưu-
phiên.

Lấy ai ngâm khúc tình mắt
nước,

Lấy ai Bến Ngự thả con
thuyền.

Từ đây tiễn biệt anh muôn
đậm,

Non nước vui đầy chuyện
đảo-điên.

Ngọn bút đương còn dang
dở viết

Tiếng gà như đã gáy ngoài
hiên.

UNG-CÁN

bút hiệu Lê-Thủy
(viết đêm 16-3-70 tại
Thủy-Lệ-đình Saigon)

(1) Đền Diêu-trì, nơi họp của
các thi-sĩ tại Saigon
do hai vợ chồng Diên-
hương và Song-thanh chủ-
trương.

(2) Các tiên tức là các thi-hữu :
Thường-Tiên, Biển ngữ nhi,
Long Giang, Tuân Lý, Thanh
Liên, Thân-Vân, Nguyễn-
Vỹ. v.v...

Cần một bạn trẻ

Giúp việc Tòa soạn, tình-trạng quân-dịch hợp lệ — Có xe
máy — siêng năng và dễ thương. Làm ngày 2 buổi.

Hỏi tại Tòa soạn Phò Thông, buổi sáng từ 9g. 30
đến 11 g. 30

Phong
hoa
miền



LỄ THANH MINH

★ NGUYỄN-QUANG-TỎ

THANH-MINH là gì ?

Tại sao vừa gọi là *Tiết Thanh-Minh*, lại vừa gọi là *Hội* hoặc *Lễ Thanh-Minh* ? Và đối với dân-tộc Việt-Nam ngày đó có một ý nghĩa như thế nào trong đời sống tinh-thần ?

Theo nguyên nghĩa danh từ ngữ nguyên, Thanh là *Trong* Minh là *Sáng* ; nói chung Thanh-Minh là *Trong Sáng*.

Trong thực tế đời sống, hình

ảnh *Trong Sáng* là hình ảnh tương đối dễ nhận biết. Thật vậy, trong *Nhiên giới*, ta có thể mượn làm hình ảnh *Trong Sáng* những nơi có nhiều ánh mặt trời, cũng như những nơi mà sự sống đang bừng bừng trời dậy. Trong đời sống nội tâm của con người, sự *Trong Sáng* cũng có ở những tâm hồn đang hướng thượng, hay nói cách khác, đang ở trạng thái dự-phóng (projet) để vươn lên.

LỄ THANH MINH

Xuất phát từ niềm suy tư đối chiếu đó, người Đông-phương nói chung, người Việt-Nam nói riêng, vốn sinh ra và lớn lên trong quan niệm «*Trời đất với Ta là một thể*», cho rằng mùa Xuân mùa đầu năm, là thời kỳ vạn vật, trong đó có cả con người, bắt đầu bước sang một cuộc sống mới, với nhiều triển vọng, và chứa chan sinh khí, dồi dào ánh sáng và màu sắc mướt mơn xanh tươi. Do đó, từ ngoại giới đến nội tâm, mùa Xuân được xem như là mùa *Trong Sáng* nhất trong năm. Cũng vì vậy mà từ hồi xa xưa, trong thi ca Trung Hoa, mùa Xuân là mùa được ca ngợi nhiều nhất. Cũng trong khuôn khổ ý thức hệ đó, về Thi cũng như Họa, biết bao hình ảnh *Trong Sáng* của Xuân đã được các thi nhân và họa sĩ Việt Nam, với những ngôn từ dồi dào chất liệu nghệ thuật nhất, phác họa nên, chẳng những đề cho riêng mình thưởng thức, mà còn gây nên biết bao rung cảm chân thành ở những đồng điệu !

Chính vì cảnh Xuân mướt mơn xanh tươi, tinh Xuân dạt dào hương vị, nên người xưa đã chọn một ngày nào đó trong mùa để đặt tên cho một ngày *Tiết*, theo sự vận hành thời khí 24 *Tiết* trong một năm Âm Lịch, cứ mỗi tháng là 2 *Tiết* (nếu gặp năm nhuận, Âm Lịch nhuận năm, thì tháng nhuận đó chỉ có một *Tiết*).

Sách *Từ-Hải* của Trung-Hoa ghi rằng : *Sau Tiết Xuân Phán 15 ngày là Tiết Thanh Minh*. Đối chiếu với các ngày *Tiết* trong Âm-Lịch, chúng ta thấy rằng đại thi hào Việt-Nam là Nguyễn-Du cũng đã ghi nhận như thế khi ông viết :

*Ngày Xuân con én đưa
thoi
Thiều quang chín chục đã
ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài
bông hoa
Thanh-Minh trong tiết
tháng Ba
Lễ là Tảo.Mộ, Hội là Đạp
Thanh...*

(Đoạn-Trường Tân-Thanh, tức Truyện Thúy-Kiều).

Đúng vậy. Tiết Thanh-Minh thường là ở vào ngày mồng 5 hay mồng 6 tháng Ba Âm-lịch. So với 90 ngày của mùa Xuân Tiết đó cũng đúng là ở vào khoảng ngoài 60 ngày (tức sang tháng Ba rồi).

Thế nhưng, một vấn đề được đặt ra: đã là *Tiết Thanh Minh*, tại sao như trên đã nói lại còn gọi là *Lễ*: *Lễ Thanh-Minh*, hay *Hội Thanh Minh*, hoặc *Hội Đạp Thanh*?

Đây chính là một phong tục, mà cũng là một nghi-thức phụng-vụ của người Trung-Hoa và Việt-Nam đối với tiền nhân đã khuất.

Ngày Xuân, cảm xúc trước cảnh đẹp thiên nhiên, người ta rủ nhau đi du ngoạn. Từng tốp người trai thanh gái lịch, người ta lũ lượt kéo nhau đi, như thi-hào Nguyễn-Du đã viết:

Gần xa nô-nức yến anh...

Người ta đi dạo khắp đồng

quê đề thưởng thức cảnh đẹp. Nhưng cảnh đó là gì nếu không phải là *Cỏ non xanh tận chân trời*? Cho nên ngày *Hội* vui Xuân này lại được gọi là *Hội Đạp-Thanh*, nghĩa là trong khi đi dạo, người ta đã dẫm đạp lên cả những ngọn cỏ xanh tươi mướt mướt khác nào những giai nhân mặc khách đang nhẹ nhàng đặt gót chân thanh lịch lên tấm thảm nhàng! Thật là một hình ảnh đầy thi-vị, thể hiện cả một tâm hồn thanh khiết hòa đồng cùng nhịp sống với thiên nhiên đang độ hồi sinh!

Tuy nhiên, trong niềm vui chơi thỏa thích, găm lại công lao tiền nhân, nhìn lại những năm mồ đang lạnh lùng nằm im lìm dưới lớp cỏ Xuân xanh

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

rậm, người ta không thể không nghĩ tới bốn phận mình phải báo đáp công ơn! Do đó ngày *Tiết* đã biến thành ngày *Hội*, rồi lại từ *Hội* biến thành ngày *Lễ*, gọi là *Lễ Tảo-Mộ*: thật là một «chu kỳ» điều hòa tự nhiên về ý-niệm của những con người Việt Nam vốn thường xuyên mang trong mình cái quan niệm gắn liền *bồn-phận* với *hương-thụ*, yếu tố căn bản mọi hoạt động nhân sinh.

Cho nên, trên bình diện nghi-thức phụng vụ, trong ngày *Lễ* đó, con cháu có bồn phận phải xem xét lại mồ mả tổ tiên cha mẹ, cắt bớt lớp cỏ rậm trên mộ, cũng như trùng tu lại những chỗ hư hỏng nếu cần; cốt làm sao cho ngôi mộ trông được vẻ «trong sáng» sạch sẽ. Sau khi làm xong công việc đó, con cháu lại phải cúng lễ ngay tại mộ bằng hương hoa, hoặc có khi cả xôi chè hay cơm cháo, tùy phong tục từng địa phương nhưng căn bản tinh thần không ngoài bày tỏ tình nhớ thương và lòng tri ân với

những người đã khuất... Sau đó mới về nhà hay rủ nhau tiếp tục đi du ngoạn...

Tóm lại, với người Việt-Nam cũng như Trung-Hoa, *Tiết Thanh-Minh*, hay *Hội-Đạp Thanh* chính là một giao điểm thời gian trong đó con người cố cơ hội giao hòa cảm thông với vật giới trong một dự-phóng cao đẹp, và với một niềm hy vọng dồi dào sinh khí, khác nào như cây cỏ xanh tươi dưới bầu trời Xuân *Trong Sáng*. Trong khi đó, *Lễ Thanh Minh* hay *Lễ Tảo mộ*, lại là thể hiện một tinh thần bồn phận thiêng liêng, đồng thời cũng là một cảm tình kính mến thấm thiết ghi nhận hình ảnh và công đức của tiền nhân, mà lúc buồn cũng như lúc vui, là con cháu không thể nào lãng quên được. Vì đó chính là cơ nguyên hình thành của gia đình Việt-Nam, một dân tộc vốn tự hào về truyền thống của mình, một truyền thống lấy gia đình làm nền tảng hình thành và phát triển xã-hội.



TRƯỜNG CA HUYỀN SỬ Quê Hương

● LÊ THÚY HỒNG

- Với nước da đồng thân hình lực lưỡng
Mang sức mạnh trùng dương
Với niềm tin yêu ngọt tràn triều nước lớn
Cha kiêu hùng trong huyền sử Đông Phương
Với hơi thở thủy triều dạt dào sinh lực
Cha là Thiên thần của đại dương
Hào quang sáng rực
Ruổi ngựa vung gươm
- Với nhan sắc Thiên Nga, tâm hồn thánh nữ
Tóc mượt Trường sơn
Mắt sâu cổ xứ
Mẹ dịu dàng trong Tinh sử Quê hương
Ôi ! Mẹ với dung nhan diễm kiều bất tuyệt
Mặn mà xiêm áo tề phi

Bên kê sông Tần hay bến Việt
Cánh hoa làm một chuyến đi
Cha khởi nguyên Đông Hải
xuất phát Ba Vi
Thập chân thần thoại
gót về đây

Cha chọn Quê hương vùng đất mới
Hải sa cuồn cuộn mạch sông Hồng
Núi dựng bên dòng nước
nghẹn muôn đường mặt biển Đông
cả núi cao chúc mừng hôn lễ
ng bạc mây vàng dựng mái nhà thơ
! bình yên vô kể !
nhà trong ước mơ
mẹ sinh ra bọc trứng trăm con đàn con thánh thiện
non hồng mắt ngọc sáng thật hồn nhiên
con khuya khoắt đêm triu mến
ng cảm vô song bóng Mẹ hiền
mát đất máu dòng sữa ngọt
líp võng quyện vào tiếng Mẹ ru
m tình ngưng đọng trong lời hát
bóng Quê hương khói bụi mà
con thơ lớn nhanh như thổi

Mây Tiên cuộn trắng mạch Rồng Thiêng
Cánh tay khai phá vươn vươn tới
Mái nhà xưa từng nếp mới được dựng lên

● Tình sử hay huyền sử

Chia con hay chia duyên

Cất chén vàng hạ tứ

Ôi ! thơ tác rượu nguyên

Một nửa đàn con theo gót mẹ

Một nửa đàn con nối bước cha

Đã ngậm ngùi lặng lẽ

Nhỏ lệ sầu chia xa

Biết bao quặn luyến

Trong nó ngoài tề

Ba Vì Mẹ đến

Đông Hải cha về

Hồn thiêng bưng tỉnh nhất tề

Vương cao khí thế kinh nghê vấy vũng

Vòng ôm trùm lửa

Khóe mắt khoan dung...

● Thôi hết chim xanh và lá thắm

Huyền sử từng trang nhỏ huyết sâu

Mẹ lên núi thắm

Cha xuống biển sâu

Đề lại đàn con lớn khôn đòng đảo
Với một gia tài nước mắt mồ hôi
Một lớp đất phì nhiêu chan hòa xương máu
Nơi đây con cháu Rồng Tiên sẽ tồn tại muôn đời
Non nước hiền hòa cõi bờ mở rộng
Mái nhà đùm bọc ôi ! bốn ngàn năm
Một mái nhà thơ chở che nơi giống
Nguồn sống rạt rào tiến xuống phương Nam
Biển đồng hoang thành ruộng lúa
Cho mặt đất khó cần nở hoa
Lửa ấm tình quê chan chứa
Tiếng hát câu hò thơm mùi sữa ngọt đất phù sa
Khai phá cánh tay đầy quả cảm
Xương máu mồ hôi lệ nhỏ hàng
Bóng cờ oai dũng
Gươm súng hiển ngang
Anh hùng thay ! đất nước
Nêu cao truyền thống chống xâm lăng
Trường sơn nặng gánh tình xương thịt
Chín mạch rồng phun máu Việt-Nam
Huyền sử Quê hương hoa gấm cũ
Còn đây quá khứ bốn ngàn năm

LÊ-THÙY-HỒNG

HÙNG VƯƠNG

KHÔNG có nhà sử-ký nào xưa và nay, phủ nhận rằng đã có dòng họ Hồng-Bàng (Họ Hùng Vương hay Lạc Vương) trong thời kỳ sơ khai lập quốc.

Dòng họ ấy, năm 2879 trước Tây lịch, có thể chỉ mới là một bộ lạc nhỏ ở lưu vực sông Nhị-Hà, rồi sinh sôi nảy nở dần ra về sau tạo thành một dân tộc Việt Nam trong hiện tại.

Nếu ta đem con số 2879 năm trước Tây lịch cộng với 1970 sau Tây lịch, ta thấy rằng tính theo quốc lịch, nước Việt ta ngày nay đã thành lập được **4849** năm.

Nay nhân ngày giỗ-tổ mừng 10 tháng 3 Âm-lịch (15.4.1970) với ý thức uống nước nhớ nguồn, hay tìm hiểu nguồn gốc và văn hóa cổ truyền dân tộc,

chúng tôi xin sưu khảo một số thi văn liên quan tới ngày lịch sử trọng đại này, để cống hiến độc giả suy ngẫm câu : «Vật bản hồ thiên, Nhân sinh do Tò».

Ít dòng lịch sử về RỒNG TIÊN

Hùng Vương là trưởng nam của Lạc-long-quân được phong làm vua nước Văn lang, danh xưng đầu tiên của nước Việt Nam. Khởi điểm họ Hồng bàng là thủy tổ của nước ta làm vua từ năm 2879 trước Tây lịch. Họ Hồng bàng là cháu ba đời Vua Thần nông bên Trung-Hoa là Đế Minh, khi đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Hoa bây giờ) gặp một nàng Tiên, lấy nhau, sinh được một con trai đặt tên là Lộc-Tục. Lộc-Tục được Đế

HÙNG VƯƠNG

Minh phong cho làm Vua phương Nam, xưng hiệu là Kinh-dương-Vương, đặt tên nước là Xích Quỷ.

Kinh-Dương-Vương làm Vua nước Xích-quỳ, lấy con gái Động-Đình-Quân là Long Nữ, sanh ra Sùng lãm, nối ngôi Vua xưng hiệu là Lạc-long-Quân.

Lạc long Quân lấy Nàng Âu Cơ sanh được 100 con. Chia 50 con cho Âu-Cơ đem lên núi Ba Vi (Tản Viên) còn 50 con Lạc long Quân đem về vùng Nam Hải tức là Đông bằng Bắc Việt ngày nay.

Đó là thủy tổ của giống người Việt Nam, và đó cũng là do tại của danh từ «RỒNG TIÊN» vậy,

Bài văn tế Tò Hùng Vương

Cung duy Quốc Tò

Vốn giống Tiên long, nối nghiệp Lạc Hồng, Văn lang

dựng nước, phong ấp bầy Rồng. Chia quốc bộ, Đặt quan Danh, quy mô đổi mới, mở Lạc điều Vẽ thủy quái, Văn hóa khai thông. Rùa vàng thông hiểu Đường-Nghiêu, mở đường lân nghị ; Ngựa sắt phá quân Ân tặc, nổi tiếng Võ công. Mười tám đời phụ đạo nối ngôi giữ bền cơ nghiệp, Hai nghìn sáu trăm năm thịnh vượng rạng vẻ non sông. Công cả đức dày, Vương linh còn mãi. Dân tào nước phụng. tự điển không cùng. Nay quân chủ đã đổi thành Dân chủ Mà Dân phong còn vẹn nét tổ phong. Gần trong nước mới nêu cao nhờ ơn tiên Tổ, Xa ngó non Hùng miếu cổ, nước dạ nguồn Rồng. Gặp ngày báo hụy. kính đặt lễ dâng, Bắc

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẮM CỤM

Nam đôi ngã, tôn kính một
lòng, mong được chín lần soi
thấm phò cho muôn phúc
hường chung.

Gồm ba miền bờ cõi y
nguyên, quốc kỳ phát phới;
Cả bách Việt cháu con hưng
thịnh nòi giống hưng long.
Độc lập Tự Do cùng với hoàn
cầu hoan hỷ ; An cư lạc nghiệp,
thỏa lòng nòi giống chờ mong.

Cần Cối
NAM ĐÁN

BAI CA TRỪ NGÀY GIỖ TỒ
HÙNG VƯƠNG

Ai ơi uống nước nhớ nguồn
Nguồn khởi mạch nước, nước
cuồn cuộn ra

Ngày nay ta có nước ta

Mở đầu nguồn nước ấy là
Hùng-Vương

HÁT

Hùng Vương Tồ quốc, nhớ
tháng ba ngày giỗ mừng mười.

Đốt nén hương tưởng niệm
on NGƯỜI

Dựng cơ nghiệp muôn đời cho
giống Việt

Quốc hiệu Văn lang thay Bách
Việt

Lạc Hầu, Lạc Tướng đủ triều
nghì

Đất Phong châu là chốn kinh
kỳ

Tỉnh Phú-Thọ ngày nay còn
cổ tích

Mười tám đời truyền, rõ ràng
sử sách

Giáo hiểu Đường Nghiêu,
phá tan Ân tặc

Ai đã lên Hung linh cung chiếm
Vào miếu nạo, nào đối liên
bi kỳ

Từ ngàn xưa gặp ngày quốc
lễ

Bắc, Trung, Nam không kẻ
gần xa

Từng đoàn người dâng lễ,
hương hoa

Lòng nhớ Tồ thiết tha kính
mộ.

Vật bản hồ thiên, nhân sinh do
Tồ.

NAM-CHÂU
(Tư Hồng sao lục)

NHỮNG ĐÊM CẦU CƠ
CỦA

MẤY TU-SĨ HỌC-TẶNG

●●● HẢI-LINH

BẮT cứ người trong Tôn-
giáo nào cũng đều cầu cơ được
cả. Người Phật-giáo, Cao-Đài,
Thiên-Chúa v.v... nếu có lòng
tin và thành kính đều cầu
được kết-quả như nhau. Có lẽ
những vị ở cõi hư-linh không
phân chia màu sắc để tranh-
chấp như ở thế trần, mà chỉ
có sự thanh thoát với tinh
thương.

Dưới đây tôi xin kể chuyện
cầu cơ của mấy vị tu-sĩ học-
tặng tại chùa Ấn-Quang đã
được hồn thơ nơi cõi hư linh

hiện về làm thơ và họa thơ
trong những cuộc cầu cơ ấy.

Năm 1961, Nam-Việt Phật-
Học-Đường còn ở tại Ấn-
Quang Chợ Lớn trong số học-
tặng có thầy Hồng-Huệ, Tri-
Ngạn, Bồn-Tri và Chơn-Định
là rất thân nhau. Ngoài số học-
tặng tu-sĩ còn có cậu Nguyễn-
Văn-Trực cháu thầy Quảng-
Liêm cũng ở trọ học tại chùa.
Năm ấy tôi có việc đi Saigon,
vì thầy Chơn-Định, cậu Trực
với tôi là người đồng-hương
nên tôi có ghé lại Ấn-Quang
để thăm hai người ấy. Thấy

chỗ Trục ở là một ngôi nhà gỗ dài có gác đã cũ kỹ bên cạnh chùa sau nhà phát-hành kinh sách. Trên gác là chỗ ở của các học-tăng, có một ngăn dưới đất chật hẹp, một chiếc chõng nhỏ, một chiếc bàn con để sách vở đó là phòng học của Trục. Và cũng chính nơi đây các thầy Hồng-Huệ, Trí-Ngạn, Bồn-Tri, Chơn-Định và Trục đã cầu cơ thí nghiệm mấy lần đều được kết-quả tốt.

Khi tôi ghé lại thăm chùa đã được các thầy Hồng-Huệ, Trí-Ngạn, Bồn-Tri, Chơn-Định tiếp tôi tại phòng học Trục, tôi ghi lại câu chuyện này là để ghi nhớ lại tâm thịnh tình của các thầy đã dành cho tôi lúc ấy.

Nguyên-nhơn của những cuộc cầu cơ :

Vào một buổi chiều gặp giờ rảnh rỗi, các thầy Hồng-Huệ, Trí-Ngạn, Chơn-Định ngồi nói chuyện chơi với nhau, thầy Trí-Ngạn có cầm quyển Phổ-Thông 28 ngày 15.2.1960 có

đăng chuyện Đêm Tết cầu cơ tại Đalat của ông Nguyễn-Vỹ, với bài thơ xướng :

Đầu năm Canh-Tý, thỉnh chư

Giáng bút bàn chơi chuyện ảo
Tiên
huyền.

Thế-giới nghị hòa hay biến
loạn?

Việt-Nam cuộc diện được bình
yên?

Nhân dân Nam Bắc đều no
ấm?

Thống-nhất giang-sơn sẽ ven
tuyên?

Hỡi các thi.hào trên thượng.
giới

Năm vãn xin họa đề giao
duyên

Nguyễn-Vỹ

Và đã được hồn thơ các vị Phan-Văn-Tri, Phan-Bội-Châu, Hồ-Xuân-Hương giảng cơ họa lại bài thơ này.

Sau một hồi thảo luận câu chuyện cầu cơ của Nguyễn-Vỹ, mấy thầy kia không tin và hỏi thầy Chơn-Định có tin được không? Thầy Chơn-Định trả

lời là tin được, vì chính thầy lúc chưa xuất-gia cũng đã từng dự các cuộc cầu cơ và đã gặp nhiều điều linh ứng hay ho. Sau đó thầy kể lại những chuyện cầu cơ tại quê nhà cho các thầy kia nghe. Vì động tính hiếu kỳ các thầy kia ước ao muốn được cầu cơ một lần để thí nghiệm, nhưng nơi đây đâu có cơ đề mà thực hành ý định ấy.

Rồi có một đạo thầy Chơn-Định về thăm nhà, theo lời hứa bữa trước thầy đã mang con cơ vào để mấy thầy kia cầu thử.

Thầy Chơn-Định lúc chưa xuất gia là bạn của tôi, bút hiệu Từ-Nghị đã từng dự những cuộc cầu cơ với tôi, nên sau khi cầu được mấy lần tại Ấn-Quang thầy Chơn-Định đã chuyển tài liệu này lại cho tôi, giờ tôi xin chép lại để quý bạn thưởng thức.

Ấn-Quang, Đêm 08.7.1961
tại phòng học Trục

Có các thầy Trí-Ngạn bút

hiệu Thế-Dương, Hồng-Huệ, Chơn-Định và Trục.

Các thầy này phỏng theo bài thơ «Đầu năm Canh-Tý thỉnh chư Tiên» của Nguyễn-Vỹ mà làm một bài thơ tương-tự đề cầu.

Bài xướng :

Đốt nén hương lòng thỉnh
Thánh Tiên

Giáng cơ chỉ rõ lý hư huyền.
Trò đời, phải mấy lần thay

đôi ?

Cuộc thế, bao phen trận đảo-
điên ?

Nước Việt có ngày chung lại
một ?

Trời Nghiêu biết gặp được cơ
duyên ?

Ấm dương cảm ứng nào xa
cách,

Giải hội tao phùng : Thịnh
Thánh Tiên.

Các thầy đọc bài xướng trên một lúc, hơi hương đã tỏa khắp phòng, hòa lẫn với tiếng ngân nga của bài thơ xướng, căn phòng trở nên huyền ảo, mơ hồ. Cơ bắt đầu chuyển

chạy, không xưng tên là gì mà chỉ họa lại bài thơ trên.

Bài họa :

Hì trường xa đứng cõi non Tiên.
Ngắm cảnh trần gian quá hảo huyền.
Vội-vã phò tài nương thế lực,
Chần chờ mơ mộng trí đảo điên.
Nước non đã hẹn ngày thống nhất,
Đất cát còn chờ mối thuận duyên.
Một thuở giáng trần cùng chư vị
Giải niệm u uẩn cảm non Tiên.
Thăng

Đêm 9.7.1961 Người cầu :
TD, BT, CD, Trục

Cơ lên không xưng tên,
Chỉ làm một bài thơ :

Ta nghe ai khẩn lâm râm,
Du cơ vui hiệp bèo mây dương

trần.
Tu hành sao mãi bận tâm

Thi thơ xin hẹn trăng rằm hè
xong.
Thăng

7-6 Tân-Sứ

Người cầu : Chơn-Định,
Thế-Dương, Bôn-Tri,
Hồng-Huệ.

Sau khi khói hương theo nghi thức thường lệ, và đọc bài cầu, một lúc cơ chuyên chạy chỉ thành hai bài thơ :

Mira hề không một bóng ve kêu,
Phượng nở đầu sương thiếu rắng chiều,
Trêu ghẹo khách trần trong hí trước.
Buồn buồn nghe gió thổi than nhiều.



Nực cười ai chọn chốn phồn hoa,

Say đắm trong cơn loạn nước nhà.

Một giấc huỳnh kê nom bóng ký,

Ôm niềm bi thảm, lệ không ra.

Khi cơ chỉ bài thơ trên xong tất cả những người trong cuộc đều ngẩn ngơ không hiểu chữ «ký» nghĩa là gì. Chúng tôi liền hỏi, cơ trả lời: Nom bóng ký

nghĩa là nhìn ngựa hay qua cửa nhỏ.

Kể đó Thế-Dương lại muốn yêu cầu cơ cho đổi chữ «tiếng» thay chữ «bóng ve kêu» trong thơ. Thì cơ không đồng ý và giải thích :

Vì bóng ve còn ăn cả tiếng trong ấy.

Cuối cùng chúng tôi muốn được biết tên tác-giả bài thơ trên, thì cơ trả lời như sau :

Biết tên chi cho bạn
Ta chỉ là một kẻ tông tích mơ hồ
Lấy nguồn thơ làm tên
Lấy trăng ngàn mây nội làm duyên,
Nhìn đời không bận đến cô miên.
Nghìn phương trời đất ta dong ruổi
Nào kể trần gian biết ảo huyền
Thăng lúc 21 g 30

Cầu lần thứ II

Cơ chuyên chạy và chỉ :

— Ai có thi đọc nghe chơi ?

Thế-Dương lúng túng đọc ngay bài «Chiều hôm nhớ nhà» của Bà Huyện Thanh-Quan.

Nghe đọc xong cơ chuyên và chỉ :

— Đọc bài khác! Tự sáng tác. Đừng bỡn vô lễ.

(Có lẽ tại mấy anh em chung quanh cười to tiếng nên bị rầy)

Thế-Dương liền đọc bài Tĩnh-Tọa tự sáng tác,

Cơ bắt đầu chuyên,

Thơ :

Là thi sĩ đừng nên ép quá,
Ý có hay lại hóa xa vời.
Trí mơ màng cảnh Bụt dong chơi
Ngạn giác nghìn trùng tuyến
bơi một mối.
Ráng vượt cho khỏi,
Chớ ham dong ruổi,
Lỡ một thời muộn tuổi thanh xuân.
Đạo huyền vi biết gặp được bao lần,
Sai một bước muôn phần u tối.
Thăng

Không hiểu chữ Tri-Ngan trong bài trên là do sự vô tình hữu ý của tác giả ? Chúng tôi chỉ biết rằng bài thơ Giao-duyên Tỉnh-Tọa là của Thế-Dương mà Thế-Dương hiệu là Tri-Ngan.

Đêm 09 tháng 6 — Tân-Sứu

Người cầu : Tri-Ngan, Bồn-Tri và Chơn-Định.

Cơ giảng

Không xưng tên, thơ :

Tung kiếm bạc sa-trường
ngang dọc
Vẽ tranh màu trên gấm vóc
thiên nhiên
Mỗi chiều tàn sóng triền miên
Soi mình múa bóng con thuyền
ngược xuôi
Trên sông vắng chim trời nhớ
tỏ
Khách giang hồ đã khổ vì quê.
Ngắm non nhìn nước ta thề
Gươm không dính máu không
về cùng non.

Hẹn kỳ khác

tưởng

Đêm 22.7.1961 (10.6. Tân-Sứu)

Người cầu và cảm cơ : Tri-Ngan, Bồn-Tri, Chơn-Định
Trực chép.

Thắp hương xong, khăn mặt lúc cơ chuyển, lúc này ngoài trời đang mưa. Cơ chuyển chạy.

Thơ :

Mưa đêm nương gió đạo chơi,
Nghe lời thơ của nước rơi bên
thềm.

Hơi hương nhà khói u huyền,
Non xanh vôi vôi mơ duyên
dương trần.

Giảng cơ một thuở làm thân,
Thú thi thơ cũng là phần nợ
ai ?

Ta không muốn nhắc u hoài.
Cũng không muốn gọi bi ai
nào nùng.

Một thi-nhân nhà Lê
Đời Vua Lê-Thái-Tò

Thăng

Câu lần thứ II

Câu một lúc cơ chuyển chạy

Thơ :

Đêm về lạnh ngắt hơi hương
tỏa
Ba bảy phương trời ngắt dặm
mây

Cảm ứng hồn thiêng nương
cánh hạc

Hỏi người tư lự nghĩ gì đây ?
Linh ứng hay không hỏi Ngạn,
Tri ?

Hồn thơ dành đến mãi hôm ni
Định tặng người thơ lòng uẩn
khuất

Thôi đừng phiền não sự lâm
ly.

Khi cầu lần này chúng tôi quên đốt hương nên mới có câu : Đêm về lạnh ngắt hơi hương tỏa, chúng tôi thắp hương và xin lỗi cơ tiếp tục làm hết bài thơ.

Xong chúng tôi hỏi : — Ngại cho biết tên ?

Cơ đáp : — Chi vậy ? Ta thấy tình các huynh đệ yêu thơ ta ghé lại làm thân.

Chúng tôi đề nghị :

— Chữ tặng trong thơ đã sai

niêm luật, xin ngài có thể đổi lại chữ khác ?

Cơ đáp : Cần luật hay cần ý ?

— Cần cả hai.

Cơ : — Nếu được như vậy càng hay, xin thi Ông cứ tự tiện chữa.

Chúng tôi mãi trầm ngâm, cơ lại chỉ :

— Sao lâu vậy ?

Chúng tôi đáp : — Vì muốn trọng tác giả cho nên đề phần chữa lại cho tác giả.

Cơ chỉ :

— Đã muốn đổi còn khiêm nhường à ! Tác giả xin đề nguyên-văn.

Chào nhé !

Thăng

Câu lần thứ III

Câu lần sau này chúng tôi có mua một bình nước mía và 1 gói thuốc lá Minty để tìm

hứng trong khi cầu.

Khán một lúc thì cơ chuyển
và chỉ:

Nước mía thuốc thơm nghi
ngút khói
Vui chẳng các đệ thả hồn thơ?

Làm thi chơi. Ta xướng nhé!

Cơ: Ngọt giọng thơm môi thơ
đậm ý

TD: Hương bay đèn sáng gợi
hồn thơ.

CD: Ly tao vắng bóng từ
năm trước,

BT: Hội-ngộ tình ai thỏa ước
mơ.

Cơ: Còn muốn gì hơn ngoài
thuốc, mía,

TD: Chưa bằng vui thú
chuyện thơ trên.

Cơ: Nhớ nhé cầu cơ đừng
thuốc lá,

Cũng đừng ăn uống mất
dung nghi.

Thăng

Cầu lần thứ 4

Vừa lúc đó ở nhà kế cận mở
Radio và văng vẳng tiếng chuông
cơ chỉ rất nhanh:

Thơ:

Chuông chùa đánh thức trăm
mê,

Hỡi ai là kẻ môn-đồ Thích-
Tôn?

Đừng say trần lụy hao mòn,
Chân tâm u tối, lòng son khó
bày.

Tuy thơ là thú trắng mây,
Đừng say đắm lắm, đừng say
mê nhiều,

Tịnh tâm tự khắc thơ reo,
Vẽ trên giấy trắng rất nhiều
gấm hoa.

Thăng.

Có lẽ vì thấy chúng tôi cầu
hơi nhiều nên kẻ giảng cơ đã
làm bài thơ trên.

Đêm 23.7.1961 (II-9 âl Tân-
Sửu)

Có: Tri-Ngạn, Chơn-Định
cầm cơ, Trục làm thư-ký.

Sau khi làm các nghi thức
thường-lệ, cầu một lúc cơ
chuyển chạy, chỉ chữ giảng,
nhưng cũng không xưng danh,
chỉ làm thơ.

Thơ:

Đêm trăng nương gió dạo chơi
Hỏi người dưới thế có cười
được không?

Đến đây cơ ngừng chạy và
chờ chúng tôi trả lời.

Chúng tôi bảo rằng: —
Cười sao được khi trong lòng
đồn dập bao sự ưu-phiền, nếu
có cười chẳng cũng chỉ là
gượng cười mà thôi.

Cơ chuyển mạnh và chỉ rất
nhanh làm tiếp theo vắn thơ
trên:

Đã buồn vì nỗi núi sông
Cắt làm hai mảnh máu hồng lệ
sa.

Xương chông, thịt rữa tha ma...
Hồn ma thất thêu, sương sa
trắng đồng.

Buồn thay số kiếp long đong,
Vui gì đất nước mà mong
nhân tình.

Thuyền trôi ngược sóng bằng
bềnh,

Nghe chim khua động, một
mình ngàn ngơ.

Ngắm trăng ta đợi, ta chờ:

Chị hằng ló dạng, lệ thơ xuống
hàng.

Vì vu gió gheo trường giang,
Cây run sương lạnh, người
hoang mang sầu.

Thăng

Đặc biệt đêm nay cơ chạy
rất nhanh, xem chữ gần như
không kịp, ông thư ký của
chúng tôi lúng túng tay run
bần bật, lần thần thể nào chép
không kịp làm đứt mất hết hai
câu thơ của bài trên.

Cầu lại lần thứ hai

Một vị khác giảng cũng
không xưng tên, chỉ làm thơ.

Chúng tôi nói: Xin ngài làm
thơ cho vui.

Cơ đáp: Sao các huynh đệ
không làm? Thôi hãy ra đề.

Chúng tôi nói: Xin ngài
làm vởi đề đêm buồn.

Cơ: — Thơ: Đêm buồn

Buồn đêm heo hút trăng non,
Yêu thơ lại muốn mượn hồn
người xa,

NHỮNG ĐÊM

Ly tao không nợ, bạn văn
chương
Nếu các người muốn xin cứ tự
tiện xướng.

Hồng-Huệ xướng :

— Tháng bảy ngày rằm đẹp
biết bao

TD — Kề tu người học... «nhệ
trần lao»

CD — Công ơn một thuở
không đền đáp

Cơ — Tròn nguyệt ai ơi niếm
chú vào.

Giác mộng triển miên
năm tháng đợi

Người con chí hiếu trả
công lao.

Thăng

Câu lần 3

Đã định trước, thầy Trí
Ngạn đem 8 câu thơ của thầy
Hồng-Huệ đọc lên câu kể vô
hình giáng cơ họa văn.

Đây là 8 câu thơ của thầy
Hồng-Huệ :

Tháng bảy mười lăm ôi đẹp
quá,

Kiên-Liên cứu mẹ thiết Vu.
Lan.

Mười phương Tăng-bảo thành
tâm nguyện

Mấy đời cha mẹ thoát u oan.

Ngày ấy còn vang mãi đến giờ,
Đã làm cho đẹp vạn lời thơ.

Gương xưa hiểu hạnh còn soi
mãi

Đây đó xin ai chớ hững hờ.

Cơ chuyện nhanh và họa
như sau :

(Một điều đáng nhớ là chúng
tôi không những xin họa thơ
mà thôi, còn muốn kể vô hình
vừa họa vừa có tên chúng tôi
trong thơ nữa)

Thơ họa của cơ :

Gương xưa còn đó ôi Dương
thế

thế

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa-Lan

NHỮNG ĐÊM

Huệ nở hè qua đẹp cầm lan.
Chín suối lệ tràn ngày không

Định,
Tu hành báo hiếu giải u oan.

Lửa Hồng nhuộm đỏ tự bao
giờ,

Máu phượng phai rồi gợi ý
thơ.

Chơn chánh khuyên ai công khổ
hạnh,

Trực nhìn gương cò, dạ mong
hờ !

(Chữ dùng của hai bài thơ
họa trên đem ghép lại thì có
tên :

Thế-Dương, Hồng-Huệ,
Chơn-Định và Trực)

Chúng tôi phân vân không
hiểu mong hồ là thế nào, và
định rằng kể họa thơ bị ép vắn.

Lúc ấy cơ chạy xuống chỗ chữ
thăng rồi, nhưng nghe chúng
tôi nói thế liền chạy trở lên

bằng chữ và làm nhanh một
bài thơ đề giải nghĩa chữ

«mong hồ» :

Thơ :

Ai biết «mong hồ» nghĩa thế
nao ?

Rằng chờ, rằng đợi dạ nôn nao
Nhưng ngày mai đến ôi thời

đã
Chiếc én mừng Xuân khuất

vạn hào !
Thăng.

Đến đây vì gần đến ngày lễ
Vu-Lan, bạn công việc nên các

tu-sĩ trên không cầu cơ nữa.
Những cuộc cầu cơ thí-nghiệm

được chấm dứt nơi đây. Tôi
chỉ chép lại y nguyên văn đề

các bạn thường thức lối thơ
thanh thoát nhẹ nhàng của các

thi-sĩ nơi cõi âm, tài liệu này
có thể giải khuấy và đem lại ít

những ý niệm về cõi vô hình
cho chúng ta, tưởng không

phải là vô ích.

Trích «Lời kể Vô-Hình II»

HẢI-LINH

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨ
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

Khóc chị Song-Thu

Những ước đoàn viên ngày thống nhất
Bỗng tin sét đánh ! chị qui Tiên
Đời chiều cửa Phật vui bè bạn
Đất khách làng thơ cày xóm giềng.
Phụ-nhuận còn đâu : ... về chị Tám (1)
Đông-bàn mất hết : thiếu anh Viên (2)
Tìm hình ảnh chị trong di-bút :
Nét chữ còn tươi «ức mẫu thiên» (3)
Thu trước về Nam em đến chị
Lắng nghe chị đọc mấy vần thơ :
Ngày qua mộng ảo mây bày xóa,
Sống gói giầu sang gió ước mơ. (4)
Ấn sách trầm dâng hương dịu nhẹ
Thềm lan trắng dải ánh tiêu sơ.
Đôi hồn hòa nhịp trong âm điệu
Lên cõi thần tiên lạc hưởng bờ.
Mời khóc Đông-Hồ nay khóc chị
Thì đàn sao sớm biệt trời xanh !
Rừng Quỳnh (5) gió thoảng hương tiên ngai
Cửa Phạm mây diu áng ngọc thanh
Nữ sử bút gieo lời cầm tú
Di-biên ai đọ giá liên-thanh ?
Phương Đài khơi mãi nguồn thơ mẹ
Hàn mặc nghìn thu chị tái sinh.

Phạm-phú HOÀI-MAI

- (1) Trong gia tộc chúng tôi thường gọi chị Song Thu là chị Tám,
(2) Ông anh cả của chúng tôi lâm nạn năm 1967.
(3) Trong bài «Độc Hoài Mai thi tập» của chị Song Thu có câu :
Định nhân khan lại ức mẫu thiên.
(4) Bài thu cảm của chị Song-Thu có câu :
Công danh phú quý xưa nay
Chẳng qua giấc mộng ban ngày đó thôi
Tranh vân cầu vẽ rồi lại xóa..,
(5) Quỳnh lâm thư thất : biệt thự của cố thi-sĩ Đông-Hồ

GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG

Tâm hồn thi sĩ dễ ngây ngất lòng

HỌA thơ Đường luật bát cú hoặc tứ tuyệt, khó mà dễ : khó vì phải gom ý tứ, cô lại trong một bài chỉ có vồn vồn 8 câu hoặc 4 câu ; mà dễ vì chỉ phải tìm có 5 hoặc 3 vận mà thôi. Đến như họa thơ lục bát thì lại dễ mà khó : dễ vì lối thơ lục bát không gò bó lắm ; nhưng khó vì phải tìm nhiều vận, nhất là gặp bài thơ dài, người họa thơ phải khéo lắm mới không loãng ý và không làm cho người ta phải chán vì lời non, ý trùng điệp. Trong lãnh vực họa thơ Đường luật, xưa nay đã có rất nhiều... «cao hủ văn lâm» (xin tạm gọi như thế, để làm đối tượng với «so thủ vô lâm» ấy mà). Riêng lãnh vực họa thơ lục bát — một lối thơ thuần Việt

xưa nay có lẽ khó ai hơn được thi-sĩ Tấn-Đà.

Tấn-Đà làm thơ hay, mà họa thơ lục bát lại càng hay tuyệt. Ai không cảm động vì bài «Tân Đà cốc tử» của Tú Mỡ ? Sở dĩ Tú Mỡ có bài ấy, bởi chạnh lòng khi nghe tin Tấn-Đà vì sinh kế mà rạc báo mở hàng đoán lý số, lời thơ vừa bốn cợ lại vừa chan chứa niềm thương cảm thật sự một thi tài tuyệt diệu của đất nước mang số phận hẩm hiu. Và cũng chính nhờ có bài thơ của Tú Mỡ, người đời chẳng những được thưởng thức tài họa thơ lục bát của Tấn-Đà, lại còn thêm thán phục tài học tinh thâm về lý số của thơ núi Tân sông Đà.

Trong phạm vi bài này, chúng

tôi xin không để vấp rổ từng chi tiết về sự Tân-Đà họa thơ với Tú Mỡ (dành để vào một bài khác sẽ bình luận châu đáo hơn). Chỉ xin gọi lại một giai thoại văn chương giữa bà Mai-Lâm — Tân-Đà — Đào-Dương, cả ba thi hữu đã làm say mê kẻ yêu thơ không ít với lời thơ lục bát thanh thoát và điêu luyện. Nhất là rất lý thú trong sự liên cảm giữa kẻ khóc người cười, và người buồn cợt mà cũng rơi châu thương xót cho thân thể con nhà văn nghệ.

Năm 1936, báo «An nam tạp chí» do Tân-Đà chủ trương, bị đình bản. Ở xa nghe tin, Mai-Lâm là người có cảm tình nồng hậu với nhà thơ của núi Tân-sông Đà, lại tưởng lầm là Tân-Đà chết, vội làm thơ khóc Tân-Đà :

Ôi thôi ! hỡi bác Tân-Đà
 Tuổi vàng nay đã lánh xa
 cõi đời.
 Xa trông mây nước ngậm
 ngùi

Tấm lòng thương nhớ mấy
 lời viếng thăm.

Nhớ ai vẫn vút tơ tầm
 Nước non bao kẻ đồng tâm
 hện hò.

Thơ đầy túi, rượu lưng hồ
 Dấu cho kiết cũng danh nho
 nước nhà.

Ôi thôi ! hỡi bác Tân-Đà
 Tuổi vàng nay đã lánh xa
 cõi đời.

Bác với tôi, bác với tôi
 Tuy không quen biết cũng
 ng ời đồng bang.

Lại thêm cùng mối văn
 chương

Chung tình non nước to
 vương bên lòng

Bấy lâu tôi những ước
 mong

Có phen dung rưỡi tương
 phùng đôi ta.

Ôi thôi ! hỡi bác Tân-Đà
 Tuổi vàng nay đã lánh xa
 cõi đời.

Làm chi vội mấy bác ơi !
 Chí cao nghiệp lớn ai người
 nối theo?

Thuyện nan ai giữ mái
 chèo ?

Con tàu bốn quốc ai liêu
 sóng khơi ?

Bác dư đồ rách ai bồi ?
 Báo «An-nam» chết ai rồi
 lại ra ? !

Ôi thôi ! hỡi bác Tân-Đà
 Tuổi vàng nay đã lánh xa
 cõi đời.

Than ôi ! còn đất còn trời,
 Còn non còn nước, đâu
 người nước non ?

Đà dầu cạn, Tân dầu mòn,
 Danh thơm thì sĩ vẫn còn
 truyền lâu.

Hồn thơ phảng phất nơi
 đâu !

Chút tình có thấu cho nhau
 chăng là ?

Ôi thôi ! hỡi bác Tân-Đà
 Tuổi vàng nay đã lánh xa
 cõi đời !

(Xin mở một dấu ngoặc, để thưa

trước, bài «Khóc Tân-Đà» của

Mai-Lâm và bài «Cười Mai-Lâm»

của Tân-Đà đáp họa, về sau có

in vào tập «Tân-Đà vận văn».

Nhưng ở đây chúng tôi xin lập

lại mà không ngại rườm, chú ý

Tân-Đà», ít người rõ biết và đề

bạn đọc có dịp so sánh cả ba bài

thâm trầm và vợ cùng gọi cảm-

xin đóng dấu ngoặc lại).

Mai-Lâm đã khóc Tân-Đà —

mặc dầu làm mà khóc — nước

mắt vẫn chương thật chí tình.

Tân-Đà cảm khái, tạ lòng khách

tri âm — :

Nực cười cho bác Mai-Lâm

Thương nhau chi sớm mà

làm khóc nhau.

Cõi đời đã lánh xa đâu

Mà cho ai nhớ ai sầu hỡi

ai !

Tóc tơ vương vít còn dài

Con tim còn trả nợ đời chưa

xong.

Lửa hương còn chất bên

lòng

Nho tàn còn vẫn trong vòng

trăm năm.

Nực cười cho bác Mai-Lâm

Thương nhau chi sớm mà

làm khóc nhau.

Đôi ta đồng quốc đồng châu

Lại trong thanh khí trong

câu tương thân.

Gặp nhau rồi cũng có lần

Cùng nhau còn ở cõi trần
trăm năm.
Nực cười cho bác Mai Lâm
Thương nhau chỉ sớm mà
lâm khóc nhau.
Suối vàng ai đã vội đâu
Mà cho ai tiếc ai sầu hồi
ai!
Bức dư đồ rách không bồi.
Báo «An-nam» nghĩ biết đời
nào ra.
Hư nhơ vô ích nước nhà
Rượu thơ còn vẫn la cà
trăm năm.
Nực cười cho bác Mai-Lâm
Thương nhau chỉ sớm mà
lâm khóc nhau.
Hồn thơ đã mất đi đâu
Mà cho ai khóc ai sầu hồi
ai!
Dưới trên còn đất còn trời
Còn non còn nước còn
người nước non.
Đã chưa cạn, Tân chưa
mòn
Còn ai thi sĩ lại còn tri âm.
Nực cười cho bác Mai Lâm
Thương nhau chỉ sớm mà
lâm khóc nhau.

Tuy nghe lầm mà khóc, nhưng

nước mắt của Mai-Lâm là nước
mắt chân thành thương cảm khóc
tài hoa xấu số. Đến như cái cười
của Tân-Đà thì thật chưa hẳn
phải cười, trong nụ cười hàm ý
xót xa, cảm tình ai nên xúc động
mỗi thương tâm, cười người vì
cảm kích mà tự thương cho
thân thể, luống những ngáp
ngừng ngấu nước mắt.

Kẻ khóc người cười, tài thơ
xương đáp, văn thơ đầu chẳng
hòa nhau chan chát, mà tình ý tâm
tư gần bó trạo nhau thật tương
xứng, khách yêu thơ ngẫu nhiên
được hưởng thức hai bài ấy, kẻ
cũng thú vị biết bao. Lại ngờ
đâu bỗng dưng còn nghe thêm
được một tiếng chuông thứ ba,
giọng thanh thoát điêu luyện cũng
chẳng kém gì hai tiếng chuông
trước. Ấy là thi sĩ Đào-Dương
lên tiếng :

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

Thế gian lắm sự bực cười
Cười ai vợ vẫn khóc người
đời nay.
Tin đâu ai khéo đặt bày
Lòng đâu ai khéo chữa đàng
nhờ thương.
Mới hay duyên nợ vẫn
chương
Tuy chưa biết mặt đã vương
tơ lòng
Trong phùng ai những ước
mong
Âm dương làm tưởng ai
không ngậm ngùi.
Thế gian lắm sự bực cười
Cười ai vợ vẫn khóc người
đời nay.
Văn thơ không thuốc mà
say
Tâm hồn thi sĩ dễ ngậy ngất
lòng.
Trăm năm còn vẫn trong
vòng
Con tâm còn trả chưa xong
nợ nần.
Thi nhân còn ở cõi trần
Mai-Lâm còn phải bao lần
lệ rơi.
Thế gian lắm sự bực cười
Cười ai vợ vẫn khóc người
đời nay.

Suối vàng ai hẳn có hay
Không hay sao lại đáp ngay
một bài.
Xưa nay những khách trần
ai
Lánh đời mới được người
đời viếng thăm.
Hãy còn trong cuộc trăm
năm
Tân-Đà riêng có Mai Lâm
khóc hoài.
Thế gian lắm sự bực cười
Cười ai vợ vẫn khóc người
đời nay.
Đà còn nước, Tân còn mây
Tri-âm thi sĩ có ngày gặp
nhau.
Cười ai mà vội rơi châu
Thương ai chỉ sớm cho rầu
lòng ai.

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại
mới PENICILLINE-V uống
dễ dàng mà công hiệu như
chích PENICILLINE- G

Ngón đàn của Đào-Dương
thi sĩ cũng trở thành
Đàn lòng trẻ giông, thanh
âm vang đều thắm trầm.
Nghe Mai Lâm khóc Tân Đà
Đào Dương hạ bút viết nên câu
tuyệt diệu :

(...) lòng đâu ai khéo
chứa đầy nhớ thương.
Mời hay duyên nợ vẫn
chương
Tuy chưa biết mặt đã
vương tơ lòng

Hữu tình gặp khách hữu tình,
duyên vầu đã thắm đượm nồng
thì dù mặt chưa từng biết, nhưng,
lòng đã vương tơ. Ba câu của
Đào-Dương thật đã giải được
cái tâm trạng của khách đa tình

giàu cảm luy. Mà, tuy cười Mai
Lâm, nhưng thật Đào Dương
cũng cười cùng tất cả những
ai đồng bệnh văn chương. Đó là
khách văn chương, lòng lại chẳng
«lòng đâu ai khéo chứa đầy nhớ
thương» và rồi mới biết :

• Văn chương không thuốc
ma say
• Tâm hồn thi sĩ dễ ngáy
ngất lòng.

Ba khúc đàn lòng hòa tấu của
Mai-Lâm — Tân Đà — Đào-
Dương, biểu trưng cái đẹp của
tâm hồn thi sĩ đáng được tán
thưởng biết mấy,

NHẤT-TÂM
(NBT)



TRẬN THỦY CHIẾN LỚ NHẤT :

Đó là trận chiến Jutland 31-5-1916 trong đó 151 chiếc
Tàu của Hoàng-gia Anh đọ đỏi với 101 tàu chiến của Đức
Phía Anh mất hết 14 tàu và 6.097 người, Đức mất 11 tàu và
2.549 người.

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
★ **HỒ-XUÂN-HƯƠNG** ★
★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

XIV — Hồ-Xuân-Hương bốc thơm Vua
Quang Trung

3. — So-sánh Quang-Trung với Hán
Cao Tô

(Tiếp theo PT số 242)

CHÚNG ta rất ngạc-nhiên
và vô cùng thích-thú theo dõi
chuyên-hứng của Hồ-xuân-
Hương trong hai bài «Vịnh
đầu kỳ» (1) và «Vịnh miếu»
(2) cũng như cô Nữ-sĩ của giòng
lạc Hồ-Thi đã theo dõi chiến-

công oanh-liệt của Bắc-Bình
Vương Nguyễn-Huệ (Hồ-Thi
Huệ, hay Hồ-Thơm) trở
trận Đống-Đa, và cuộc khải
hoàn tiến vào Thăng-Long và

(1) (2) Xem *Phổ-Thông* số
241 và 242.

khi Lê-Chiêu-Thống bỏ thành trốn theo tàn-quân Tôn-sĩ-Nghị.

Sau đó, Nguyễn Huệ đã chính thức lấy niên-hiệu Quang-Trung Hoàng-đế, đổi tên thành Thăng Long là Bắc-Thành, đề Ngô-thời-Nhiệm làm thống-dốc Bắc-Hà. Ngai trở về Nghệ-an là nơi đất Tồ khi xưa, xây cất đền-dài cung-điện, định lập Kinh-đô ở đây, gọi là Phượng-Hoàng Trung-Đô.

Cô Hồ-xuân-Hương chứng kiến tất cả những biến-cổ phi-thường ấy, và nhận xét rằng Thái-Tồ Võ Hoàng đế đang lập ra Triều-đại nhà Nguyễn Tây Sơn, không khác nào Lưu bang bên Tàu thuở xưa đã trừ được nhà Tần, diệt được nhà Sở mà nhất thống thiên-hạ, rồi lên ngôi Hoàng đế, lập Triều-đại nhà Hán vậy.

Hồ xuân Hương làm bài thơ sau đây, chính là đề so sánh Quang-Trung với Hán Cao-Tồ:

Vịnh ông Lưu Bang

Mình bảy-mươi hai cái
nốt ruồi

Kiểm thần ba thước tốt
cầm chuỗi.

Trông sang Hàm Cốc
hươu co cò,

Ngảnh lại Ô-giang khi
cụp đuôi

Bái tướng chẳng nề anh
xách giỏ,

Phong-hậu còn nhớ chị
chao «ôi

Bốn trăm Hán-nghiệp sao
dài mấy

Quá lộ vì chưng chén dãi
bôi!

Hồ-Xuân-Hương

Bài thơ này đã được sao lại trong «*Hồ-xuân Hương thi tập*» của Xuân Lan xuất bản ở Hà nội hồi đầu Thế kỷ. Trong bản thảo Hồ-xuân-Hương, nó đã được Viện Bác Cổ Viễn Đông Pháp ghi số XXII, AB398 và trong sách của Maurice Durand, ở trang 125-126-127.

Theo sử Tàu, Lưu-Bang, Tàu đọc là *Lieou Pang*, Hán Cao

Tồ, có 72 nốt ruồi ở trên bắp đùi bên trái. Đây là một đặc-điểm trong thân thể của vị sáng lập Triều đại nhà Hán và toàn thể bài thơ cũng đều ca tụng cá-nhân và sự nghiệp «ông Lưu-Bang», không đá động hay ám chỉ gì đến Quang-Trung cả.

Tuy nhiên, đọc kỹ, chúng ta thấy rằng trong mỗi câu thơ «*Vịnh ông Lưu-Bang*» đều có ngụ ý so sánh với Nguyễn Huệ.

Mình bảy mươi hai cái
nốt ruồi.

Kiểm thần ba thước tốt
cầm chuỗi

Kiểm thần ba thước, là thể theo lời của Hán Cao Tồ đã nói: «Trẫm, mình mặc áo vải và tay cầm gươm ba thước mà diệt được nhà Tần, nắm quyền xã tắc...». Không khác nào Quang-Trung Hoàng đế cũng là một tên dân đinh, mình mặc áo vải, tay cầm gươm thần mà diệt được nhà Lê, làm bá chủ giang sơn vậy.

Trông sang Hàm Cốc;
hươu co cò.
Ngảnh lại Ô-Giang khi
p
đuôi

Hươu, là ám chỉ nhà Tần. Vua Tần con của Tần-Thỉ Hoàng-đế, Ts'in Che Houang-Ti, thua một trận liềng xiềng ở Hàm Cốc, hoảng chạy như hươu, rồi phải tự tử. *Khỉ* là ám chỉ Hạnh-Võ mà Trương Lương, Quân Sư của Lưu-Bang, khinh miệt rằng hán chỉ là một con khỉ đội lốt nhà tướng đó thôi. Hạng Võ, Tàu đọc là Hiang Yu bị mười vết tử-thương giữa trận Ô-giang, (Houai-Yiang), bị quân-sĩ của Lưu-Bang bao vây gắt gao, đành phải lấy gươm tự đâm vào cổ (năm 203 trước J.C.)

Chẳng khác nào Quang-Trung đánh bại Sầm-Nghị Đống ở Đống-Đa, khiến Sầm phải tự-tử, và đuổi quân Tôn-Sĩ-Nghị chạy trốn chết trên sông Hồng Hà, như khỉ cụp đuôi. Tôn-sĩ-Nghị cũng chỉ là một tên võ tướng bất tài như

Ng-Võ thế thôi. Chiến-công anh-liệt của Quang-Trung có kém gì Hán Cao-Tổ ở Hàm-Cốc và Ô-giang đâu ?

**Bái tướng chẳng nề anh
xách giỏ
Phong-hầu còn nhớ chị
cháo môi**

Hai câu này ca-ngợi Hán Cao-Tổ khi đã chiến thắng nhà Tần và lên ngôi Hoàng-đế (Năm 202 trước J. C.) đã trở về quê nhà, ở Kiang-Sou (nay là Nam-Kinh) để mở yến-tiệc thết đãi tất cả dân chúng trong hương-thôn của ông. Những bạn hữu, bà con kẻ giàu người nghèo, đã biết ông từ thuở hàn-vi còn là tên bạch đinh, đều được mời ăn uống vui say suốt mấy đêm ngày. Từ hàng bái tướng không nề anh xách giỏ (nói Hàm Tín), cho đến chị bán hàng cháo tên là Wang, mà trước kia lúc ông còn nghèo, không có tiền, ông uống rượu chịu và ăn chịu cháo lòng của chị (chưa trả tiền) chị vẫn cầm cái môi (cái muỗng to để múc

cháo) mà huây lên, chao lên, đề mức những miếng thịt chìm dưới đáy nồi, nay lên làm Hoàng-đế ông vẫn không quên mời chị đến dự yến tiệc với ông. Hán Cao-Tổ còn ăn chung mâm với quân sĩ của ông nữa.

Quang-Trung cũng thế. Lên ngôi Hoàng-đế, ngài vẫn không quên ơn những người trước kia và bây giờ đã giúp Ngài chiến thắng, kể cả binh sĩ mà với họ Ngài đã cùng ăn Tết trước, trong ngày 20 tháng chạp ở Núi Ba-Dội, để kịp ra đến Thăng Long chiến thắng trong mấy ngày đầu Xuân.

Đây, tôi xin mở một đầu ngoặc về bản dịch ra Pháp văn của ông Maurice Durand, trong quyển «*L'Œuvre de la Poétesse Vietnamienne Hồ Xuân Hương*».

Hai câu thơ trên đây tác giả dịch :

— *Les généraux respectueux ne dédaignent pas celui qui portait des paniers*

— *Les d'gni a' res apanagés se souviennent encore de l'homme aux lèvres meurtries.*

Thật là những sai lầm quá lớn, không thể bỏ qua được. Chữ môi trong thơ Hồ-xuân-Hương, là cái môi, để múc cháo, xúc cơm, (miền Trung và miền Nam gọi là cái Vá) tiếng Pháp là *Louche*, grande cuillère, tiếng Anh là *Soup-spoon*) Chữ không phải cái môi trên miệng mà ông Durand dịch là *lèvres* ! có lẽ tại ông đọc lầm trong bản chữ Nôm của Hồ-xuân-Hương ba chữ «*Chị chao môi*» thành ra *đưa cao môi* chẳng ? Cho nên ông mới dịch là «*l'homme aux lèvres meurtries*». Nhưng Lưu-Bang đâu có bị cào môi ? Trái lại, Lưu-Bang có «*trống mạng Đế vương*» như sách Tàu mô tả hình dung : «*trán như trán rồng, mũi to, râu dài và đẹp, trên vể trái có 72 nốt ruồi*». Có ai nói Lưu-Bang bị sứt môi, hay cào môi đâu ? Nhà thông thái học Maurice Durand, 20 năm nghiên cứu Văn chương

Việt, và sử Tàu, vẫn chưa đọc kỹ Tiểu sử của Hán Cao-Tổ, và chưa hiểu một câu thơ của Hồ-xuân-Hương.

Dịch thơ Hồ-xuân-Hương ra Pháp văn như thế, là làm mất hẳn ý-nghĩa của thơ Hồ-xuân-Hương. Đó là một điều rất đáng tiếc, mà buộc lòng tôi phải nêu ra đây, dầu tôi rất khâm phục hảo-ý của nhà Học giả thông thái của Pháp muốn phổ biến thơ Hồ-xuân-Hương trong giới trí thức và Thi-sĩ Pháp hiện đại.

Xin nhắc lại trong sử Tàu chép rằng : Tuy Lưu-Bang lúc hàn vi rất là nghèo, nhưng ông vẫn thích uống rượu và ưa sắc đẹp con gái. Ông thường đến tiệm của một chị bán cháo lòng, tên là Wang, và luôn luôn là ăn chịu, uống chịu, xin mắc nợ vì không có tiền trả. Một hôm, Lưu-Bang quá say, nằm ngủ trong tiệm, chị bán cháo thấy một con Rồng bay lượn trên người ông. Đoán rằng đó là một điềm chứng tỏ Lưu-Bang có mạng đế vương sẽ lên

Ngôi Vua, nên chị hàng cháo không những sẵn sàng bán chịu cho ông, mà còn lấy mỗi huay cháo lên đề mức nhiều thịt cho tô cháo của ông...

Câu thơ Hồ xuân Hương

*Phong-hầu còn nhớ chị
chao mới*

là nhắc đến sự-tích trên.

**Bốn trăm Hán-nghiep
sao dài mấy !
Quá lộ vì chưng chén đái
bôi !**

Lưu-Bang lập nên Đế-nghiep nhà Hán, rồi truyền nối qua đời con và các đời Hán tộc về sau được đến 400 năm, từ năm 202 trước J.C. đến 220 sau J.C.

Câu trên : *Bốn trăm Hán-nghiep sao dài mấy !* là ngụ ý hy-vọng rằng Thái-Tổ Võ Hoàng-Đế (Quang-Trung) cũng sẽ lập nên Đế-nghiep của Tây-Sơn lâu dài và vững chắc như Thái-Tổ Cao-Hoàng-Đế của nhà Hán vậy.

Câu dưới : *Qui lộ vì chưng chén đái bôi !* Câu này, ông Maurice Durand có lẽ không hiểu nghĩa, nên ông bỏ trống một quãng, không dịch, trong tác-phẩm của ông.

Muốn hiểu nghĩa câu thơ này của Hồ-xuân-Hương, cố nhiên là phải biết rõ lịch-sử chiến thắng của Lưu-Bang. Lúc Lưu-Bang bị Hạng-Võ muốn sát-hại, Trương Lương bày ra buổi tiệc «*Đông môn hội ẩm*» mời Hạng Võ. Nhờ tài xã giao khôn khéo của Trương Lương nhờ chén chú chén anh đái buổi đó mà Hạng Võ bị cầm chẹn trong bàn tiệc và Lưu-Bang thừa cơ «*quá lộ*», qua đường, nghĩa là chạy, thoát nạn.

Ý Hồ-xuân-Hương muốn nói rằng nhờ «*chén đái bôi*» Lưu Bang «*quá lộ*» rồi chiến thắng trận cuối cùng, mới lập nên được đế nghiệp nhà Hán lâu đến 400 năm. «*Chén đái bôi*» đây ngụ ý so-sánh với tiệc khao binh 10 ngày trước Tết Nguyên đán của Quang-

Trung ở Núi Ba Dội, nhờ đó mà Quang-Trung mới chiến thắng quân nhà Thanh.

✱

Bài thơ này, làm cùng một lúc với hai bài trước : *Vịnh đầu kỳ* và *Vịnh Miêu*, cô Hồ-xuân-Hương đã làm sau khi vua Quang-Trung đại thắng quân Thanh, và thiết triều tại kinh đô Thăng Long của nhà Lê.

Do đó, tôi nghĩ rằng Hồ xuân-Hương có thể đã chết trước vua Quang-Trung, vì nếu cô còn sống thì khi được tin Vua Quang-Trung băng hà tại Phú xuân năm 1792, không lý nào mà cô không làm vài bài thơ đề thương tiếc ông anh họ giòng Hồ-phi của cô chỉ làm Hoàng-đế được 4 năm, chứ không được 400 năm như Hán Cao Tổ.

(Còn nữa)



NHỪNG NƯỚC CÓ QUÂN-ĐỘI ĐÔNG NHẤT :

— *Đứng đầu là quân lực Trung-Cộng : 2 triệu rưỡi quân chính qui tại ngũ, 1½ triệu quân trừ bị 1 triệu rưỡi địa phương quân, 800 ngàn công an, 13 triệu dân quân cộng chung là 18 triệu rưỡi người (dân số 725 triệu người)*

— *Thứ đến là Nga-Xô với khả năng cung cấp ngay 16 triệu quân lúc lâm chiến. Hiện nay, Hồng quân gồm 185 sư-đoàn (mỗi sư-đoàn 12.000 người) trong đó có 65 sư-đoàn cơ giới hóa. Tinh chung : 2.423.000 người.*

— *Sau hết là Hoa-Kỳ với 2.592.000 người.*

BINH ĐỘI

BINH CHẾ

VIỆT NAM NGÀY XƯA

●●● TÍN KHANH

(tiếp theo P.T. 242)

Các loại thi võ

MAI đến Bảo-Thái năm thứ tư (1723), Vua Dụ-Tôn mới qui định thể-lệ các kỳ thi võ.

Cứ 3 năm một lần, tính theo giáp, vào những năm Thìn, Tuất, Sửu, có một kỳ thi lớn mệnh danh là «Bác Cử» dành cho những võ sinh đã trúng cử ở các kỳ thi tại địa phương gọi là «Sơ cử». Sơ cử cũng 3 năm tổ chức một lần vào một năm trước ngày thi Bác cử tức

vào những năm Tí, Ngọ, Meo, Dậu.

Ai cũng có thể dự thi Sơ cử. Các binh ngũ ngoài Kinh đô, ở các biên giới, cho đến lính tại ngũ; nói chung là các người có tài bộ.

Chương trình về phần lý-thuyết có các câu hỏi lấy trong một cuốn sách về binh pháp thường. Qua phần thực hành có thi về kỹ mã có xử dụng giáo, biết xử dụng guom, khiên và múa đao.

BINH ĐỘI

Ai đỗ sẽ được chức Viên-sinh, Học sinh hay Biên sinh.

Thi Bác cử, chương trình cao hơn. Có phần giải đáp những câu hỏi trong 7 sách về Binh pháp hay những câu hỏi khác về Binh pháp, buộc thí sinh phải giảng giải rộng ra. Các thí sinh đỗ được gọi là Tạo-sĩ.

Các môn thi

Năm Vĩnh-Khán thứ hai (1730) các thể lệ trên được sửa chữa lại. Các cuộc thi chia làm 3 môn :

Môn thứ nhất thuộc về Ná. Thí sinh giương một ná nặng từ 45 đến 55 cân (độ 27 ký) và xử dụng một Đại đao từ 27 đến 30 cân (độ 18 ký).

Môn thứ hai cũng thuộc về cung ná. Thí sinh ngồi trên ngựa hay đứng dưới đất bắn cung hay ná.

Môn thứ ba thuộc về lý-thuyết, gồm các câu hỏi về 7 cuốn về Binh pháp.

Các võ sinh trúng tuyển sẽ được cử vào các chức vụ trên trong binh ngũ. Ngoài ra ai được chấm «ưu» sẽ được ban thưởng thêm về vật chất khác. Các binh lính về bộ hay thủy-binh đều phải trải qua các kỳ thi về bắn cung và ná ba năm một kỳ.

Các Trường Anh-danh, Giáo-dưỡng

Các tay thiện xạ cũng sẽ được thưởng. Tuy nhiên mặc dù được đỗ, các người này cũng không có quyền vào học tại các Trường Binh bị. Số trường này có hai chỉ dành riêng cho con các võ quan.

Trường cao đẳng binh bị gọi là Trường Anh Danh chỉ nhận con các võ quan cao cấp từ Tam phẩm trở lên. Trường dạy về kiếm thuật. Sau 3 năm học, khóa sinh được nhận chức Suất-đội (Đại úy ngày nay) và vào phục vụ tại các binh chủng của quân đội.

Trường binh bị Giáo-dưỡng cũng dạy về kiếm thuật và chỉ

nhận sinh viên là con các võ quan từ hàm Suất-đội (ngũ phẩm) trở lên.

Mỗi khóa học là 6 năm. Tốt nghiệp cũng được gọi là Suất-đội và bổ sung vào quân đội.

BINH PHÁP

Các sách về Binh chế, binh pháp còn lưu lại tuy không đầy đủ lắm nhưng cũng giúp ta biết được một phần nào về tổ chức xưa.

Thế nào là một Quan võ chỉ huy

Trước hết hãy xem qua đức tính một võ quan tổng chỉ huy phải thế nào? Sau đây là những đức tính chính:

— Phải biết chọn ai là yếu là mạnh để đưa ra thi hành quân địch.

— Phải nghiêm khắc với mình cũng như đối với các tướng tá khác

— Phải bình tĩnh trước thất bại cũng như chiến thắng.

— Phải tỏ ra mình là người khó cho ai dò xét và không thể lay chuyển được.

Đối với người ngoại quốc lúc nào cũng tỏ ra là hồ nghi không khi nào nói sự thật trừ trường hợp đặc biệt.

— Phải chú tâm tìm kiếm các thiên tài còn rụt rè chưa xuất đầu lộ diện hay chưa được ai biết. Đối với những kẻ có khả năng nhưng trốn tránh việc nước việc dân còn tìm nơi ở ẩn thì phải tìm cho ra buộc họ ra phò vua giúp nước.

— Phải biết lợi dụng cơ hội và quyết định cho nhanh chóng biết khai thác mâu thuẫn của địch, tìm biết quân số, trận thế và âm mưu của địch và đừng xem thường. Nếu bị tấn công ở Bắc thì chớ quân phòng thủ miền Nam, Đông hay Tây.

— Cuối cùng phải am hiểu rành mạch binh pháp, binh chế, biết dự đoán sự việc sắp xảy ra căn cứ theo thời tiết và các báo hiệu về thiên văn.

Một vài chiến-thuật

Thêm vào trên, còn rất nhiều nguyên-tắc về binh-pháp. Ví dụ: muốn phòng-thủ một nơi phải có thành-lũy và chiến-hào bằng đất, đặt ở các ngọn đồi và núi đá, ở chỗ các sông rẽ đôi rẽ ba.

Lúc tấn-công vào một nơi hiểm-cổ, chỉ nên đánh vào ba mặt, để một mặt cho địch-quân có đường thối lui. Nếu tấn-công toàn-diện, địch-quân lâm vào thế bí không đường thoát sẽ liều chết phản-công; như thế trận sẽ kéo dài, bên tấn-công sẽ chịu thiệt-hại.

Những binh-sĩ yếu hay đau yếu đưa ra dùng làm nghi-tính. Họ bố trí riêng vào một chỗ, tung cát bụi hay tung cờ tín-từ-tung đề địch tưởng đại quân đóng tại đó v.v....

Địa-lý, một vài-trò chính,

Khoa địa-lý cũng đóng một vai-trò rất quan trọng trong binh-pháp. Có thể nói rằng binh-pháp căn-cứ hầu hết trên

các hình vẽ và dự-đoán đã chép sẵn trong các sách về địa-lý.

Sau đây là những điểm chính mà một nhà võ muốn điều binh khiển-tướng không thể không biết được:

— Khi mặt nhật (mặt trời) hình tròn, bên ngoài có bao hay vòng tròn khác đồng tâm, vòng ngoài có răng cưa, thì ba ngày sau sẽ có mưa lớn.

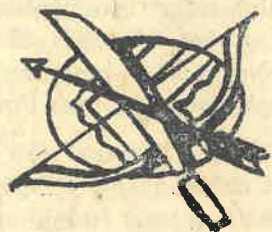
— Khi mặt trời tròn ở giữa và chung-quang có bốn cánh như hoa mai (cánh nhọn) là báo hiệu một chiến-tranh lớn trong ba năm đến.

— Khi mặt trời có hai vòng tròn đồng tâm bao ngoài, vòng trong có răng cưa, là báo-hiệu sẽ chiến-thắng khi có chiến-tranh.

— Khi mặt trăng có một vòng tròn bao ngoài và có ba gạch xuyên ngang, chiến-tranh sắp bùng nổ, quân giặc sẽ thắng và chiếm thành.

— Nếu có áng mây bao quanh mặt trời hay mặt trăng theo

hình xoắn ốc hay nếu áng mây giống hình một người đương cung thì biết ngày là vùng địch mà ta thấy đang có một tướng rất tài, sức mạnh vạn người không địch nổi. Vậy phải đợi cho đến lúc áng mây kia tan đi mới khởi sự tấn-công.



**Mùa màng. thời-tiết,
gió mây cũng có phần
quyết-định.**

Khi xuất-quân mà gặp lúc ngược gió, người chỉ huy phải đi qua các quân dùng grom vạch xuống đất hai chữ bùa. Hai chữ này sẽ có mãnh-lực xoay chiều gió.

Thời-tiết này và các mùa cũng không kém quan-hệ trong việc xuất quân ra khỏi thành.

— Mùa xuân quân ngũ phải ra theo hướng cửa đông. Vô

quan đi tiền-phong phải cầm một thanh-kiếm.

— Mùa hạ, ra cửa tây, phải cầm cung.

— Mùa thu ra cửa Nam, phải cầm súng.

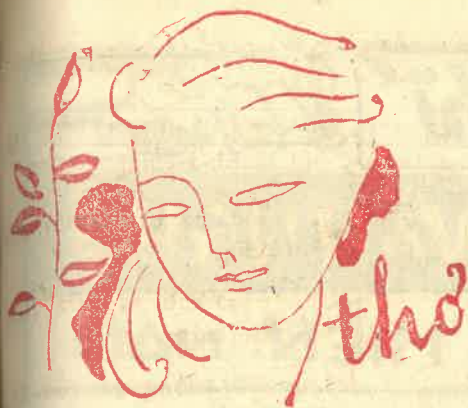
— Mùa đông ra cửa Bắc, phải cầm giáo.

Ngày và giờ cũng phải được lựa-chọn rất chu-đáo. Xuất hành nhằm giờ xung-khắc hay ngày bất lành còn hại nữa, lựa là đem đại-quân đi giao-chiến.



Trên đây là mấy nguyên-tắc về địa-lý rút trong Binh-Gia Yếu-lược của Trần-Quốc-Tuấn soạn là một bộ sách nói rất nhiều về môn này.

(còn nữa)



Chiều trông mây bay

Chiều nay mình buồn ngồi trông mây bay
 Trời thơ, trời mơ, trời xanh bên này
 Nghe lá vàng rơi rơi nhanh đâu đây
 Bên mình lặng lặng buồn dâng hôm nay
 Gió bay, gió bay, mưa rơi rạt rào
 Hoàng-hôn buồn xuôi êm như con tàu
 Buồn âm-thầm nằm im bên nhau
 Tôi đi ga về buồn nghe é-chề
 Đêm sâu thời gian dài trôi lê-thê
 Anh nghe tim mình sao nhiều ray rứt
 Sầu rơi, sầu rơi, người ơi nào nề
 Không gian chìm sâu trong lòng đêm nâu
 Trên ai bây giờ suy-tư như nhau
 Đàng-khuảng mây về đan nhanh thành phố
 Lòng phượng trời đạt-dào hương say
 Chiều nay mình buồn ngồi trông mây bay
 (Lịch niệm khóa tu nghiệp 1965 tại trường Nam Nha-Trang)

HOÀI-THI
 (Diễm Thùy Cam Ranh)



● HOÀNG-THẮNG

Những diễn tiến của Hội Đồng Báo Chí 70

● Qua hai buổi hội họp thảo luận, đại hội Báo Chí Việt Nam đã bầu được chủ tọa đoàn và thư ký đoàn.

Tuy nhiên vấn đề chính đã bị xáo trộn.

Buổi họp đầu tiên, do sự tổ chức của Bộ Thông Tin và sau khi các nhân viên cao cấp của Bộ Thông Tin ra về, đại hội bắt đầu họp, thì một ý kiến được nêu ra, căn cứ vào điều 40 của qui chế

báo chí.

Theo điều này thì chỉ những báo nào còn «sống» nghĩa là đang sống mới được thành thời nghị họp.

Sở dĩ có ý kiến này nêu ra chỉ vì đại hội này đã... trăm hoa đua nở. Báo... chết rồi cũng tới đây. Báo chưa nghe nghe chào đời đã thấy mặt. Không phải lỗi tại... báo chết hay báo chưa ra đời, chỉ vì Bộ Thông Tin mời. Có người

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

mời là phải đi hay được đi, là do ý nghĩ của từng... tờ báo.

Lập tức có sự phản ứng. Phân ứng bằng cách công nhận sự thật «Tôi chết» tôi về. Đó là nhà văn Duyên-Anh chủ nhiệm tuần báo Tuổi Ngọc và ông Tô yến Châu. chủ nhiệm nhật báo Thời Sự Miền Nam.

Trước sự ra đi anh dũng với những tràng pháo tay vang dội hội trường, nhiều ông... cũng đành phải nổi gót, nếu cứ ngồi lại thì cũng kỳ.

Rồi buổi họp cũng chẳng đi đến đâu!

Qua bữa sau, lại có một chuyện gay gắt khác. Đó là sự đấu mặt của các nhật báo và báo có định kỳ (gồm các bán tuần báo, tuần báo bán nguyệt san, nguyệt san... Báo Văn nghệ cũng có, báo nhiều nhi cũng có, báo bàn về đua ngựa cũng có, và cả báo cũ lại hình ảnh của các nhân vật ngoại quốc như Charlot, Lucky

Lucke lại càng... có nhiều).

Sau khi đại hội bầu chủ tịch đoàn và thư ký đoàn xong, đại hội xoay quanh 2 vấn đề:

- 1) Bầu cử hội đồng báo chí,
- 2) Cử hai tiểu ban soạn thảo quy ước và nội quy.

Cuối cùng đại hội đồng ý bầu các tiểu ban soạn thảo nội quy trước. Còn vấn đề bầu cử hội đồng báo chí thì... hạ hồi phân giải.

● Trong thời gian này, các báo định kỳ đã họp để bầu ban quản trị lâm thời Hội Báo Định Kỳ Việt Nam, trong đó có ông

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa.Lan

uyên Võ, chủ nhiệm tạp chí Thông và tuần báo Thăng (nhưng ít ngày sau, ông uyển Võ đã tuyên bố rút lui bạn lo cho 2 tờ báo).

Tối buổi họp thứ tư (ngày 3-3-70) đại hội mới họp có 15 phút thì quyết định nhóm đến sáng thứ hai 3 tái nhóm.

Lý do là sự kinh chống giữa nhật báo và các báo định kỳ.

Buổi sáng 30-3-70, đại hội chỉ mới nhóm họp được 5 phút thì tan vỡ.

Ngày khi buổi đại hội bắt đầu việc thì ông Trần tấn Quốc, chủ nhiệm nhật báo Đuốc Nhà và là chủ tịch Hội Chủ Việt Nam lại cũng là chủ tịch của đại hội đọc tuyên cáo 4 hội đoàn (gồm Hội Chủ Việt Nam, Hội Ái Hữu ký nghiệp đoàn ký giả Nam và nghiệp đoàn ký giả Việt Nam).

Bản tuyên cáo cho hay có một

số phần tử không phải là những người làm báo chuyên nghiệp đã lợi dụng sự sơ hở của điều 40 qui chế báo chí để mưu toan thao túng đại hội.

Sau đó ông tuyên bố cả 4 hội đoàn rút khỏi đại hội. Thành ra, trên bàn chủ tọa chỉ còn lại có ông Đặng văn Bé mà thôi. (Ông Bé là chủ nhiệm kiêm quyền chủ nhiệm mấy tờ tuần báo phụ nữ và cũng là chủ tịch hội Báo định kỳ Việt Nam.)

Sau lời tuyên bố của chủ tọa, các đại diện báo hằng ngày đều bỏ ra về. (Ngoại trừ bà Bút Trà chủ nhiệm nhật báo Saigon Mới).

Sở dĩ các đại diện báo hằng ngày... chê đại hội chỉ vì «phe» báo định kỳ muốn lấy thịt đè người. Nghĩa là «bắt» thiếu số phải phục tùng đa số.

Theo sự am hiểu, thì hiện nay có 24 nhật báo và 69 báo định kỳ. Mỗi báo được cử 2 đại diện

đại hội, có quyền phát biểu và bỏ phiếu.

Như vậy, nếu bỏ phiếu thì nhất định báo định kỳ có số phiếu đông hơn để chiếm đa số ghế trong Hội Đồng Báo Chí. Và nếu như vậy thì các báo hằng ngày đâu có chịu.

● Sau đó, vào ngày 2-4-70, tại câu lạc bộ báo chí đường Lê Lợi đã có một đại hội bất thường của các chủ nhiệm các nhật báo. Đại hội quyết định thống nhất Hội Chủ Báo Việt Nam và Hội Chủ Báo miền Nam thành một Hội duy nhất.

Cũng trong đại hội này, các chủ nhiệm nhật báo thủ đô đã quyết định phùng kế hoạch nhằm đưa Đại Hội Báo Chí đầu tiên của Việt Nam đến chỗ thành công, trong đó có việc nhờ Tối Cao Pháp Viện phán xét sự hợp pháp của Đại Hội Báo Chí, do Bộ Thông Tin triệu tập và giải thích hai tiếng «báo chí» trong bản qui chế báo chí mới ban hành.

(Khi 4 Hội đoàn lớn bỏ đạo

hội ra về, những người còn lại (các báo định kỳ) tuyên bố đại hội vẫn hợp pháp và vẫn họp... lu bù).

Sự tắc nghẽn của đại hội chung qui do sự có mặt của... 10 ngàn tấn giấy (không thuế kiểm ước) do Bộ Kinh Tế... dành cho, với điều kiện sau khi Hội Đồng Báo Chí thành hình tự các báo chia phần với nhau theo giá không... kiểm ước.

Trong khi Hội Đồng Báo Chí chưa thành hình thì 10 tấn giấy kia vẫn như... mở treo cách miệng mèo mà thôi.

Và, điều ai oán nhất là các báo (nhật báo lẫn định kỳ) vẫn phải mua giấy với giá có... kiểm ước — nghĩa là 700 đồng một ram giấy.

Cứ mua giá có kiểm ước đi bao giờ các «ngài» thỏa thuận với nhau về vấn đề... việc làng, thì lúc đó mới được quyền thu hồi... số tiền kiểm ước...

Và... đại hội còn hoãn tới ngày 14-4-70 mới tái họp.

BẠN ĐỌC GỬI TỚI TÒA SOẠN

RƯỚC hết tôi xin giới thiệu cùng ông tôi là một Giáo-sư trung
hiện dạy tại Trung-học Tam-Kỳ Tỉnh Quảng-Tín. Tôi viết thư
y lần đầu tiên kính nhờ ông một việc quan trọng mà tôi tin chắc
ng có thể vui lòng giúp cho tôi được.

Kính ông ! với Tạp chí của ông tôi mua rất nhiều từ số 10
nay. Tôi có xem một số ở trang sau mục giới thiệu chữa bệnh vì
quá tôi không nhớ là số mấy, tôi cố công tìm số đó trong mấy ngày
vẫn không thấy vì lại mất do các bạn tôi đã mượn xem.

Hôm nay tôi viết thư này kính nhờ ông cho tôi địa chỉ thầy
ốc bắc đã chữa cho một bệnh nhân lành bị lao, bị lưng phôi;
ng số Phổ-Thông đó có in ảnh của bệnh nhân đã chữa lành bệnh.

Rất mong ông giúp cho tôi xin địa chỉ của vị thầy đó. Hiện nay
cũng bị tình trạng đó.

Thưa ông ! Nghề dạy là vậy tận tâm với chức nghiệp thì bản
mình phải chịu khổ.

Mong ông trở lời cho tôi bằng thư riêng càng sớm càng tốt.

Mong thư ông

Này kính

NGUYỄN-AN

Giáo sư Trung học

Địa chỉ :

2067 Huỳnh-thúc-Kháng
Tam-kỳ Q.T.

BẠN ĐỌC

LTS.— Tòa soạn cũng không nhớ là bài đó đã đăng
trong số nào. Vậy xin vị lương-y tác-giả bài đó vui lòng
cho bạn đọc biết địa chỉ.

● Sơn bắt cao, thủy bắt thâm

Nhân đọc Phổ-Thông số 241 bài nói về Phong hóa miền Trung
tác giả là ông Trần Tử đã viết : «Huế ngày nay có còn là đất «Sơn
bắt cao, thủy bắt thâm» nữa không.» Rồi trong bài tác giả lại nhắc
đi nhắc lại 2 câu :

Non bắt cao, thủy bắt thâm

Nam đa trá, nữ đa dâm

Kính thưa ông Giám đốc tôi đứng trên cương vị là một người
Huế xin yêu cầu ông Trần Tử (không là người Huế) hãy tìm đọc
tất cả những sách vở nói về miền Trung, đọc cho thật kỹ xem thử
câu đó nói về tỉnh nào. Riêng tôi biết mà không nói vì nói ra có vẻ
mạ lý người ta quá. Và kính xin ông gián đốc xác nhận lại với bạn đọc
là câu đó không phải chỉ cho Huế.

Trân trọng cảm ơn Ông

Trương-Thị-Minh-Châu

113 đường Quang-Trung, Quảng-Ngãi

● Dựng mối đạo-tình

Congrégation Bouddhique Unif ée du Viêt-nam
LIEN-DOAN SINH-VIEN PHAT-TU VIET-NAM TAI PHAP
union des étudiants bouddhis'es vietnamiens en France
LE COMITE CENTRAL

2, Square des Mimosas

75. Paris 13^e

P.L. 2513 Paris, ngày 17-3-1970

.. Tuy được biết Bác từ lâu qua tạp chí «Phổ-Thông»
nhưng chúng tôi chưa có dịp giao thiệp với Bác.

Nhân dịp nhận được số «Phổ Thông» cuối cùng, Thầy Thiệp Châu có khuyên chúng tôi gửi bài về đăng trên báo «Phổ Thông» để gây dựng mối đạo tình giữa sinh viên, trí thức Phật tử tại Pháp và Bác một Phật tử lão thành mà Thầy Thiệp Châu rất quý mến...

Chúng tôi sẽ tiếp tục gửi về những chuyện thiền khác cùng những bài nghiên cứu liên quan đến những vấn đề Phật giáo, triết lý và văn hóa Đông Tây...

Xin kính chúc Bác nhiều sức khỏe,

Kính thư.

T.M. Ban thường vụ trung ương

Liên đoàn sinh viên Phật tử

Việt-Nam tại Pháp,

RẦN HẢI-HẠC

● **Chút ít phê bình thời sự**

... Vì thế em thiết tha mong rằng Phổ-Thông sẽ thêm mỗi kỳ một bài phê bình khách quan về thời sự quốc tế. Em biết nhà thơ không ưa chính trị xói thịt, dằm phải mà Phổ-Thông đã luôn luôn giữ một đường lối khách quan lịch-sử đối với mọi biến cố Văn-hóa, xã-hội, nhưng tưởng cũng nên có những nhận xét vô tư cả về chính trị quốc nội và quốc tế, để hướng dẫn dư luận bạn đọc. Nếu điều em yêu cầu không có gì quá đáng, em mong rằng...

TRẦN-THỊ CHÂU-SA

Sinh viên Văn Khoa

Đ.H. 2-4-1970

● **Sinh hoạt của một Thạc sĩ Hóa học Việt-Nam ở Đại-Học Phi-luật-Tân**

COLEGIO DE SAN JOSE RECOLETOS

Cebu City, Philippines

.. Chương trình làm việc cho 6 nghiên cứu viên hết ra giảng nghiệm lại phải kiểm soát dụng cụ, các chất hóa học cần thiết cùng

huấn luyện họ cách sử dụng etc... Vì vấn đề là chuyên môn không thể giao phó được cho ai. Viết thư giao dịch cho ngoại quốc thì có thể «Dictate» cho thư ký viết, chứ viết thư cho gia đình và các anh thì đào không ra một thư ký người Việt chỗ tôi ở. Tôi gửi thư đến tòa Đại-sứ VN ở Phi đề nghị cho 1 học bổng cho S.V. Việt Nam nào xuất sắc ở Phi, eo hẹp về tài chánh với điều kiện được Hội S.V. V.N. chọn lựa, mà cả tháng chẳng thấy Tòa đại sứ trả lời.

Việc số đã vậy các hãng tư nhân nhiều cũng đến phiên hoài, nào xin giúp về vấn đề «analysis» hoặc về phẩm chất của «product» etc... Tôi vừa đi thăm mấy nhà máy cất rượu để rectify defect cho họ. Nhà quốc gia khoa học cũng vậy gọi tôi hoài để xin ý kiến về các vấn đề liên hệ. Tới 20-jan này tôi lại phải đi chấm thi cho nhà quốc gia khoa-học vì họ có «Annual Regional Science fair» — Tôi là 1 judge về physical science ở «judge. pannel»

Năm trước đây tôi định về đề đem chút ít học thức của mình phục-vụ Quê-hương, nhưng chẳng hiểu sao giấy tờ G.S. Phạm hoàng Hộ lo thế nào Bộ QGGD trả lời quá trễ — Tôi tại phải ký «Contract» ở đây lại. Contract sẽ hết hạn vào tháng 4 năm 1971 vì thế tôi định viết thư ngay từ bây giờ để Anh Hộ lo dần thì vừa chứ nếu tới chậm hơn kỳ hạn lẽ dĩ nhiên phải ký hợp đồng lại đề có kế sinh sống chứ ! !

Tôi được mời đi họp hội nghị quốc-tế ở Mỹ và Swizeland, song kém ngân nên chẳng hiểu sẽ đi hay không? Nếu định đi chắc cũng khó vì tòa đại sứ VN ở Phi sẽ làm khó dễ...

Thân ái.

PHÙNG LÊ ANH

DR. Phung le anh

Acting Research Director

Research Center

Colegio de San Jose Recoletos.

Cebu City.

trị: **ỈA CHẬU - NHIỄM ĐỘC
Ở RUỘT**

KIẾT-LÝ CÓ ĐÀM MÁU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

*Hợp với
người lớn
trẻ em*

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

20bc/375/17-8-67

NUỐC NGỌT "CON CỌP"

AIR



**Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.**

*Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Yêu Đời.*

Brasseries et Glacières
de l'Indochine
6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dưng hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống Lối Công Hoàn «**Ông Tiên**». Các tiệm thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc **Ông-Tiên** Phú-Lâm Cholon. K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghè chốc, lở loét, gãi tới đau ăn lan tới đồ không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống Giải phong Sát-Độc-Hoàn «**Ông Tiên**» Trên 30 năm danh tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm, Cholon
(K.N, BYT. số 3—9—J-63)

Giấy phép số 292 CDVITTING ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại nhà in riêng của **PHỒ-THÔNG**

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi